



Thạch Đào (1642-1707). Lan, trúc, tảng đá.

MỤC LỤC

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

THỜI SỰ & NHỮNG VẤN ĐỀ

- | | |
|------------------------------------|---------------|
| 1 Lý, tình và cờ... | Phong Quang |
| 5 Tin / Thời sự | |
| 9 Little Saigon bớt dân chống cộng | D. Tsang |
| 11 Người nông dân đâu rồi ? | Bùi Mộng Hùng |

VĂN HÓA & KHOA HỌC & NGHỆ THUẬT

- | | |
|----------------------------------------|------------------|
| 12 Phù Thăng (<i>chân dung</i>) | Trần Đăng Khoa |
| 15 Nó : ít hay nhiều ? | Hà Duy |
| 16 Quả vải : H.Dương hay H.Yên ? | B. Yên Nhàn |
| 18 Đêm trù tịch (<i>xem phim</i>) | Phan Tâm Khê |
| 19 Qui hoạch đô thị | Văn Ngọc |
| 22 Cuội, Bờm, Mõ... | Nguyễn Dư |
| 25 Bình thơ | Nguyễn Hữu Thành |
| 26 Con mèo của Schrödinger | Hàn Thuỷ |
| 29 Thư Berlin | Kiến Văn |
| 30 Mắt miền Tây (<i>truyện ngắn</i>) | Võ Thị Hảo |

Biểu tình ở Bolsa, Quận Cam

LÝ, TÌNH VÀ CỜ...

Phong Quang

Sang tháng hai dương lịch, thời sự Việt Nam dường như cũng nghỉ xả hơi ăn tết (vì vậy trang tin tức số này nghèo hơn thường lệ). Tháng trước, còn có Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản, tuy sự kiện này đã chìm sau việc tướng Trần Độ bị khai trừ. Không phải vì giới quan sát thấy cây mà không thấy rừng : họ chờ đợi một cuộc thay đổi về nhân sự giữa nhiệm kỳ, quên rằng nó còn đang ở trong giai đoạn thâm cung ẩn đả, phải đợi ngã ngũ xong, nghĩa là hai ba tháng nữa, mới đem ra trình diễn công khai.

Trong khi chờ đợi, thời sự Việt Nam im ắng như cuốn phim câm, như những chùm pháo bông được nhà nước tung lên trong mấy ngày tết, thay thế những tràng pháo nổ truyền thống. Âm thanh và cuồng nộ, trong những ngày tết Kỷ Mão này, đã vượt biển, sang khu Tiểu Sài Gòn ở California.

Từ cuối tháng 1-99, mỗi ngày có hàng trăm người Việt Nam mang cờ vàng ba sọc đỏ tới biểu tình trước cửa tiệm Hi-Tek bán máy móc video của ông Trần Văn Trường phản đối ông này treo ảnh chủ tịch Hồ Chí Minh và quốc kỳ Việt Nam trong cửa tiệm. Nếu chỉ có vậy, thì cũng là chuyện cơm bữa ở Quận Cam : năm ngoái và năm kia, các tổ chức chống cộng ở Cali đã từng biểu tình phá đoàn múa rối nước, hay vở kịch *Hòn Trương Ba da hàng thịt* của Lưu Quang Vũ (đã nhiều năm bị kiểm duyệt ở Hà Nội), thậm chí cả cuộc viếng thăm Hoa Kỳ của một vị lão làng thượng trụ trì hơn nửa thế kỷ nay tại Sài Gòn... Chuyên cơm bữa ấy, thực ra, cũng đang tàn dần trong té nhật (*xem bài phân tích của ông D.C. Tsang, tr.9*), như một vở tuồng mà chính các diễn viên cũng bắt đầu thấy vô duyên, nhảm nhí.

Dường như ngọn nến tàn, trước một cơn ho húng hăng, phải bùng lên một lần chót, chiếu lên những khuôn mặt chung quanh, ánh sáng và bóng tối làm biến dạng những nét

(xem tiếp trang 10)

Câu đối Tết

Trong số báo Tết, chúng tôi đã mời bạn đọc đối câu

Khai bút đầu xuân Kỷ Mão, bấm chuột gửi meo cho mèo mà ban kỹ thuật đã bày ra trong mấy ngày lên khuôn tờ báo, sớm phải bấm chuột (souris / mouse) tối phải gửi meo (Email : thư điện tử) cho các cộng tác viên. Vé đối chẵng có gì cao siêu, chỉ phải cái hơi ác là những cặp mao/mèo, mèo/chuột, meo/mèo và sự đa nghĩa của các từ chuột, meo, mèo, mèo chuột – tuy không “ác” như câu đối tuy mới mà nổi tiếng

Gái Cù Chi chỉ cu hỏi cù chi
chúng tôi cũng rất mong nhận được hưởng ứng của bạn đọc.
Trong khi chờ đợi, khá đông bạn đọc đã nhanh chóng đáp lại
câu đối số báo Tết. Tất cả đều đem Mậu Dần đối với Kỷ Mão,
diễn này cũng dễ hiểu. Dần thì phải là cop, là hổ, chứ không
thể là ông ba mươi được rồi. Nhưng làm sao đối mèo / chuột ?

triển lãm tác phẩm mới của

PHAN NGUYÊN

Papyrus

từ 14.3 đến 4.4.1999

khai mạc : chủ nhật 14.3 từ 14g đến 20g
tại Péan Studio, 47 rue Mont Blanc

77176 Savigny le Temple, Tel+Fax : 01 60 63 30 57

Galerie Ambiance Thé

3 rue Chomel, 75007 PARIS, tél 0145446088

peintures de

Bùi Ngọc Tư
et de
Mây

ouvert de mardi à samedi, de 13 h à 19 h
jusqu'au 13 mars 1999.

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables

Heures d'ouvertures : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00
(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél 01 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

Bạn đọc và Diễn Đàn

meo / mèo ? Ta hãy xem chư vị giải quyết ra sao. Bạn Trần Mai Lan ở quận 13 Paris :

Xếp nghiên cuối số Mậu Dần, gom công xây mộ cho hổ Nhiều cặp đối chưa chỉnh, nhưng đó là câu đối đầu tiên, dấu bưu điện làm bằng. Họa sĩ Phan Nguyên, thay mặt công đoàn nghệ sĩ, muốn nhắc nhở Diễn Đàn chờ nên sao chép các tác phẩm hội họa một cách vô tội vạ, bất chấp pháp luật về tác quyền :

Xếp sổ cuối năm Mậu Dần, nhấn báo dùng cờ tranh cờp Nhà báo há miệng mắc quai, khen thì cay đắng trong lòng, chê thì sẽ bị cho là chạm nọc thù dai. Cũng may là đối xong, tác giả chắc mẩm sẽ được tặng một năm báo (chứng tỏ có ít nhất một người tin tưởng vào những gì đọc trên báo DD) nên đổi thêm một câu nữa :

Xếp sổ cuối năm Mậu Dần, tiên báo bỏ bao đọc cờp quên khuấy rằng bao cờp không đối với meo mèo được. Thế mới biết một khi máu tham đã nổi dậy thì khách tài hoa cũng đổi phen mất cảnh giác như ai. Đọc cờp cũng có nhiều cách. Cách giản tiện nhất là bay vào không gian xybe, lướt trên trang nhện, trang lưới website của báo DD. Nên bạn D.H. ở Antony meo như sau :

Đóng cửa cù mặt Mậu Dần, lưới nhện sao cờp đọc cờp
Cũng theo đường thư điện tử, bạn Thế Dũng gửi từ Berlin :

Cạn chén cuối ngày Mậu Dần, bế huyệt quên dân vuốt hổ
rõ ràng khẩu khí của một đệ tử Lưu Linh.

Bạn Q.D. ở Bourg-la-Reine là người trong nghề tin học, chợt nhớ Diễn Đàn đã phụ tình con chuột (tiếng Mỹ là mouse : Mao) của dân máy Macintosh, và dường như cũng muốn xô xiên các nhà macxit đến chiều trong ban biên tập :

Khoá sổ cuối năm thiên kỷ, Diễn Đàn bỏ Mao cùng Mác Một xibeman khác, có lẽ ở trong ban biên tập Diễn Đàn, đã gửi điện thư giấu tên qua tuyến hotmail. Lẽ ra chúng tôi bỏ qua thư nặc danh, nhưng vì thấy nội dung tự phê có vẻ sám hối, nên xin chiếu cố biệt lệ :

Tính sổ cuối đông Mậu Dần, viết báo hàm hô xấu hổ.
Đó là những câu đối chúng tôi đã nhận được tính đến ngày mồng ba Tết Kỷ Mão. Mỗi câu một vẻ, song xem ra chưa có câu nào hoàn chỉnh. Vậy xin đợi thêm số sau phân giải.

dính chính 1

Vì một lý do kỹ thuật mà cho đến nay chúng tôi chưa lý giải được, bài Xóm của Nguyễn Hoàng đăng trên số Tết đã mất cả một đoạn dài. Chúng tôi thành thực xin lỗi tác giả và bạn đọc. Dưới đây là phần liên quan, trong đó đoạn bỏ sót được in nghiêng :

“ Các tiếng ôn thường trực ấy là nỗi khủng khiếp đối với chúng tôi, ở xa vắng. Chúng tôi được sinh ra và lớn lên không ở đâu khác hơn là một cái xóm lao động, ôn ào, huyên náo gần

giống như thế này. Nhưng cái ôn ào của ở đây phải nói là kinh khiếp hơn; và cũng khó chối cãi là chúng tôi phân nào đã quen với những khu gia cư không có máy móc, xe cộ, ám ĩ ngày đêm. Vì lý do sức khoẻ, hơn một lần bọn tôi cũng “ý kiến ý ruồi” với cha tôi, mong ông cụ đồng ý dời chỗ ở lân nữa. Cụ thể, có lần tôi đã đưa cha tôi địa chỉ một căn nhà đang bán, do một người bạn có lòng tốt giới thiệu, để ông cụ xem mắt. Cha tôi cũng chịu tôi, đi xem; và chê: “Xóm gì mà mạnh ai nấy ở, đóng rào đóng cổng cứ im im, chán chết.” Vậy là mấy đứa con bầm bụng chào thua !

**

Hai con bão số 7 và số 9 góp phần kèm chân chúng tôi trong nhà. Vậy lại hoá ra hay. Một nhà họp lại gần như đầy đủ các đứa con của cha mẹ tôi, đã lâu lắm rồi mới có dịp chùm nhum lại với nhau, cùng với nhau đi về lại những chặng đồi trong quá khứ mà chúng tôi có chung nhau. Bên cạnh, cha tôi nằm vỗng lắng nghe và thỉnh thoảng góp vào đồi câu, nhắc lại những “tiền căn” của nhiều việc có nguồn gốc xa cũ hơn. Tôi vừa tham dự, vừa ngắm nhìn cuộc đoàn viên, trong đó những đứa con tuổi xấp xỉ bốn mươi trở lên thi nhau nhắc lại những mẩu vụn vặt của một cuộc sống mới đó mà chừng như đã thuộc về “Sài Gòn 300 trăm năm”, lại cũng như còn tươi chong, vừa mới hôm nào. Không có chuyện gì quan trọng. Chỉ là chuyện về những con người, những khuôn mặt, còn, mất, những mẩu đồi trong một cái xóm nửa quê nửa chợ, đang cùng với thời gian xích lại gần chợ, xa quê. Nhớ lại từng người thân quen mình đã sống cùng; những sinh hoạt của một xóm nghèo nhưng mọi người rất gần gũi nhau. Nhớ cả những hàng quà bánh, mà giờ đây “nhìn” lại, nó thô sơ, đậm bạc biết chừng nào. Vậy mà sao cái náo nức được mua miếng quà, chiếc bánh lại lấm rao rực, thèm thuồng mình không cách nào tìm lại, dù có khổ công lục lạo cùng khắp các cửa hàng “đặc sản”, “cao cấp” (!) của hôm nay. Có nhà hàng nào bán được món bánh “khọt”, món xôi bắp, kẹo đúc, “chí mà phủ” (?) của chúng tôi ngày xưa không ?

dính chính 2

Trong bài *Triển lãm nghệ thuật cổ Trung Quốc* của Văn Ngọc, *Diễn Đàn* số 81 (1-99), có một số từ hán việt phiên âm sai, xin phiền bạn đọc sửa lại giùm :

trang 27, cột bên trái, dòng 10 từ dưới lên, *Huy Tông* thay vì *Huệ Tông*; dòng 17, chú thích dưới hình minh họa : *ngọc*

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hân Thúy,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hòa Văn

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo : 1/8 trang : 180F, 1/4 trang : 300F, 1/2 trang : 550 F trang, 1 trang : 1000F (giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %).

Đăng liên tiếp nhiều số báo : lần thứ hai : bớt 10 %, từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %.

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, tòa soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên.....
.....
.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng.... (số....).

Kèm theo đây là ngân phiếu FF

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM TOM : 250 FF, tức là 40); Châu Âu ngoài Pháp : 280 FF = 45 ; Các nước ngoài châu Âu : 330 FF = 50).

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về : DIENDAN FORUM, B.P.50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris

Bạn đọc ở Châu Âu thuộc khối Liên hiệp kinh tế UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục CCP số 30041 00001 0441614 W 020 76 của Diễn Đàn. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở Hoa Kỳ xin ký séc 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Canada và Úc xin gửi money order 60 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về tòa soạn (xem trên).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD/năm, séc đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở Thuỵ Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal diendan, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về tòa soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank : SPARKASSE AMBARG-SULZBERG, Konto : N° 380 48 94 76 : blz 752 500 00).

tông thay vì ngọc thông. Cột bên phải, từ dưới lên, dòng 2 : ngọc bích, thay vì ngọc tất.

trang 28, cột bên phải, chú thích dưới hình minh họa : *Cự Nhiên* thay vì *Thư Nhiên* ; dòng 1 từ dưới lên cũng vậy.

trang 29, cột bên trái, dòng 7 từ trên xuống, *Hạ Khuê*, thay vì *Hạ Quý* ; dòng 9, *Văn Chính Minh*, thay vì *Văn Chính Minh* ; dòng 9 từ dưới lên, *Vương ĐẠC*, thay vì *Vương ĐA* ; bức họa *Ấn sĩ* là của *Lương Khải* chứ không phải của *Chu ĐẠP*.

Cột bên phải, dòng 7 từ trên xuống, *Chu ĐẠP* thay vì *Chu ĐẠI*, *Bát ĐẠI* thay vì *Bá ĐẠI* ; dòng 18 từ trên xuống, *Cự Nhiên* thay vì *Thư Nhiên*.

Xin cáo lỗi cùng bạn đọc và xin cảm ơn một độc giả đã viết thư chỉ bảo cho chúng tôi

APAR

ASIE - PACIFIQUE RECHERCHES
(Association loi 1901)
39, rue Juge
75015 - Paris
E.mail : apar97@hotmail.com

L'association Asie - Pacifique Recherches est née d'un constat : celui de la dispersion des informations et du manque de liaisons entre les individus et les structures travaillant sur les questions asiatiques.

Elle s'adresse à un public large désireux de participer avec nous à cet effort de rapprochement.

Nous proposons donc à nos adhérents :

- d'une part d'accéder aux informations que nous centralisons ;
- d'autre part d'exprimer sur divers supports (écrit, radiophonique, etc ...) leurs analyses plurielles et contradictoires dans les domaines de leurs compétences.

A NOTRE ACTIF :

- émissions radiophoniques : Vietnam, Corée du Sud (2), la question de l'environnement en Asie ;
- l'annuaire des ONG françaises au Vietnam ;
- dossier Corée du Sud.
- dossier de presse : Chine, Japon, Corée, Vietnam, Cambodge, Birmanie, Hong-Kong, Taiwan; Singapour, mort de Deng Xiaoping, rétrocession de Hong-Kong, mouvement social de l'hiver 96/97 en Corée du Sud, crise financière asiatique ...

BULLETIN D'ADHÉSION

Nom :

Prénom :

Adresse :

Téléphone :

Télécopie :

Adresse électronique :

Profession :

Spécialité :

Centres d'intérêt :

Comment avez-vous connu APAR ?

Adhésion : 100 FF Étudiant : 50 FF Membre bienfaiteur : 500 FF et plus

Chèque à l'ordre d'APAR

BỮA CƠM GIÚP THÔN AN PHÚ

Cùng với **đạo diễn Trần văn Thủy**, anh chị có thể giúp thôn **An Phú** (xã Hải Phong, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định) xây dựng cho con em một mái trường mẫu giáo (hai lớp) và nhà trẻ (hai phòng).

Công trình trị giá 200 triệu đồng Việt nam (khoảng 100 000 FF).

Để thực hiện đề án này, chúng tôi tổ chức :

Bữa Cơm An Phú

Chủ Nhật 28 / 03 / 1999 lúc 12 giờ
Restaurant CHEZ THU, 84 ave Aristide Briand (N20)
92160 ANTONY - dt : 01 46 68 08 93

Chương trình Văn nghệ có các **nghệ sĩ Hồng Ngọc, Hương Thanh và Lê Thu**.

Hai họa sĩ Phan Nguyên và Trần Nhật Thắng
đặc biệt tặng 4 bức tranh sẽ bán tại chỗ.

Vì số chỗ nhất định, xin anh chị ghi tên sớm, trước ngày 20/03 theo mẫu đơn dưới đây và gửi chèque libellé à l'ordre de Madame VU về :

Ecole AN PHU c/o Mme Vu,
62, rue de Chateaufort - 92340 Bourg la Reine

Ngoài ra, anh chị có thể **đóng góp bằng tiền trực tiếp** qua Fondation de France (reçu fiscal để trừ thuế cuối năm : 50 % số tiền đóng góp). Chèque libellé à l'ordre de Fondation de France compte no 600934 và gửi về địa chỉ :

Ecole AN PHU, c/o Mme VU,
62, rue de Chateaufort, 92340 Bourg la Reine



THAM DỰ BỮA CƠM AN PHÚ NGÀY 28/03/1999

Tên, họ :

Địa chỉ :

..... Tél :

Tham dự với :người lớn x 170 FF =
và trẻ em (dưới 12 tuổi) x 70 FF =

tổng cộng =

Chúng tôi sẽ gửi vé cho anh chị sau khi nhận được giấy ghi tên và chèque

Tin Tức - Tin Tức - Tin Tức

Tin Tức - Tin Tức - Tin Tức

Tin Tức - Tin Tức - Tin Tức

Tin Tức - Tin Tức - Tin Tức

Tin Tức - Tin Tức - Tin Tức

Tin Tức - Tin Tức - Tin Tức

Tổng bí thư Lê Khả Phiêu : " lương bỗng như vậy thì làm sao sống được ! "

Trong cuộc gặp gỡ báo chí đầu năm, tổng bí thư đảng cộng sản Lê Khả Phiêu có cho biết số người ăn lương nhà nước - bao gồm cán bộ, công chức, người về hưu - lên đến khoảng 7 triệu người, tức 10 % dân số. Người ăn lương nhà nước đông, ngược lại lương bỗng tháp, bộ máy nhà nước làm việc kém hiệu quả đồng thời vòi vĩnh tham nhũng. Lương của tổng bí thư hay chủ tịch nước cũng chỉ từ 1,2 - 2 triệu đồng/tháng. Ông Phiêu cho rằng : " Lương bỗng như vậy thì làm sao sống được ! ". Trong thực tế, hầu hết cán bộ, công chức đều xoay sở sống được và một bộ phận không nhỏ đang làm giàu lên nhờ buôn quyền bán lực.

Ông Lê Khả Phiêu cũng khẳng định rằng không thể có giải pháp tăng lương cán bộ, công chức : nâng lương tối thiểu từ 140 000 lên 300 000/tháng thôi sẽ ngốn 80 % ngân sách nhà nước. Bài toán do đó là cắt giảm biên chế để cho cùng một ngân sách ấy nhà nước có thể trả lương cao hơn. Song đến nay, kết quả của công cuộc cải cách hành chính và tinh giản bộ máy nhà nước xem ra còn quá khiêm tốn. Phải chăng vì, như chủ tịch nước Trần Đức Lương thừa nhận, cải cách nhà nước có một quan hệ chặt chẽ với hệ thống chính trị ? (Thời báo kinh tế Sài Gòn 14.1.99)

Hạn hán :

1,3 triệu người thiếu nước sinh hoạt

Hiện nay, hạn hán ở các tỉnh phía bắc, từ Hà Tĩnh trở ra, đã khiến khoảng 1,3 triệu người thiếu nước sinh hoạt. Tình hình diễn ra đặc biệt nghiêm trọng ở các huyện vùng cao Hà Giang, Lạng Sơn, Cao Bằng, nơi một số xã đã phải cho học sinh nghỉ học vì không có nước sinh hoạt. Một số địa phương đã chuẩn bị phương án di dân tạm thời đến vùng có nước sinh hoạt.

Theo bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, cả nước có tới 360 ngàn hecta trên tổng số 2,5 triệu ha lúa đông xuân sẽ bị hạn hán, trong đó có 55 ngàn ha ở miền núi và trung du Bắc bộ, 50 ngàn ha ở đồng bằng sông Hồng, 63 ngàn ha ở Thanh-Nghệ-Tĩnh ; trong khi đó, ở đồng bằng sông Cửu Long, 200 ngàn ha đang nhiễm mặn do thiếu nước.

Trung tâm quốc gia khí tượng và thủy văn cho biết lượng nước các sông Bắc bộ và bắc Trung bộ đã giảm dưới mức trung

bình từ 30 đến 50 %, phần lớn các hồ chứa nước đều thấp hơn mực nước chèn. Ông Nguyễn Đình Ninh, phó cục trưởng quản lý nước và công trình thuỷ lợi, cho rằng : " Có rất nhiều khả năng hạn hán năm 1999 sẽ dữ dội hơn năm 1998 ".(Lao Động 20.1 và 1.2.99)

Lãng phí năng lượng :

hạng thứ ba trên thế giới

Việt Nam hiện đứng thứ ba trên thế giới về sử dụng lãng phí năng lượng. Mặc dù mức phát triển còn thấp kém, chi phí về năng lượng của Việt Nam gấp 2,6 lần Thái Lan và 3,6 lần Singapore.

Chỉ 88 nhà máy lớn nhất nước ta đã tiêu thụ gần 50 % sản lượng điện. Nhà máy dệt Nam Định và nhà máy đường La Ngà có mức lãng phí từ 30-40 %. Ngành ngốn nhiều năng lượng và cũng gây lãng phí nhiều nhất là luyện kim, do tình trạng máy móc cũ kỹ, lạc hậu.

Theo tính toán của bộ khoa học, công nghệ và môi trường, các ngành công nghiệp có thể tiết kiệm đến 30 % năng lượng, và mức tiết kiệm ngắn hạn khoảng 15 %. Nếu thực hiện tiết kiệm năng lượng trong các doanh nghiệp công nghiệp lớn của nhà nước thì mỗi năm đem lại khoản tiết kiệm từ 15 đến 19 triệu USD với những biện pháp ngắn hạn (dưới 6 tháng), từ 22 đến 28 triệu USD đối với trung hạn (từ 6 tháng đến 2 năm) và từ 38 đến 47 triệu trong dài hạn (trên 2 năm). (Lao Động 27.1.99)

Xuất khẩu 1998 : hàng dệt may đứng đầu bảng

Những thống kê của bộ thương mại cho biết hàng dệt may đã trở thành mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam với kim ngạch là 1,350 tỉ USD năm 1998, tăng 0,1 % so với năm 1997.

Tiếp theo đó, theo thứ tự, là dầu thô (1,246 tỉ USD, - 14,7 %), gạo (1,030 tỉ USD, +20 %), giày dép (960 triệu USD, - 0,5 %), hải sản (850 triệu USD, +8,8 %), cà phê (590 triệu USD, +20%), máy vi tính và linh kiện (404 triệu USD, +58,4 %), cao su (125 triệu USD, -34 %), hạt điều (117 triệu USD, -12 %), than đá (102 triệu USD, -8 %). (Thời báo kinh tế Sài Gòn 21.1.99)

Đầu tư nước ngoài :

Đài Loan dẫn đầu về vốn thực hiện

Những thống kê về đầu tư nước ngoài của bộ tài chính cho biết Đài Loan hiện nay dẫn đầu về vốn thực hiện ở Việt Nam với 1,710 tỉ USD, trong khi vốn đăng ký là 4,115 tỉ USD.

Tiếp theo đó, theo thứ tự, là Nhật với 1,426 tỉ USD (đăng ký : 3,212 tỉ), Singapore 1,307 tỉ USD (đăng ký : 6,288 tỉ), Hàn Quốc 1,275 tỉ USD (đăng ký : 3,163 tỉ), Hồng Kông 1,254 tỉ USD (đăng ký : 2,413 tỉ), Malaysia 1,050 tỉ USD (đăng ký : 1,324 tỉ), Thái Lan 442 triệu USD (đăng ký : 1,077 tỉ), Úc 514 triệu USD (đăng ký : 690 triệu), Mỹ 356 triệu USD (đăng ký : 1,047 tỉ), Indonesia 92 triệu USD (đăng ký : 278 triệu). (Thời báo kinh tế Sài Gòn 14.1.99)

Tổng thống Kim Dae-jung bày tỏ ân hận về vai trò Nam Triều Tiên trong chiến tranh Việt Nam

Trong chuyến đi thăm chính thức Việt Nam và dự hội nghị thượng đỉnh các nước ASEAN ông Kim Dae-jung đã bày tỏ ân hận về vai trò của nước ông trong cuộc chiến tranh Việt Nam.

Trả lời ông, chủ tịch Trần Đức Lương tuyên bố hai nước phải bỏ qua một bên quá khứ đau buồn đó và tập trung sức lực cho tương lai.

Nam Triều Tiên đã đưa vào Việt Nam hơn 300.000 quân giữa 1963 và 1975 để hỗ trợ Mỹ. Sau khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt (1975) năm 1992 hai nước đã thiết lập lại quan hệ ngoại giao. Nước Mỹ thiết lập lại quan hệ ngoại giao với Việt Nam năm 1995, cho đến nay Mỹ chưa hề tỏ ý ân hận về vai trò của mình trong trận chiến. (REUTERS 15-12-98)

Bóng đá : xếp hạng 111

Kể từ tháng giêng 1999, liên đoàn bóng đá quốc tế FIFA đã áp dụng một cách tính điểm mới, trong đó điểm mỗi trận đá bóng được nhân với hệ số liên quan tới tầm quan trọng của trận đấu rồi nhân với hệ số khu vực tuỳ theo sự phát triển bóng đá của từng châu lục. Theo cách tính mới này, bóng đá Việt Nam tụt 13 bậc, xếp hạng thứ 111, thay vì tháng 12-1998 là hạng 98. Đứng đầu bảng vẫn là Brasil, Pháp và Ý. Trong danh sách 50 quốc gia đầu bảng chỉ còn có 5 nước châu Á (thay vì tháng trước là 8 nước) gồm : Nhật Bản (hạng 33), Hàn Quốc (34), Arabie Saoudite (36), Iran (46), Koweit (49).

Thứ bậc này chưa tính tới kết quả của cúp Dunhill 99 tổ chức tại Việt Nam vào tháng giêng vừa qua, đã tập hợp 5 đội tuyển Olympic của Trung Quốc, Hàn Quốc, Iran, Nga, Bulgaria và 3 đội tuyển quốc gia của Singapore, Malaysia, Việt Nam. Ở trận chung kết, cầu thủ Hàn Quốc đã thắng đội Trung Quốc với tỉ số 1-0. Ở vòng bán kết, cầu thủ Việt Nam đã thua đội Trung Quốc trên tỉ số 1-4, và xếp hạng thứ ba cùng với đội Iran. Ở vòng loại, những cầu thủ Việt Nam đã thắng đội Singapore 1-0, đội Nga 1-0 và hòa đội Iran 2-2.

Điều đáng chú ý là năm đội bóng ngoài Đông Nam Á đã khai thác thời cơ cúp Dunhill để tung đội tuyển Olympic (cầu thủ sinh từ năm 1977 trở lại) vào tập luyện chuẩn bị giải bóng đá Olympic Sydney 2000 mà vòng loại sẽ diễn ra vào tháng 5 sắp tới. Trong khi đó, ba đội Đông Nam Á đều chọn một mục đích thi đấu cận kề đưa ra ba đội bóng già tuổi nhất. Nhận định về chọn lựa này của những nhà lãnh đạo bóng đá Việt Nam, báo Lao Động viết : “*Người ta cần những chiến thắng ngay lập tức, những chiến thắng rào rực cờ hoa trên sân nhà ngày hôm nay. Không có chuyện ngày mai ở đây*”. Bài báo cho rằng trận thắng trước Singapore chỉ là một cuộc phục thù cho lòng tự ái của Việt Nam sau khi thua trận chung kết cúp Tiger 98. Còn trận thắng bất ngờ một đội Nga chủ quan và xuống sức, tuy mang tính lịch sử đối với bóng đá Việt Nam, nhưng cũng không phải là một cuộc trình diễn cho ngày mai. “*Một cơ hội vàng cho tương lai đã bị bỏ qua*”. (Tuổi Trẻ 30.1 ; Lao Động 10.2.99).

Di dời nhà cửa : sáng tạo kỹ thuật của các thợ miền Tây được công nhận

Đầu tháng hai vừa qua tại Thành phố Hồ Chí Minh, một hội thảo khoa học đã được triệu tập để đánh giá một sáng tạo về kỹ thuật di dời nhà xuất hiện ở đồng bằng sông Cửu Long từ nhiều tháng nay và làm xôn xao dư luận. Đó là một kỹ thuật thủ công độc đáo xuất phát từ những nhóm thợ miền Tây mà tiêu biểu là nhóm của ông Nguyễn Cẩm Luỹ, đã có hơn 20 công trình dời nhà thành công tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và Tây Nguyên. Cuộc hội thảo đã đưa đến nhận định rằng “*những thợ dời nhà đã biết vận dụng kinh nghiệm cổ truyền của cha ông bằng cách dùng con lăn để chuyển một vật nặng không thể khuân vác, giữ hệ đà kiêng như một cái thót cứng để truyền lực vào hệ con lăn và các hệ di chuyển khác, hay tạo lực kéo phân bổ hợp lý bằng palang...*”. Những chuyên gia ngành xây dựng họp tại Thành phố Hồ Chí Minh thừa nhận rằng ông Lũy và các thợ miền Tây có sáng tạo độc đáo ở những điều mà ngay cả các kỹ sư xây dựng được đào tạo chính quy cũng không biết.

Trong lúc các chuyên gia xây dựng đang hội thảo thì ông Nguyễn Cẩm Lũy thi công công trình dời nhà đầu tiên ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đó là một ngôi nhà ba tầng ở quận Phú Nhuận được nhóm thợ ông Lũy di dời an toàn đến vị trí mới : khoảng cách chuyển dịch là 50 m, xê ngang 10 m và có qua một ao. Ước tính ngôi nhà này nặng trên 150 tấn và trị giá 300 triệu đồng, công trình được thực hiện trong thời gian hơn 2 tháng và công di dời là 50 triệu đồng. Sau sự kiện này, giáo sư Nguyễn Văn Đạt, chuyên gia cao cấp ngành xây dựng TPHCM có tuyên bố : “*Tôi khâm phục sự táo bạo và sáng tạo của người nông dân Đồng Tháp*” (Ông Lũy quê ở Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp). Ngôi nhà mà nhóm thợ ông Lũy sẽ dời đi tiếp theo đó ở quận Gò Vấp, gồm có 2 tầng, diện tích 144 m², sẽ di chuyển 90 m và nâng lên 40 cm. (Tuổi Trẻ 9 và 11.2 ; Lao Động 8 và 10.2.99)

TIN NGẮN

* Tháng giêng vừa qua, bộ tài chính đã công khai dự toán chi ngân sách của các bộ và cơ quan trung ương khác. Theo báo Lao Động, trong danh sách 124 cơ quan này, những đơn vị có số chi lớn nhất là bộ giao thông vận tải (5274 tỉ đồng), bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (2884 tỉ đồng), bộ y tế (1001 tỉ đồng), bộ giáo dục và đào tạo (927 triệu), tổng cục thuế (610 tỉ đồng) - không thấy nói đến ngân sách của bộ quốc phòng.

* Khoảng 500 tổ chức phi chính phủ (NGO) hiện nay có hoạt động tại Việt Nam, trong đó 307 NGO đã có giấy phép chính thức. Năm 1998, trị giá viện trợ thông qua các NGO lên đến gần 80 triệu USD.

* Quỹ di tích thế giới WMF đã chính thức đưa khu tháp Champa Mỹ Sơn (tỉnh Quảng Nam) vào danh sách 100 di tích có nguy cơ hư hại nhất thế giới năm 1998-1999. WMF yêu

cầu chấm dứt ngay việc sử dụng xi măng trong trùng tu tháp Chăm và nghiên cứu thể nghiệm các chất kết dính truyền thống của Việt Nam xưa kia, như hỗn hợp nhựa cây và mật đường.

* Trong suốt hơn hai tháng, từ cuối tháng 11 1998 đến đầu tháng 2 năm nay, tại vùng biển xã Nhơn Hải thuộc thành phố Quy Nhơn (tỉnh Bình Định), tôm hùm con đã đột ngột xuất hiện cùng với con ruốc (moi), kết tùng mảng nổi đầy đặc trên mặt biển. Hơn hai trăm xuồng máy của ngư dân Nhơn Hải và vùng phụ cận đã đổ xô đến vớt của trời cho, mỗi xuồng bắt được mỗi ngày từ 100 - 150 con tôm hùm, thu từ 5 tới 7 triệu đồng/ngày.

* Theo bộ lao động, thương binh và xã hội, hiện nay có khoảng 1,5 triệu trẻ em thuộc diện đặc biệt khó khăn, trong đó nhiều nhất là trẻ em mồ côi không có nơi nương tựa, trẻ em tàn tật, con các hộ quá nghèo. So với năm 1997, số trẻ em mồ côi không có nơi nương tựa tăng gần 30 %, trẻ em lang thang tăng hơn 42 %.

* Theo bộ tài chính, có 19 ngân hàng nước ngoài đã đóng cửa văn phòng đại diện tại Việt Nam trong năm 1998. Cho tới nay, 55 ngân hàng nước ngoài đã ngừng hoạt động ở Việt Nam.

* Trong tháng giêng vừa qua, viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh đã ra lệnh bắt ông Nguyễn Sĩ Nhơn, giám đốc Saigon Petro (công ty dầu khí TPHCM) về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhà nước. Cùng với ông Phạm Nhật Hồng, giám đốc Ngân hàng công thương TPHCM, ông Nhơn đã cấp cứu công ty Minh Phụng bằng những món tiền vay ngắn hạn ở nước ngoài. Tiền vào túi ông Tăng Minh Phụng nhưng nợ thì ngân hàng phải trả vì đã cam đoan bảo lãnh.

* Phan mờ của ông Trần Phú, tổng bí thư đầu tiên của đảng cộng sản Việt Nam vừa được "phát hiện" bằng một phương pháp "thần giao cách cảm" tại công viên Lê Thị Riêng, quận 10 Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Phú được bầu làm tổng bí thư đảng cộng sản Đông Dương tháng 10 1930, bị chính quyền Pháp bắt vào tháng 4 1931 và hy sinh trong tù tháng 9. Hài cốt đã được đưa về Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, nơi ông sinh ra năm 1904.

* Ngân hàng Phát triển Châu Á cho Việt Nam và Căm Bốt vay 140 triệu đô la lãi suất thấp (1% năm) để nâng cấp tuyến đường nối liền TPHCM và Phnom Penh.

Dự án này tốn khoảng 195 triệu đô la. Hai nước Việt Nam và Căm Bốt sẽ chi phần còn lại.

* Thị trường máy tính ở Việt Nam lên tới 300 triệu đô la trong năm 1998, trong đó 100 triệu do bán máy và phần cứng, 80 triệu do bán chương trình (phần mềm).

Về máy tính, Compaq chiếm hạng cao nhất với 35 triệu đô la bán máy, sau là IBM với 8,5 triệu đô la. Theo tin tức thì máy tính lắp ráp tại Việt Nam lên tới 65 triệu đô la. Những công ti

sản xuất phần mềm của Việt Nam phần lớn viết lại bản Việt ngữ của những chương trình ngoại quốc.

* Dịch tả đã phát từ ba tỉnh An Giang Đồng Tháp và Bạc Liêu gần biên giới Campodge.

Theo viện Pasteur dịch do hạn hán, làm thiếu nước uống gây lên, đến nay có khoảng 100 người bị nhiễm. Chính quyền địa phương đã phái bác sĩ và phân phát thuốc men đến các huyện bị nhiễm. Người ta lo dịch có thể lan tràn qua các tỉnh lân cận.

* Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử tử hình ba người vì tội buôn lậu 29,8 kg thuốc phiện. Theo luật pháp hiện hành án tử hình được áp dụng trong trường hợp buôn trên 5 kg thuốc phiện.

Năm qua có 49 người bị án. Hiện Việt Nam có khoảng 200.000 người nghiện.

* Năm qua số vụ tội phạm giảm, tuy nhiên trong những vụ này thì số những vụ buôn lậu ma túy và lận thuế lại tăng. Trong năm công an cảnh sát đã điều tra và phát giác 35.000 vụ tội phạm dính dáng đến 49.700 người.

Theo bộ công an thì số trộm cắp giảm 5,41 %, số bắt cóc trẻ em giảm 10,45 %, số đâm thương giảm 5,46 %, tuy nhiên phạm pháp trong các đô thị vẫn ở mức cao, chiếm tỷ lệ một phần ba tổng số. Một khác số tội phạm kinh tế và buôn ma túy tăng : ăn cắp tài sản công cộng tăng 34 %, hối lộ tăng 51 %, buôn lậu và gian lận trong kinh doanh tăng 70 %, buôn lậu ma túy tăng 28,4 %.

* Đan Mạch giúp Việt Nam 1,1 triệu đô la để thực hiện một dự án gõ mìn vùng Quảng Trị. Trong chiến tranh vùng Quảng Trị đã hứng 328.000 tấn bom, khoảng bảy lần so với trái bom Hiroshima. Khoảng 120 hec ta sô được rà sạch. Cùng tham gia dự án có một nhóm cố vấn Anh về tháo gõ mìn.

* Một trường đua cá ngựa trị giá 57 triệu đô la sẽ được xây dựng tại ngoại Hà Nội. Dự án này do một công ty pháp Trotting Promotion S.A. và sở Du Lịch Hà Nội thực hiện.

Điều đáng ngạc nhiên là cho đến nay chính quyền Việt Nam vẫn coi việc cờ bạc là một tệ nạn xã hội.

* Tết vừa rồi số hàng hóa mua bán trên thị trường Việt Nam giảm một cách khác thường. Thường năm tết là lúc mua bán tăng. Theo báo Thanh niên thì số tiền luân chuyển tháng rồi là 32,380 tỷ đồng giảm 2,8% so với tháng 12 năm 98. Trong số này buôn bán lẻ được khoảng 15.034 tỉ, giảm 0,5% so với tháng 12.

Người ta cho rằng hiện tượng này do thuế trên giá trị giá tăng của hàng hoá gây ra.

* Tổng bí thư Lê Khả Phiêu sẽ đi thăm Trung Quốc theo lời mời của chủ tịch đồng thời tổng bí thư đảng cộng sản, Giang Trạch Dân.

Chuyến đi của ông Phiêu sẽ kéo dài 6 ngày bắt đầu từ 25 tháng 2 và nằm trong khung thỏa thuận giữa Việt Nam và

Công nghệ bán điểm thi bị lộ ở đại học Huế

Ngày 9.1.1999, tại trường đại học Nghệ thuật Huế, kỳ thi môn “chủ nghĩa xã hội khoa học” (thi vấn đáp) đã diễn ra với hai lớp 3A và 3B. Trước ngày thi, mỗi sinh viên đã trao cho lớp trưởng 10.000 đồng để nộp cho thầy giáo dạy và coi thi - ông Ngô Văn Quý. Và, lẽ ra sự vụ sẽ tiếp tục trót lọt nếu sinh viên Hồ Sĩ Khải, lớp trưởng lớp 3A, có đem nộp tiền cho thầy Quý... 300.000 đồng = 100 % sinh viên đủ điểm.

Chiều 9.1, kết quả thi được công bố: lớp 3B (tổng số 49 sinh viên) không có sinh viên nào thiếu điểm, trong khi lớp 3A có đến 12 sinh viên (trên tổng số 41 sinh viên) bị thiếu điểm (dưới 5 điểm). Thế là, các sinh viên lớp 3A đã vây lấy lớp trưởng Hồ Sĩ Khải để “hỏi tội”. Khải đành phải thú nhận là số tiền do các bạn nộp để “lo cho thầy Quý” đã bị Khải tiêu hết mà không hề “phong bì” cho thầy Quý như đã bàn bạc và thống nhất trong lớp. Kết cục, lớp đã nhận lấy hậu quả là 12 sinh viên thiếu điểm. Trong khi đó, lớp trưởng lớp 3B là Nguyễn Văn Long đã “trung thực” hơn Khải, đem nộp “phong bì” đủ cho thầy Quý nên 100 % sinh viên đều đủ điểm. Vụ việc đổ bể, các sinh viên đã tuyên bố sẽ làm sáng tỏ vấn đề: vì sao đã nộp tiền cho lớp trưởng mà vẫn cứ thiếu điểm.

Sáng 29.1, phóng viên báo Lao Động đã có cuộc làm việc với ông Đoàn Đức Hiếu, trưởng khoa Mác - Lenin trường đại học Huế. Ông Hiếu thừa nhận rằng việc nhận tiền của sinh viên lớp 3B trước ngày thi 9.1 là có thật với số tiền 300.000 đồng do thầy giáo Ngô Văn Quý nhận trực tiếp từ sinh viên. Tại buổi làm việc chúng tôi còn được biết thêm, trước đó thầy Quý cũng đã thu 200.000 đồng của “hai sinh viên đi công tác Tây Nguyên”, thu 200.000 đồng “dạy 10 tiết cho 10 sinh viên nghỉ học”. Được biết hai ngày sau khi “công nghệ” phong bì cho thầy bị đổ bể, lớp trưởng Hồ Sĩ Khải đã trả lại tiền cho những người đã nộp. Còn cái phong bì 300.000 đồng mà thầy giáo Ngô Văn Quý đã cầm thì theo trưởng khoa Đoàn Đức Hiếu, trong quá trình xử lý sẽ buộc người nhận phải trả lại cho sinh viên. Vấn đề đặt ra là nếu trả tiền lại cho sinh viên thì điểm thi sẽ thế nào (có

khá nhiều sinh viên đạt điểm 10) ? Ông Võ Duy Dân, phó giám đốc đại học Huế, đã trả lời: sau khi xử lý xong vấn đề cán bộ, sẽ xem xét, nếu cần thiết phải phúc tra, phải phúc khảo điểm thi để bảo đảm quyền lợi cho sinh viên.

Không phải một lần, một trường, một thầy,... nghĩa là phổ biến, là có đường dây, là đã xảy ra lâu nay. Và, đã trở thành... công nghệ.

Ngày 3.6.1998 một ngày sau khi diễn ra kỳ thi môn “chủ nghĩa xã hội khoa học” tại trường đại học Sư phạm Huế, sinh viên Vũ Quang Hưng, lớp trưởng lớp toán 3A đã thay mặt lớp viết bản tường trình gửi ban chủ nhiệm khoa toán trường đại học Sư phạm về việc nộp tiền “bồi dưỡng” cho giáo viên coi thi. Chúng tôi xin trích đăng dưới đây một đoạn trong bản tường trình :

“Chúng tôi đã nghe bàn tán trong sinh viên, nhất là sinh viên năm thứ ba, về việc bồi dưỡng cho những giảng viên coi thi học phần chủ nghĩa xã hội khoa học. Gần đây, vào ngày 29.5.1998, giảng viên dạy ở lớp toán 3B đã có sự gợi ý cho lớp này về sự bồi dưỡng cho giảng viên coi thi. Trước tình hình đó, ban cán sự lớp toán 3A đã tập trung sinh viên trong lớp lại và hỏi ý kiến. Đa số các bạn đều không đồng tình với vấn đề đó. Nhưng chính giảng viên lại chủ động gợi ý chuyện này, nếu không làm thì hậu quả sẽ như thế nào. Do đó, chúng tôi quyết định mỗi người nộp 5.000 đồng. Ngày 2.6.1998, trước khi vào thi, chúng tôi đã đưa tiền bồi dưỡng cho giảng viên coi thi”.

Và nhiều lớp khác, ở nhiều trường khác cũng tường trình tương tự. Tại buổi làm việc 29.1, ông Hiếu nói rằng vụ trước đó đã cũ, đã xử lý dứt điểm nên đề nghị các nhà báo không nên khơi lại nữa làm gì. Đã có 5 cán bộ giảng dạy môn “chủ nghĩa xã hội khoa học” bị cắt danh hiệu lao động tiên tiến và buộc trả lại phong bì cho sinh viên...

Lâm Chí Công
(Lao Động 1.2.99)

Trung Quốc về trao đổi hàng năm. Trong chuyến đi này ông Phiêu và ông Giang sẽ rà lại những thỏa thuận về các chương trình hợp tác giữa hai đảng và hai nước. Họ cũng sẽ thảo luận về những vấn đề biên giới trên đất liền và biển, đặc biệt là tranh chấp Hoàng Sa và Trường Sa. Trong chuyến đi thăm này năm 97, ông Đỗ Mười, tổng bí thư lúc bấy giờ đã thỏa thuận với ông Giang hai bên sẽ giải quyết các tranh chấp lãnh thổ trên đất liền trước cuối năm 1999 và trên biển trước cuối năm 2000.

* Hiện nay tại miền Nam một loại thuốc diệt chuột rất mạnh nhập từ Trung Quốc đang giết hàng trăm chó mèo.

Thuốc này tuy đã bị cấm song nông dân vẫn dùng vì rẻ và hiệu nghiệm.

Chính quyền bất lực trong việc điều hành việc buôn bán những loại thuốc diệt trùng diệt chuột. Trong khi chỉ có 28 nhãn hiệu được phép bán, người ta thấy trên thị trường có đến 50 loại. Nhà chức trách đã trừng phạt 11.165 người buôn bán trái phép trên số 40.000 người buôn bán thuốc diệt trùng.

LITTLE SAIGON đang bỏ dần thói chống cộng

Daniel C. TSANG

IRVINE – Cái dám đông tấn công tiệm video điện tử của anh Trần Văn Trường ở Westminster, anh này phải đi nhà thương vì bị đánh vào đầu trong một vụ biểu tình, và một chánh án sau đó phán quyết anh phải dẹp bỏ chân dung ông Hồ Chí Minh và lá cờ của Việt Nam dân chủ cộng hoà (sic!) anh đã treo lên trong cửa hàng của mình, cho thấy cái giá của sự không theo khuôn phép có thể vẫn còn cao.

Nhưng không nên để cho sự kiện này làm lu mờ những thay đổi về mặt dân số (*demographic*) và chính trị đang xảy ra ở Tiểu Sài Gòn khă dĩ báo trước sự cáo chung của chủ nghĩa chống cộng mang tính phản xạ (*reflexive*), đôi khi bạo động vẫn tác động mạnh trên cộng đồng này.

Về mặt kích cỡ, Tiểu Sài Gòn chỉ gồm vài khu phố dọc đường Bolsa ở Westminster. Nhưng, về mặt biểu trưng, nó là nơi cư ngụ lớn nhất ở hải ngoại của người Việt tha hương. Các ước tính dân số Tiểu Sài Gòn cũng khác biệt nhau rất nhiều. Điều tra dân số năm 1990, đưa ra con số 11 000 cho gần 72 000 người Việt ở Orange County. Hiện nay, dân số người Việt ở Orange County ước tính lên đến 200 000 người.

Dù rằng các thăm dò dư luận công chúng cho thấy đa số người Mỹ gốc Việt ủng hộ việc Mỹ thừa nhận Việt Nam và tăng gia quan hệ mậu dịch với quốc gia Đông Nam Á này, tổ cộng vẫn khá dễ dàng diễn ra ở cái cộng đồng hầu như nằm ở ngoại vi của chính trị Mỹ. Với số lượng cựu sĩ quan và binh sĩ Saigon định cư tại Orange County hơn bất cứ đâu khác, các vụ tụ tập chống cộng đã thành thú tiêu khiển được ưa chuộng, đặc biệt là sau mỗi đợt cựu tù chính trị từ Việt Nam sang đây.

Năm 1987 là năm hành hung chính trị những người bị phao đòn là thân cộng lên cao nhất, khi một biên tập viên báo chí người Mỹ gốc Việt, ông Phạm Văn Tập, bị giết trong một vụ phóng hỏa. Ông Tập đăng quảng cáo cho các công ty làm ăn với Việt Nam. Một tổ chức chống cộng ngầm chủ trương lật đổ chánh phủ Việt Nam đã đứng ra nhận công trong vụ giết người này. Từ sau đó, các vụ hành hung như thế thưa thoắt dần. Cho đến khi có vụ tấn công cửa hàng của anh Trường, đáng để ý hơn hết là vụ liên quan đến ông Tony Lâm, ủy viên Hội đồng thành phố Westminster và là người Việt Nam đầu tiên đắc cử vào một chức vụ ở Mỹ. Ông Lâm bị nhóm *Lost Vietnamese Commandos*, một nhóm người Việt có quan hệ với CIA thời còn chiến tranh, dán cho nhãn hiệu “cộng”, vì ông ủng hộ nói rộng giao thương với Việt Nam.

Các thế hệ mới lớn của Tiểu Sài Gòn hình như ngày càng ít quan tâm đến chuyện chính trị chia rẽ xưa cũ và cái lịch sử dung dưỡng nó. Số người Mỹ gốc Việt sinh ra tại Mỹ ngày

càng đông. Một số lớn theo học ở trường đại học tại Irvine của Viện đại học California (UCI). Có thể họ nói được tí đỉnh tiếng Việt, nhưng không biết đọc và viết. Một số muốn thăm viếng quê hương của bố mẹ mình. Trong số hơn 400 người biểu tình hàng ngày trước tiệm của anh Trường, những người Việt trẻ tuổi khá lầm thì cũng chỉ hiểu mơ mơ tại sao mình lại tham dự. Một sinh viên thú thật là không biết gì về Hồ Chí Minh, nhưng vẫn tham dự vụ phản đối vì bố mẹ mình chống nhà lãnh đạo cộng sản quá cố.

Bất kể hiểm họa đang chực sẵn, nhiều người Mỹ gốc Việt trẻ tuổi đã chọn con đường bất tuân phục các lễ thói của cộng đồng. Gần đây, tôi có gặp mấy sinh viên đồng tính luyến ái ngụ ở Tiểu Sài Gòn và không dám thổ lộ với bố mẹ về thiên hướng tính dục của mình. Họ không hề nghe nói đến tổ chức *Gay Vietnamese Alliance* (Liên minh Đồng tính luyến ái Việt Nam), cơ sở đặt tại Orange County, hoặc *Gay Asian Pacific Support Network* (Mạng lưới Yểm trợ những người đồng tính luyến ái châu Á Thái Bình Dương) ở Los Angeles. Đối với những người Việt này, các đấu tranh ý thức hệ của quá khứ chẳng nghĩa lý gì.

Từ tháng năm [1998], một nhóm hoạt động viên (activist) Mỹ gốc Việt, gặp nhau ở hội nghị *Serve the People!* tại trường Đại học Los Angeles thuộc Viện đại học California, đang cố trở thành đối trọng cho nếp chính trị cũ của Tiểu Sài Gòn. Họ không chuộng gì chủ nghĩa cộng sản Việt Nam, nhưng những người hoạt động này cũng thừa biết rằng nếu họ lân la tới Tiểu Sài Gòn, nhằm tổ chức công nhân lao động chẳng hạn, có nguy cơ họ sẽ bị dán nhãn “cộng sản”. Vậy mà họ vẫn kiên trì với công việc của mình trong cộng đồng, nhân danh những người nghèo khổ và bị ngược đãi.

Nhiều trường đại học vùng Nam California có sinh viên từ Hà Nội sang, và việc trao đổi sinh viên không chỉ một chiều. Chương trình Giáo dục ở Nước ngoài (*Education Abroad Program*) của Viện đại học California [UC] vừa ghi thêm Hà Nội như là nơi sinh viên ban cử nhân của Viện có thể du học trong một học kỳ [semester].

Thống kê đăng ký đảng chính trị là dấu hiệu khác của sự thay đổi về mặt dân số của Tiểu Sài Gòn. Ngày càng nhiều người đăng ký nhận mình là thuộc đảng Dân chủ hoặc độc lập. Dù vậy, dân biểu Lorette Sanchez (Dân chủ – Graden Grove), người đã chi hơn 3 triệu đô-la để đánh bại Robert K. Dornan lần thứ hai, vẫn diễu quanh Tiểu Sài Gòn và phát lá cờ của một chế độ (Nam Việt Nam) đã sụp đổ. Tại buổi họp của *Lost Vietnamese Commandos*, Sanchez đứng nghiêm, tay đặt nơi trái tim, trong khi quốc ca của cái chế độ bị mất giá ấy được hát lên. Sự việc này chỉ bộc lộ sự thiếu hiểu biết của bà ta về những lực lượng khai phóng đang hoạt động ở Tiểu Sài Gòn mà, về phương diện chính trị, chỉ cần bà đưa tay ra mời đón thì họ sẽ đến với bà.

Cũng có những dấu hiệu khác cho thấy chủ nghĩa chống cộng định tai nhức óc đang trở thành quá khứ ngay trong những người ít ôn ào hơn của Tiểu Sài Gòn. Khi cuốn phim “Hà Nội – Mùa đông 1946”, do hãng Phim truyện Việt Nam thực hiện, chiếu ra mắt Orange County nhân Liên hoan phim (xem tiếp trang sau)

Lý, tình và cờ... (tiếp theo trang 1)

mặt, tạo nên một bức tranh biếm họa, nếu không hiện thực, thì đôi khi lại làm nổi bật những nét bệnh hoạn mà ánh sáng ban ngày có thể che đi.

Sự kiện Trần Văn Trường đã bộc lộ môt nghịch lý còn đè nặng lên tâm tưởng Việt Nam. Nghịch lý thứ nhất, là của những người chống cộng : các hội đoàn gọi là "quốc gia" ở Quận Cam lớn tiếng chống cộng vì cộng sản chà đạp tự do, nhưng chính họ lại không coi quyền tự do cá nhân và quyền tự do ngôn luận của ông Trường ra gì cả, thậm chí đã đánh lén sau lưng hoặc đánh hội đồng, khiến ông Trường phải hai lần vào bệnh viện (lần thứ nhì, sau khi chánh án đã phán quyết là, theo đúng Tu chính án số 1 của Hiến pháp Hoa Kỳ, ông Trường hoàn toàn có quyền treo chân dung Hồ Chí Minh và cờ đỏ sao vàng). Hơn hai mươi năm sống ở một nước dân chủ (cho dù nền dân chủ của nước Mỹ cũng là tương đối) dường như vẫn chưa gieo vào đầu óc của một số người một chút tư tưởng dân chủ nào : nói như một nghệ sĩ Việt Nam sống ở giữa đàng Quận Cam, "đồng hồ sinh học của các vị ấy đã ngừng từ năm 1975". Đến mức cả ông cảnh sát trưởng Orange County và đại diện của một đoàn thể cựu chiến binh Mỹ (đến ủng hộ) cũng phải ân cần khuyên bảo họ phải tập đối thoại và tôn trọng quyền tự do của người khác !!!

Nghịch lý thứ hai là thái độ của chính quyền Việt Nam : Bộ ngoại giao Việt Nam cũng như báo Nhân Dân đều lên tiếng đòi chính phủ Mỹ phải bảo vệ quyền tự do ngôn luận của ông Trần Văn Trường. Bản thân đòi hỏi ấy thật là chính đáng và bình thường, nếu như chính quyền Việt Nam không coi là "chống lại chế độ xã hội chủ nghĩa" bất cứ ai có ý kiến khác với đường lối chính thống của mình. Tự do không phải là con đường một chiều, nó là một thể thống nhất không thể cắt xén. Thái độ của nhà cầm quyền đối với một người như ông Trần Độ (bốn mươi bài báo xuyên tạc và lăng mạ trước khi khai trừ, và khi khai trừ rồi thì "phổ biến" trong nội bộ là vì ông có "quan hệ nam nữ bất chính") đã bộc lộ sự bất chính của mọi lời tuyên bố về tự do dân chủ. Nghiêm trọng hơn nữa, trong không khí cuồng loạn sặc mùi đấu tố ở đại lộ Bolsa hiện nay, mọi lời nói hay hành động gây nghi vấn về sự liên hệ giữa ông Trường và chính quyền Việt Nam là đổ dầu vô lửa, gián tiếp gây nguy hại cho an ninh thân thể của ông Trường.

Thế còn ông Trần Văn Trường ? Ông là ai và tại sao ông đã quyết định hành động như vậy ? Người viết bài này đã có dịp gặp ông chủ Hi-Tek Video cách đây 4 năm. Lúc đó, những tổ chức chống cộng ở Quận Cam đã kêu gọi "phụ nữ quốc gia" đứng đằng sau ở đường phố của bác sĩ Phạm Đăng Long Cơ vì, với tư cách chủ tịch Phòng thương mại Việt Nam ở Nam Cali, ông Cơ tán thành bãi bỏ cấm vận với Việt Nam – như mọi người còn nhớ, đến tháng 7.95, tổng thống Bill Clinton đã bỏ cấm vận, và các cuộc thăm dò ý kiến ở bang Cali đều cho thấy đại đa số người Việt tán thành quyết định ấy. Ông Trường lúc đó đã xưng vương là "hoàng đế Việt Nam", một minh lương lá cờ sao vàng trên nền... nâu, đối diện với nhóm biểu

tinh ôn ào kia. Việc xưng vương của ông, cũng chẳng mấy độc đáo, vì cùng lúc đó, tại đất Cali, số chính phủ Việt Nam với đầy đủ thủ tướng và tổng trưởng đã gấp 3 số nội các ở Hà Nội. Có chăng, nó cho ta hình dung được trạng thái tinh thần và tâm thần của một bộ phận cộng đồng người Việt tại Cali sau những đảo lộn và bi kịch ghê gớm. Những thảm kịch mà cho đến nay nhiều hồi ký lên gân và quá cài lương đã làm giảm hẳn chiều sâu và sức nặng. Những thảm kịch mà một minh thời gian không đủ để hoá giải, chúng còn đòi hỏi sự tĩnh táo, tình thương và một nghị lực hiếm có để tự vượt mình.

Sự thực, những ai có may mắn tiếp cận cộng đồng Việt Nam ở Mỹ, đều nhanh chóng khám phá ra những nghị lực phi thường như vậy, nhất là ở người phụ nữ. Cũng như cảm nhận được sự an nhiên, lành mạnh của thế hệ trẻ, thoát ra khỏi cái vòng kim cô của quá khứ, đứng thẳng, không mặc cảm trên đất Mỹ, và do đó có một cái nhìn thanh thản, sáng suốt mà trong sáng về quê hương của cha mẹ. Đó là hai nhân tố cơ bản cho phép chúng ta lạc quan về cộng đồng và sự bình thường hoá quan hệ với đất nước.

Song cũng chính vì vậy mà mọi động thái, dù là vô vọng, làm chậm tiến trình ấy đều đáng làm chúng ta quan ngại.

PHONG QUANG

Little Saigon...

(tiếp theo trang trước)

quốc tế Newport Beach vào năm ngoái, hầu như chẳng có ai đến phản đối. Ngược lại, người Mỹ gốc Việt xếp hàng để xem phim về đời ông Hồ, một người yêu nước đánh Pháp. Hi vọng Liên hoan phim quốc tế Newport Beach [1] vào tháng Ba năm nay cũng sẽ thu hút từng đó người, đến xem một phim Việt Nam khác, lần này là phim về nột nữ thân trong huyền thoại. Sau hết, một chuyến đi thành phố Hồ Chí Minh của các đấu thủ bơi lội trường Trung học Irvine cũng không gây nên sự rẽ rẽ nào từ Tiểu Sài Gòn. Người ta đang chờ những đấu thủ bơi lội từ Việt Nam sang vào Hè này.

Đáng tiếc là những vụ phản đối anh Trường, củng cố một số stereotypes không mấy gì đáng tự hào của Tiểu Sài Gòn và cái tôn giáo chống cộng lỗi thời của nó. Tuy nhiên, cộng đồng này đang thay đổi dưới ảnh hưởng đang gia tăng của những thành viên trẻ tuổi của nó, những người không thiết gì đến việc duy trì một quá khứ gây chia rẽ.

Los Angeles Times
Chủ nhật 3.1.1999

Daniel C. Tsang là một nhà thư mục học về Chính trị, Kinh tế và Nghiên cứu về người Mỹ gốc Á của Đại học Irvine, Viện đại học California.

[1] Theo tin của *Diễn Đàn*, Liên hoan phim Newport năm nay sẽ tổ chức từ ngày 25.3 đến 4.4. Trong chương trình : *Ba Mùa* (của Tony Bùi), *Người thừa* (Dai Sijie), *Duyên nghiệp* (Vũ Châu), *Crimson Wings / Đôi cánh màu tím* (Võ Nguyên Minh), *Sea Birds / Hải Yến* (Stephane Granger). Xem chi tiết trên <http://www.nbiff.org>

Người nông dân bị thủ tiêu đâu mất rồi ?

bùi mộng hùng

Quốc hội cả gan không gật theo ý kiến trung ương Đảng đã quyết định. Chuyện hi hữu, người dân được thấy lần đầu trong đời mình. Nội bấy nhiêu dù để ta lưu tâm. Và trân trọng.

Chuyện lại xảy ra vì một vấn đề đúng lý ra phải thiết thân đến mọi công dân : đạo luật đất đai qui định điều lệ căn bản cho nhà cửa, ruộng đất. Rõ ràng là chuyện của mọi người. Nhất là chuyện của nhà nông. Và, nếu tôi không lầm thì nông dân vẫn chiếm 70 % dân số nước ta chứ có phải ít oi gì đâu.

Thế sao, trong tôi cứ dứng dung. Như thiếu một cái gì. Như là húp bát phở “không người lái”, thứ phở thời kinh tế khó khăn lấy đậu phụ thay cho thịt vậy.

Thiếu gì nhỉ ? Chúng ta được nghe nhiều vị đại biểu quốc hội phát biểu chứ có ít đâu. Nào là lập luận của một vị chủ tịch hợp tác xã tỉnh Quảng Nam, nào là ý kiến của chủ tịch hội hoa học Hà Nội, đề nghị của một chủ tịch hợp tác xã ở Thái Bình. Lại thêm nhận định của phó chủ tịch quốc hội, giọng lên lớp chất vấn quốc hội của bí thư tỉnh ủy Quảng Trị, v... và v. v... Thảo luận thẳng thừng chứ phải vừa đâu ! Không tin bạn đọc lại những trang 8 - 9, DĐ số 81, 1. 99 mà xem. Chẳng thiếu lời ăn tiếng nói của các vị tai to mặt lớn. Chỉ vắng bặt, là cái tiếng nói của anh nông dân. Cái anh chàng chân lấm tay bùn đổ mồ hôi sót con mắt làm ra hạt gạo chúng ta ăn ấy mà bạn.

Người tôi mong được nghe là nông dân một làng nằm sâu trong đồng bằng sông Hồng, nghe anh nghĩ thế nào về chế độ sở hữu ruộng đất, nói gì về việc chia lại ruộng, đánh giá thế nào cái phương thức diều hoà ruộng cày có từ thời công xã nguyên thuỷ ấy trong đời sống ngày nay của chính làng anh.

Tôi mong được nghe người cày ruộng làng Đình Bảng nói ra những suy nghĩ của anh về vấn đề chia ruộng. Nếu tên làng này, vì Đình Bảng cùng một số làng ven đô thị ngày nay giàu có hẳn lên, đa số làng xã khác không thể sánh được.

Đình Bảng chỉ kêu gọi người làng là đủ có hàng triệu đôla vốn đi buôn hàng sang các nước Đông Âu. Tuy nhiên, Đình Bảng vẫn chia ruộng. Nhưng mà, làm mảnh ruộng con con được chia ấy thì chỉ có mà chết đói. Ở Đình Bảng, nhà nông thực thụ - người đi cày sản suất ra lúa ra gạo trên ruộng của anh cộng thêm những phần ruộng người khác được chia trao lại cho anh làm - là người thuộc vào hạng nghèo nhất. Anh này nghĩ những gì về các vấn đề nêu lên tại quốc hội ?

Tôi mong được nghe người nông dân đồng bằng sông Cửu Long, những người xưa nay vốn không biết truyền thống ruộng công là gì, nghĩ thế nào về chế độ sở hữu ruộng đất.

Tôi cũng muốn được nghe chủ nhân trang trại lớn. Ruộng đất tập trung trong những điều kiện nào ? Tuy rằng giữa người

đem vốn riêng hay vốn vay mượn khai thác ruộng đất trên một cơ sở rộng lớn và người nhờ thế lực của kẻ có quyền thế biến đất công thành trang trại tư, hai trường hợp không cùng ý nghĩa chút nào, vấn đề không quan trọng bằng câu hỏi cách thức, phương tiện sản xuất là gì ?

Vì rằng không phải cứ tập trung ruộng đất thì đương nhiên sẽ là một phương thức kinh tế tiến bộ. Chúng ta đã qua kinh nghiệm đau thương tập thể hoá ruộng đất một cách giáo diều máy móc. Ngược lại, tập trung tư hữu cũng có thể sinh ra những hình thức thụt lùi, cả về kinh tế lẫn xã hội, một thứ điển chủ tư sản mới bóc lột tá điên trá hình, lạc hậu như thời trước cách mạng và chẳng đem lại mới mẻ lợi ích gì cho nền kinh tế của ta hiện nay.

Sản xuất nông thôn của ta quả thật quá manh mún. Tập trung sản xuất, dân lao động nông nghiệp qua ngành khác là xu hướng không thể tránh.

Vấn đề là những phương thức tập trung nào vừa phù hợp với tiềm năng tài chính, kỹ thuật, văn hoá của ta vừa có khả năng đem lại lợi ích cho kinh tế, xã hội ta ngày nay ?

Vấn đề là người bỏ nghề nông sẽ đi đâu, làm gì ? Những chương trình kèm theo, xếp xếp lại công ăn việc làm của họ được tài trợ là bao nhiêu, lo cho được bao nhiêu người, lịch trình diễn biến ra sao ?

Những câu hỏi không thể trả lời chung chung. Mà phải cụ thể, dựa trên cơ sở nghiên cứu nghiêm túc.

Bản báo cáo sơ bộ *Về cuộc khảo sát xã hội học tại Thái Bình cuối tháng sáu, đầu tháng bảy năm 1977* ký tên Tương Lai cho thấy các nhà khoa học của ta lầm khi nhận định hiện trạng xã hội khá sít sao đầy chữ, phải không bạn ? (xin xem D.Đ số 77, tháng 9.98, tr. 16-19) Nếu có gì đáng tiếc là tiếc không có nghiên cứu, tìm giải pháp trước khi nông dân Thái Bình chịu hết nổi ; lúc tức nước vỡ bờ rồi, khi ấy nhà cầm quyền mới quáng quàng cho đi nghiên cứu thực địa...

Vì vậy, tôi mong biết bao được nghe nói về những nghiên cứu nghiêm túc làm cơ sở cho cuộc thảo luận luật đất đai. Mong chẳng kém gì cái mong được nghe ý kiến của những người trong cuộc, của nông dân. Không phải một nhà nông điển hình không tướng nào đó, mà là những nhà nông bàng xuong bàng thịt, với tất cả những cách biệt do hoàn cảnh địa lý, văn hoá, phương thức sản xuất khác biệt nhau.

Nhưng mà, nghiên cứu thực trạng làm cơ sở cho cuộc thảo luận chẳng thấy đâu là tăm hơi. Anh nông dân bị thủ tiêu lúc nào cũng chẳng biết ! Chúng ta đi vào siêu thực với cuộc tranh cãi giữa một thứ ý thức hệ đậm nét công xã nguyên thuỷ - khả kính thật đấy, nhưng chẳng biết ngày nay còn được bao nhiêu tác dụng - và một thứ chủ nghĩa thị trường bập bẹ, nhầm lẫn làm theo ý thức hệ mới học được, còn hệ quả ra sao thì bỏ mặc cho tới đâu hay tới đó.

Các nhà chính trị mọi màu sắc ơi ! Cho tôi van xin các ngài. Ngày nào các ngài còn nói thay, nghĩ thay người dân trong cuộc thì người dân chúng tôi còn bị đứng làm người ngoại cuộc mà nhìn vận mệnh chúng tôi nằm trên con tàu Việt Nam đi như không lái giữa sóng gió thời đại.

PHÙ THĂNG

I

Lần đầu tiên, tôi được biết Phù Thăng. Ấy là khi ngồi chuyện phiếm với Xuân Thiều. Lâu rồi. Dễ đă hai chục năm có lẻ. Chiều ấy, không biết Xuân Thiều tới tìm ai đó, rồi tình cờ, tạt qua phòng tôi. Thế rồi, bên chén trà đã nhạt, có ai đó bàn đến truyện mini, một dạng truyện dọc đáo. Dọc đáo bởi nó ngắn. Cực ngắn. Có truyện chỉ vài trăm chữ, thậm chí vài chục chữ, mà vẫn chuyển tải được tới bạn đọc một vấn đề lớn. Chỉ một dumbo chữ, nhưng truyện vẫn có hồn, có cốt, có cả nhân vật. Nói tóm lại, nó vẫn là cái truyện nghiêm chỉnh, chứ không phải một dạng tiểu phẩm, có tráng qua chút văn chương. Nghĩa là đọc nó, người ta vẫn thấy tự nhiên, thoái mái, không có cái cảm giác bức bối, ngột ngạt như bị vo nén lại, rồi nhét vào trong một cái ống xe điếu !

Rồi để chứng minh cho cái lý luận "mini" ấy, Xuân Thiều rủ rỉ kể cho tôi nghe một truyện của Phù Thăng. Cái truyện có tên là : *Hạt thóc*. Cứ theo lời Xuân Thiều thì truyện ngắn lắm, chỉ vền vẹn có một vố chữ, đem tāi ra cũng không kín một trang vở học trò. Chuyện kể về một gã tâm thần. Gã từng là nhà văn, từng làng làng tiếng Pháp. Thế rồi chẳng biết do ngộ chữ thế nào đó, gã dâm ra lẩn thẩn. Gã cứ nghĩ mình là hạt thóc bé bỏng tội nghiệp. Và vì thế, cứ trông thấy gà qué ở đâu là gã co cảng chạy.

Thật tội nghiệp cho gã ! Thà gã cứ nghĩ mình là một cục cút để rồi mà sợ chó, thì đời gã chẳng đến nỗi khổ như vậy. Chó đang thưa vắng dần. Ở làng quê bây giờ, có bối cảnh chẳng tìm thấy bóng dáng một chú chó nhỏ. Để phòng bệnh dại, người ta đã triệt chó. Trên vùng núi cao, ở những bản xa mù, thi thoảng lấm mới có tiếng chó sủa eo óc, nghe như tiếng éch kêu. Mà cũng chẳng biết có phải đây là tiếng chó sủa thật không, hay chỉ là chút ký ức vẫn lên trong tâm trí người bô hành mệt mỏi, thập thõm bước trên những con đường rừng khuya khoắt, mong có chỗ dừng chân, muốn gặp một bản làng, mà rồi nghĩ ra vậy. Chỉ ở Hà Nội mới có chó. Rất nhiều chó. Chó ngao ngát suốt một rẽo đè Nhật Tân. Nhưng đó lại là những con chó hoà bình, chẳng có gì phải sợ. Khốn nỗi gã lại là hạt thóc. Một hạt thóc bé nhỏ nên mới sợ gà. Mà gà thì ở đâu chẳng có. Chúng sinh sói này nở đàn đàn lũ lũ ở các nòng trường, các trại gà công nghiệp, các làng quê xóm bản. Đến cả những phố phường sầm uất, sang trọng, ôn áng người xe, cũng có thể bắt thần nghe thấy tiếng gà gáy te te ngay trên ban công, ở những biệt thự cao tầng chìm lấp sau những giàn hoa giấy khuê các. Bởi vậy tính mạng gã luôn bị đe doạ !

May sao, có một người hiểu được nỗi bất hạnh ấy của gã. Đó là ông bác sĩ tâm thần. Ông niêm nở đón gã vào viện. Bệnh

viện của ông cũng lạ. Nó chẳng giống những bệnh viện tâm thần mà ta thường thấy. Nhìn khắp bốn phía chẳng có tường ngắn, rào chắn. Ngày đêm cửa mở thông thoáng. Bệnh nhân không ai bị trói giữ, giam nhốt. Đến nỗi chính gã cũng chẳng biết mình mang bệnh và đang ở trong một bệnh viện tâm thần. Gã hoàn toàn tự do, có thể thơ thẩn đi hái thuốc cùng mấy cô y tá trẻ đẹp, có thể suốt ngày ngồi đàm đạo văn chương với mấy ông bác sĩ. Đôi lúc cao hứng, gã còn mang những bài thơ gã viết bằng tiếng Pháp đọc cho bác sĩ nghe. Rồi ông bác sĩ cũng lại mang những bài thơ viết từ thời đang còn là sinh viên Trường Y ra đọc, nhờ gã góp ý, sửa chữa. "Nói gì thì nói, chứ cái khoản văn chương thơ phú này, em cứ phải tôn ông anh là bác đại sư phụ". Thế thì ai dám bảo gã là hạt thóc. Chỉ được cái bố láo !

Cứ thế, gã được kính trọng, được cư xử thân ái như cư xử với một con người. Và bằng tấm lòng nhân ái ấy, ông bác sĩ tài ba đã cứu được gã, đã đưa gã từ cõi mộng mê hoang tưởng về nơi xứ người. Ông anh làm nghề gì ? Tớ là nhà văn. Cóc phải ! Người ta bảo ông anh là hạt thóc ! Bậy ! Tớ là con người. Cậu nói gì mà lạ thế ? Tớ là người !

Gã tròn mắt kinh ngạc thật sự. Còn bác sĩ thì túm tỉnh cười, gương mặt thật rạng rỡ. Sau đó ít ngày, gã ra viện. Cuộc chia tay thật biễn rịn. Rồi gã thung thang ra về. Nhưng thật oái oăm, chính lúc ấy, cái lúc gã đang ung dung bước như một con người ấy, thì ở xóm ven đê, lại vút lên tiếng gà gáy. Thế là gã lại co cảng chạy. Gã chạy tất tả, chạy cuống quýt, lao bùa vào bụi rậm, vào các xó xỉnh khuất lấp để lẩn trốn. Bác sĩ há mồm kinh ngạc. Ông không hiểu sao căn bệnh tái phát nhanh đến thế. Khó nhạc lắm, bác sĩ mới lôi được gã lẩy bẩy từ sau bô thóc ra. Ông anh làm sao thế hả ? Con gà... con gà... gã lúi lưỡi lại. Ông anh có phải là hạt thóc không ? Bậy ! Tôi không phải là hạt thóc. Tôi là người. Là con người ! Thế sao thấy gà anh lại chạy ? Khổ ! Cậu thấy đấy. Tôi không phải hạt thóc. Nhưng con gà, vâng, chính là con gà ấy, nó vẫn cứ tưởng tôi là hạt thóc thì sao ?

II

Truyện vền vẹn có thể, lại qua lời kể bôm bãm khói thuốc của Xuân Thiều, chưa phái nguyên bản, vậy mà nó vẫn ám ảnh tôi suốt một thời gian dài. Cái truyện này, nghe nói Phù Thăng viết khi ông đã rời bỏ Hà Nội trở về quê, làm một thợ cày. Trước đó, ông từng là tác giả kịch bản của nhiều bộ phim truyện nổi tiếng : *Nguyễn Văn Trỗi, Quê nhà, Biển lửa, Tiếng gọi phía trước...* Có phim từng đoạt giải vàng, giải bạc của liên hoan phim quốc tế, tổ chức tại Matxcova. Tất nhiên, đây là phim truyện Việt Nam những năm sáu mươi, bảy mươi. Giá trị nghệ thuật của nó đến đâu, bây giờ ta cũng có thể xác định được rồi. Trước khi đến với điện ảnh, Phù Thăng đã là nhà văn. Truyện *Con những người du kích* đã đưa ông đến vị trí của một ngòi bút được bạn đọc yêu mến, tin cậy. So với nhiều nhà văn cùng lứa, Phù Thăng được tạo hoá ưu ái ban cho một văn tài. Văn tài ấy bộc lộ ở những con chữ tài hoa, hàm chứa những hiểu biết sâu sắc. Sau tập truyện vừa *Trận địa mới, Phá vây ra đời*. Đó là cuốn tiểu thuyết dày 500 trang, viết trực tiếp về cuộc chiến tranh ở vùng đồng bằng Bắc Bộ thời kỳ đầu kháng Pháp. Một tiểu đoàn trinh sát mở một trận đánh nghỉ binh, thu

hút lực lượng địch về phía mình, giải vây cho đồng đội. Và rồi, bằng trí tuệ và lòng dũng cảm của mình, những người lính của tiểu đoàn trinh sát đã phá được vòng vây, không phải chỉ vòng vây địch, mà cả những vòng vây vô hình nhưng không kém phần nguy hiểm, đang giăng mắc ở ngay trong ta. Ấy là những định kiến, những quan niệm hẹp hòi, ấu trĩ, trói buộc con người, cản trở sự tiến triển của cách mạng, của văn hoá và văn minh. Đây là cuốn sách ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Một chủ đề phổ biến trong văn học ta những năm sáu mươi. Tập sách sẽ là con thuyền êm chèo mát mái, nếu không có vài dòng Phù Thăng luận về chiến tranh. Trong ý nghĩ của ông lúc bấy giờ, chiến tranh dù nhìn ở góc độ nào cũng không phải là điều tốt đẹp. Bởi nó cuốn theo bao nhiêu xương máu của những người dân vô tội. Đây là một vấn đề lớn có tính thời đại sâu sắc mà ông lại trình bày một cách giản đơn như thế và ở thời điểm ấy, nó đã hoá sóng gió đánh vào đồi ông. Trận sóng này còn phủ lên cả những trang văn bình dị khác, như cái đoạn ông khắc họa vị tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn trinh sát. Anh đi kiểm tra trận địa nghi binh về, thấy lính ngả nghiêng nằm ngủ dưới trăng. Ngày mai là trận đánh lớn. Những người lính này sẽ tự nguyện làm mồi nhử địch, thu hút hỏa lực địch. Cậu lính nào cũng trẻ đẹp và khoẻ mạnh. Những sức trai như thế kia vào trận mà chết thì uổng quá. Trước mắt anh, họ đều là thợ cày. Nếu không có chiến tranh, những sức vóc ấy mà cho đi phạt bờ, cuộc sống thì sướng biết mấy !

Những ý tưởng bấy giờ cho là hết sức bình thường này, ở thời điểm ra đời của nó lại khó được chấp nhận. Điều đó cũng dễ hiểu. Phù Thăng giải trình với bạn bè : " Thực tâm tôi nghĩ thế thì tôi viết ra một cách trung thực thế. Nếu các anh cảm thấy không được thì thôi, không in nữa. Nếu trót in rồi thì không phát hành nữa, chứ bấy giờ bảo tôi chữa khác đi, thì thủ thực, tôi chẳng biết chữa thế nào ". Trận sóng Phá vây ấy, đã hất tung Phù Thăng về với đồng ruộng, quê nhà. Phù Thăng lại thấy có cái gì đó vui vui. Ông tâm sự với một nhà văn trẻ : " Mình thế là rất được ưu ái đấy. Các anh ấy còn thương, cho làm quan tại gia. Lương tháng vẫn nhận đều đều ở xuống phim, chẳng bị chiết khấu đồng nào. Bây giờ thì bình thường, chứ cứ như ngày trước, được làm quan tại gia là sướng và oai lâm đấy ! ". Và rồi từ đó ông quan tại gia cứ sáng sảng vắt vẻo cái que tre buộc tòng teng mẩy rảnh lá chuối khô, lùa vịt ra đồng. Dưới cái gậy chỉ huy của ông, hàng trăm tên " lính xung kích " săn sàng xông trận. Ông chỉ khẽ vẫy tay là cái đạo quân ấy rùng rùng chuyển động, nom tếu như một cái chǎn khổng lồ bị giới xé tois. Khi đoàn quân ấy đã chiếm lĩnh trán dia rồi, ông mới lui cui phạt bờ cuộc góc. Trong chẳng ai biết đây là một ông quan. Rồi cứ vài ba tháng một lần, ông lại về Hà Nội nhận lương, cho đến khi ông trao chìa khoá, trao căn phòng mình ở Hà Nội cho anh em trong cơ quan, rồi nhận sổ hưu, về làng hẳn. Từ đó đến nay, ông không trở lại Hà Nội nữa. Cũng không thấy ông tiếp xúc giao du với giới văn chương. Và làng Tất Lại, xã Cộng Lạc, quê ông, từ đó có thêm một ông thợ cày cần mẫn. Ngày nào ông cũng đánh trâu ra đồng, kể cả những hôm giá ngắt, nước ruộng trong leo leo, cá mại cờ chết rết, nổi phèn lén, đặt cả vào vệ cỏ, ông vẫn cày quần quật từ sáng đến tối mịt. Có hôm bị huyết áp, ông ngã vật xuống ruộng cày. Lũ trẻ chǎn trâu đã khiêng ông về nhà. Cứ tưởng

lần ấy, ông đi hẳn. Ai ngờ ba ngày sau đã thấy ông " vắt, diệc " trên cánh đồng rồi. Một mình ông nhận đến bảy sào ruộng khoán.

– Sao bác nhận lầm ruộng thế ? Có phải mướn người làm không ? – Một phóng viên báo tỉnh hỏi ông.

– Việc gì phải mướn. – Ông cười móm mém. – Mình vốn là thợ cày mà. Phải làm thôi. Mướn người biết lấy gì ra mà trả cho họ. May chục đồng lương thiếu úy hưu của mình, ông tính sống sao nổi ở thời kinh tế thị trường này. Mình còn kéo theo ba cái rõ-moóc nữa. Tháng trước, cô con gái út làm ở đài truyền thanh huyện lại về xin bố tiền. Ở quê, nhiều thứ phải chi tiêu lắm. Tất cả chỉ còn biết trông vào hạt thóc thôi.

Phù Thăng làm quẩn quật như một nông dân. Chẳng ai biết ông là một nhà văn hào hoa, phong nhã một thời. Bà bán nước chè xanh ở quán nước đầu xã Cộng Lạc, vốn là một giáo viên văn nghệ hưu tú ra rất am tường : " Các bác mướn tìm ông Thăng mà hỏi nhà văn Phù Thăng thì chẳng ai biết đâu. Cứ hỏi ông Thăng có con trâu sút tai, hoặc gọi tắt là ông Thăng sút thì cả làng này, từ già tới trẻ, ai cũng biết. Mà kể cũng lạ. – Bà chép miệng, – Ông lão người cứ quắt như gốc sắn khô, mà trị được con trâu to vật. Con trâu ấy dù lầm, trẻ con đứa nào cũng hãi. Chúng còn gọi là con diên hay con diên sút. Con diên sút ấy đã cho mấy ông thợ cày thủng bụng rồi đấy. Vậy mà nó lại chịu ông Thăng. Ở làng này chỉ có ông Thăng mới cày được nó, cũng chỉ có ông Thăng mới cuối được nó. "

Vậy đó. Con diên. Con diên sút. Những biệt hiệu đầu gấu sặc mùi dao búa của con trâu ương ngạnh, ai ngờ lại là đặc điểm, là chứng chỉ để người ta nhận diện một nhà văn hào hoa, phong nhã. Người ta còn gắn cả cái tai sứt của con trâu cho ông, dù biết ông là một lực điền như thế nào rồi. Thực tình Phù Thăng đâu đã bỏ văn, để rồi phải nấp sau cái tai sứt của con trâu diên khùng. Ông vẫn viết cần mẫn. Ngày cày ruộng quẩn quật, đêm lại chong ngọn đèn dầu, cặm cụi " cày " trên cánh đồng giấy trắng rợn, trắng đến sờn cả da gà. Bà vợ hơn ông hai tuổi lại rên rỉ : " Thôi ! Tôi lạy ông ! Đừng viết nữa. Khổ thế này còn chưa đủ sao ? Nhất nhở lại sa sẩy nữa thì sống sao nổi. Ông già rồi... ". Nhưng Phù Thăng làm sao bỏ viết được. Cái nghiệp văn chương nó thế. Không phải ông chọn văn chương mà chính văn chương đã chọn ông để dày đoạ, để hành hạ ông trong cõi người này. Bây giờ thì nó đã thành máu thịt của ông, đã thành số phận của ông rồi. Bỏ cây bút, ông còn biết tựa vào đâu ? Ông biết lấy sức lực đâu để cày hết bảy sào ruộng khoán ? Sức mạnh bí hiểm ấy, bà không thể biết được. Đối với một nhà văn, khi không còn sức sáng tạo nữa thì nhà văn ấy thực sự đã chết rồi. Chính niềm vui của sự sáng tạo văn chương đã giúp Phù Thăng vượt qua cái chết trên đồng làng và cả trên bàn mổ. Phù Thăng đã ba lần bước lên bàn mổ với cả vết thương từ thời kháng Pháp. Ông vốn là thương binh. Chính các bác sĩ cũng không hiểu tại sao một ông lão gầy guộc, đường như chỉ có đôi mắt là còn sức sống, lại có sức lực dẻo dai đến thế. Và rồi đêm đêm những trang văn vẫn ra đời. Chồng bản thảo mỗi ngày một dày thêm. Phù Thăng gói bản thảo thành từng bó, quấn giấy xi-măng, rồi cho vào chum ủ lá xoan tươi. Đây là cách phòng chống mối mọt của những nông dân nghèo thời trung cổ. Trong căn buồng ẩm thấp, tối sầm,

lúc nào cũng vo ve tiếng muỗi, ngoài chum thóc, chum sắn, còn có cả một chum vân nữa. Vậy mà cho đến nay, Phù Thăng vẫn đứng bên ngoài dòng văn học. Cả một đời cặm cui viết, lâm lũi đi, đến lúc tuổi đã già, dụi mắt nhìn lại, thấy con đường văn ngón ngang những cột mốc với những tên tuổi khác. Lục khắc cũng chẳng bói đâu ra một chút dấu ấn của đời mình.

III

Có lẽ vì thế, người đọc bây giờ, nhất là các bạn trẻ, không biết Phù Thăng, thiết tưởng cũng dễ hiểu. Trong số hơn sáu trăm hội viên Hội nhà văn, nhiều người được kết nạp đã lâu mà đến nay, tên tuổi vẫn lạ hoắc, đến nỗi ngay cả những người trong nghề cũng thấy lù mù, chẳng biết họ viết văn hay làm thơ, hay là nhà phê bình lý luận. Trong màn sương mù ấy cũng chẳng thấy cái bóng mờ mờ nhân ảnh của Phù Thăng. Còn trên quầy sách thì thật rỗm rả. Ríu rít bao màu sắc. Mới có, cũ cũng có. Văn chẳng thấy dáng dấp Phù Thăng. Những năm gần đây, sách ra rất rộng rãi. Nhiều tác giả *Nhân văn giai phẩm* xưa từng có lúc thiệt thòi, giờ cũng được bù lại. Tuy nhiên, sự ưu ái ấy cũng vẫn chưa phải đã là một may mắn. Bởi nhiều hình bóng chỉ có sức sống mãnh liệt ở xứ sương mù. Sương tan thì bóng hình cũng theo sương mà tan nốt. Nói một cách văn vẻ như một nhà thơ trẻ, thì đây là những con rồng trong mây, lúc ẩn, lúc hiện, khi phô khúc đen, khi xoè khúc trắng, nom thật ngoạn mục, thật kỳ vĩ. Nhưng đến lúc bày hết ra giấy rồi mới hay nó chỉ là những con chạch cháu gầy gò teo tóp. Giá không được may mắn ấy, có khi lại may mắn hơn, bởi trong tâm trí người đọc, biết đâu người ta vẫn nghĩ anh là một con rồng, có khi còn hơn cả con rồng. Phù Thăng cũng lại nằm ngoài sự may rủi ấy. Biết đâu, đây lại chẳng là một điều hay cho ông. Mãi gần đây, tôi mới có dịp được gặp ông.

Đó là dạo quân khu Ba kỷ niệm lần thứ 50 ngày sinh của mình. Cục chính trị cho mời toàn thể anh em văn nghệ sĩ của quân khu về Hải Phòng gặp mặt. Chúng tôi vừa tới cục chính trị thì cô tiếp viên nhà khách đã đón dả : “Các bác lên đi. Trên đó nhiều phòng làm...”. “Anh em đến đủ chưa?”, Lê Lựu hỏi lặp bập. “Trên đó chỉ có một bác Thăng ở Hải Dương thôi”. “Có phải bác Phù Thăng không?”. “Cháu không rõ. Chỉ biết bác ấy tên là Thăng. Hình như bác La Thăng gì đó. Bác ấy vẫn làm bài hát mà. Ở đây toàn các bác múa hát thôi. Các bác ấy đàn sáo suốt đêm qua. Vui lắm”.

Tôi bỏ lên nhà khách. Đèn sáng choang, nhưng chẳng có ai cả. Trên cọc màn treo lủng lẳng một cái áo trán thủ thùng lỗ chõ như những vết đạn bắn. Có lẽ Phù Thăng thật. Mà đúng là Phù Thăng. Khi chúng tôi đang ngồi uống trà, thì Phù Thăng tất tả bước vào. Ông mặc tấm áo may-ô vàng ố, cái quần kaki đà bạc, ống thấp, ống cao. Phù Thăng như từ thửa ruộng cày bước thẳng vào phòng khách. Thấy chúng tôi, ông sững lại, rồi reo oà lên như một đứa trẻ :

– Ối giời, các ông! – Và rồi, thật bất ngờ, Phù Thăng sụp xuống. – Tôi lay ông Khải, tôi lay ông Lựu, tôi lay ông Khoa!

Ô hay, sao lại thế này? Lê Lựu há hốc mồm kinh ngạc. Nguyễn Khải đứng dậy, luống cuống. Xưa nay người ta thường chỉ lẽ người chết, chứ có mấy ai lẽ người sống bao giờ. Thương nhau, biết nhau cả, mà rồi đằng đẵng mấy mươi năm

chẳng gặp được nhau, thì đâu có sống cũng coi như người đã khuất núi rồi. Bởi thế mà Phù Thăng mới lạy chúng tôi, nước mắt lâ châ. Cả ba chúng tôi đều cuống lên, chẳng biết làm sao, cũng sụp xuống, xá lại. Hai bên lụp cụp lạy nhau. Các cô phục vụ nhà khách kéo đến, tướng các bác diễn tuồng.

– Trời! Tôi không thể nghĩ mình còn có dịp được trông thấy các ông nữa!

Phù Thăng nói bằng giọng méo mó. Ông ngồi lọt thỏm trong ghế sa-lông. Một ông già nhởn thó, đèn đúia. Hàm răng đã rụng hết. Trông ông teo tóp như một hạt thóc lép. Chỉ có đôi mắt là long lanh sáng. Hình như toàn bộ sức sống của cả con người ông, đều gom lại trong đôi mắt ấy. “Trời, tôi không ngờ, không ngờ...”. Phù Thăng vẫn thêu thào. Quả cũng bất ngờ thật. Nguyễn Khải ở Thành phố Hồ Chí Minh. Lê Lựu ở Hà Nội, Phù Thăng ở làng Tát Lại, Hải Dương. Ba ngọn núi kỳ dị của đồng bằng Bắc Bộ ấy, ai ngờ lại có dịp ngồi ngắm nhau. Bởi thế, Phù Thăng vẫn chưa hết bàng hoàng của một người ở trong cõi mộng.

– Không biết sau lần này, chúng mình liệu còn có dịp nào được gặp lại nhau nữa không nhỉ? Chắc là không... không đâu...

– Gặp chứ! Gặp chứ!

Lê Lựu nói lắp bắp, rồi đưa tay vỗ tóp tép vào cái đùi tong teo của Phù Thăng, rồi lại nắm cái đầu gối củ lạc của ông mà lắc lắc. Đoạn, anh ghé tai Phù Thăng, hỏi một câu gì đó, chắc là về tình ái. Thế là Phù Thăng cười toá lên, mặt rúm ró.

Chuyện vã một lúc, Lê Lựu rủ mấy anh em xuống thăm các anh chị văn công đang om thòm tề tựu ở khu nhà dưới kia. “Đi đi, ngồi ru rú ở đây làm quái gì. Mấy khi có dịp thế này. Đêm nay ta ra đồi, nhảy Va-xi-lô với mấy mẹ xanh đỏ nhé, bác Thăng nhé!”

Phù Thăng lại phêu phào cười. Chúng tôi bước lững thững trên con đường mới rải nhựa, bảng lảng sương khói. Xa kia, sau đồi Cò, mảnh trăng non cong vát như cái khoảm trâu mà một gã thợ cày nào đó vừa quăng lên bầu trời. Phù Thăng bước bỗng lâng. Ông bảo tôi :

– Lúc nào Khoa cố gắng bớt chút thì giờ ghé về nhà mình chơi. Mình muốn nhờ ông đọc giúp mấy cái truyện. Đọc để biết thôi. Chứ in thì chắc khó lắm. Thời kinh tế thị trường bây giờ, để in một cuốn sách, phải bán đến dăm sáu tấn thóc thì mình chịu rồi. Kiếm đâu ra nổi số thóc lớn như thế.

Đối với Phù Thăng bây giờ, quả là mọi thứ chỉ còn biết trông vào hạt thóc. Và câu chuyện mini của ông xưa, lại ám ảnh tôi, chợt làm tôi ớn lạnh. Bất giác, tôi nắm chặt bàn tay gầy guộc của Phù Thăng, lòng mơ hồ ròn rợn. Chỉ sợ ở một xó xỉnh nào đó, sau lùm cây tối sầm kia, lại bất ngờ cất lên một tiếng gà gáy...

Trần Đăng Khoa

5.1996

(in trong tập sách của tác giả :
CHÂN DUNG VÀ ĐỐI THOẠI
Nhà xuất bản Thanh Niên, 1999, 376 tr.)

NÓ

Trong bài *Tú Xương và ngày tết* (*Diễn Đàn số Tết*, 2.99, tr.9), khi bình câu thơ *Lắng lặng mà nghe nó chúc nhau*, Đặng Tiến cho rằng “*Tiếng Việt không dùng từ ‘nó’ trong nghĩa tập thể*”, “*không ai nói ‘nó chúc nhau’ như Tú Xương*”, “*‘chúc nhau’ thì phải có nhiều người, ít nữa là hai người, một ‘nó’ thì không thể ‘chúc nhau’*”.

Tôi quý trọng nhà phê bình văn học, nhưng khi ông bàn về ngữ pháp tiếng Việt như vậy, thoạt nghe hợp lý, nghĩ lại tôi thấy có cái gì chưa ổn.

Thoạt nghe hợp lý, vì đúng là ngày nay, rõ ràng là chúng ta đổi lập số ít / số nhiều ở đại từ ngôi thứ ba : *nó* (il/elle) / *chúng nó* (ils/elles). Tuy nhiên, ngay trong số ít, cũng có sự phân biệt số ít *cá thể* với số ít *tập thể*.

Khi Quang Trung kêu gọi tướng sĩ tại Thanh Hoá, trên đường ra Thăng Long đánh quân Thanh : “*dánh cho nó chích luân bất phản, đánh cho nó phiến giáp bất hoàn, đánh cho sứ tri Nam quốc anh hùng chi hưu chủ*” [*Lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 353], thì hai chữ *nó* nếu không phải là *số nhiều*, chí ít cũng là *số ít tập thể*.

Cũng như chữ *nó* trong bài *Hỏi thăm mất cướp* của Nguyễn Khuyến

*Tôi nghe kẻ cướp nó lèn ông
Nó lại lôi ông đến giữa đồng*

hay trong bài hoạ lại của tuân phủ Đích :

*Ông thăm tôi cũng già ơn ông
Nó có lôi tôi đến giữa đồng*

[*Thi hào Nguyễn Khuyến / đời và thơ*, Nguyễn Huệ Chi chủ biên, Nxb Giáo Dục, Hà Nội 1994, tr. 633-635]

Tương tự, Phan Châu Trinh, trong lá thư viết từ nhà tù La Santé năm 1915 thay cho con trai Phan Châu Dật : “*quân thù nghịch với cha tôi phe đảng đồng, tiên của nhiều, thân thế lớn, nó buộc ông ấy phải làm thù nghịch với cha tôi*” [*Tuyển tập Phan Châu Trinh*, Nguyễn Văn Dương biên soạn, Nxb Đà Nẵng, 1995, tr. 678].

Trong các thí dụ kể trên, còn có thể nghĩ rằng *nó* không chỉ *số nhiều*, mà chỉ là *số ít tập thể*. Nhưng trong câu thơ sau đây của Tú Xương :

*Một chè, một rượu, một đàn bà,
Ba cái lồng nhăng, nó quấy ta*

thì rõ ràng *nó* không còn là *giặc* *Thanh* tập thể của Nguyễn Huệ, *kẻ cướp* của Yên Đổ hay *quân thù nghịch* của Tây Hồ nữa, mà là *số nhiều* : *nó* là đại từ thay cho, không phải *hai*, mà *ba cái lồng nhăng*. Ở đây còn có một điều lý thú nữa : trong câu trên, ta có thể thay *nó bằng chúng*, song không thể nào thay bằng *bằng chúng* *nó* được. Không phải vì số chữ trong câu thơ, mà vì thông thường, *chúng nó* chỉ *người* hay *động vật*, chứ không thể thay thế *ba cái lồng nhăng* được [trừ phi nói thế này : *ba cái thằng lồng nhăng ấy, chấp chúng nó làm gì*] ; còn *nó* hay *chúng* có thể thay thế cho *những sự vật*. Nhân đây, cũng

xin các nhà bảo vệ *nữ quyền* đừng vội trách tôi, hay đúng hơn, trách Tú Xương, là xách mé, coi phụ nữ là... sự vật. Khi Tú Xương viết *một đàn bà*, thì không phải *một bà*, hay *một người đàn bà*, như Claude Lelouch làm phim *Un homme, une femme...* / *Một người đàn ông, một người đàn bà...* *Đàn bà* đây là *sự đàn bà*, cái sự mê *đàn bà*, mê *gái*, cái sự *nghiện đàn bà* như *nghiện chè*, *nghiện rượu*... Tóm lại, trong ngữ cảnh của câu thơ trên, sự đổi lập *nó* / *chúng nó* không phải là sự đổi lập *số ít* / *số nhiều* mà là sự đổi lập *giữa số nhiều và số nhiều*, *giữa người và sự vật*.

Như vậy phải chăng *nó* chỉ có thể là *số nhiều* khi thay thế *sự vật*, chứ không thể thay thế những *con người*? Cũng không phải. Nhà văn Nguyễn Tuân – mà Đặng Tiến nhắc tới trong bài và cho rằng vì quá đồng cảm với sự kiêu bạc của Tú Xương, Nguyễn đã mất cảnh giác, không “*lưu ý đến chỗ... lệch cú pháp*” – vốn là người dùng chữ chính xác, thận trọng, thậm chí kiêu kỳ. Bình câu thơ khác của Tú Xương :

*Trên ghế bà đâm ngoi đít vét
Dưới sân ông cứ ngồi đầu rồng*

Nguyễn Tuân viết trong bài *Thời và thơ Tú Xương* : “*Những mụ đàn bà đó* – mặc dù là bà đâm, mặc dù *nó* là Toàn quyền phu nhân, là công sứ phu nhân hoặc là gì gì phu nhân đi nữa – *hồi xem ai cho phép nó bén mảng đến cái chỗ trường thi tôn nghiêm của nhà vua cầu hiền, và phép nước, từ thượng cổ, chỉ dành riêng cho nam nhi?*” [*Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tập 3, nxb Văn Học, 1994, tr.245-6].

Văn Nguyễn, trong bài ký *Cho giặc Mỹ nó ăn một cái tết* ta : “... giờ lại còn phải tốn cơm thêm bánh thêm cho cái lũ giặc bay bị bắt sống kia. Nó thành được thằng giặc...”, “*tiếc gì ít bánh chưng Tết ta tung thêm vào cái mâm ăn của bọn tù Hoa Kỳ gây cắn lái. Để cho nó mở thêm mắt thêm móm ra.*” [sđd, tr.32-34].

Qua mấy thí dụ vừa trích dẫn, tôi rất tâm đắc với nhận xét tinh tế của Nguyễn Phú Phong : “*Considéré dans les grammairies vietnamiennes comme un pronom singulier, mais du fait qu'il est une valeur en rupture du système, le nombre et la nature du référent de nó ne sont pas nettement déterminés. Nó peut renvoyer à un homme ou un animal, à un animé ou un inanimé, à une entité concrète ou une entité abstraite. Le référent de nó peut être aussi massif ou discret et du coup nó est susceptible d'un emploi au singulier aussi bien qu'au pluriel*” [*Questions de Linguistique Vietnamienne, Les classificateurs et les déictiques*, Presses de l'Ecole Française d'Extrême-Orient, Paris, 1995, p.191 ; tôi tạm dịch : “*Các sách ngữ pháp Việt ngữ đều coi nó là đại từ số ít, song vì nó là một giá trị đoạn tuyệt với hệ thống, số lượng và bản chất của danh từ mà nó thay thế không được quy định dứt khoát như vậy. Nó có thể chỉ định một người hay một con vật, một vật động hay bất động, một thực thể cụ thể hay trừu tượng. Cái quy chiếu của nó có thể là một nguyên khôi [không đếm được, chú thích của người dịch] hay rời rạc từng cái [có thể đếm được] cho nên nó có thể dùng ở số ít cũng như ở số nhiều*”].

Điều mà các nhà ngữ pháp trước Nguyễn Phú Phong chưa để ý, thì tác giả *Việt-Pháp tự điển* [Khai Trí, Saigon, 1964], ông Đào Đặng Vỹ, lại thấy rất rõ khi ông định nghĩa “*nó*” ở trang 751 : “*Pronom personnel de la 3e personne (terme s'adressant aux inférieurs, aux animaux et aux choses) : il, elle, le, cela, ils, elles, les, eux ; son, sa, ses, leur, leurs*” [Đại từ ngôi thứ ba chỉ định những người dưới, những con vật và sự vật : *il, elle, le, cela, ils, elles, les, eux ; son, sa, ses, leur, leurs*].

Quả vải :

Hải Dương hay Hưng Yên ?

lưu vực sông Hồng hay sông Dương Tử ?

Bản Yên Nhân

Ông bạn Quỳnh Lưu Diêm Châu kể chuyện món ăn đất nước sao mà ngọt nhạt ngọt, bùi, chua, cay, mặn, chát của cả một đời giang hồ phiêu bạt đến thế ! Bạn không tin xin mở D.Đ số 82, 2. 99, trang 45 mà xem. Kể kiểu ấy thì ai chẳng phải mềm lòng đồng tình với ông bạn, nhất là trong cái không khí nhớ quê hương những ngày năm hết tết đến này.

Tôi cũng bái phục cái khôn khéo lão luyện của ông đã dành cho một bạn anh trẻ người Hải Dương, dường như mới chân ướt chân ráo qua Paris công tác, câu nói “Vải thiêu ở đây (Hải Dương) có lẽ là thứ quả ngon nhất của Việt Nam : hương thơm, vị ngọt đượm, ăn mãi không chán...”

Câu nói thật hồn nhiên. Nhưng nó có cơ gây chuyện đấy chứ chẳng vừa đâu. Vải Hải Dương ngon, ngon lắm, đồng ý. Nhưng mà nói nhất Việt Nam, xin vô phép, thế thì các bác để vải Hưng Yên của chúng em vào đâu nào ?

Chẳng hiểu mấy bác đã được nếm qua vải tiến Hưng Yên bao giờ chưa, quả vải bóc lớp vỏ mỏng đỏ hồng ra chỉ thấy dây đầy thịt trắng muốt, mũi mọng nước mà dòn, hương ngát thơm, vị ngọt lịm, không tìm đâu ra hột...

Thú thật, nghe nói vải Hải Dương nhất Việt Nam là máu Hưng Yên trong tôi sôi sùng sục lên ngay. Nhưng sực nhớ lại nóng máu như Pháp còn dặn dò phải quay lưỡi cho đủ bảy lần rồi hãy mở miệng phát biếu, tôi liền nghĩ đến cụ Nguyễn Trãi, xin cụ phân phái trái về bên nào, Hải Dương hay Hưng Yên ?

Ông cụ quả là nhà hiền triết bạn à ! Vải tiến có nói trong **Dư Địa chí**. Không phải Hải Dương, nhưng mà cũng chẳng phải Hưng Yên. Vào thế kỷ XV, XVI vải tiến vua là của xã Quang Liệt huyện Thanh Trì, thuộc Hà Nội ngày nay.

Nói cho đúng, **Dư Địa chí** do Nguyễn Trãi viết từ năm 1438 ; mãi đến 1469 thời Lê Thánh Tông mới có tên Hải Dương thừa tuyên, huyện Thanh Hà cũng là tên đặt vào thời ấy. Vậy thì Hải Dương, Thanh Hà là do người sau thêm vào sách này. Nhưng, dù sao vào thế kỷ XV, XVI chưa thấy ghi Hải Dương có sản xuất vải, và chắc chắn vải ngon nổi tiếng thời ấy là ở vùng đất Hà Nội ngày nay.

Và cứ thế mà nổi tiếng ngon nhất nước cho mãi tới thập kỷ 70 của thế kỷ XIX. Bằng có là **Đại Nam nhất thống chí**, sách

viết xong vào năm 1870, vẫn ghi các xã Thanh Liệt, Bằng Liệt thuộc Hà Nội phải đem cống vải cho triều đình. Tuy rằng sách cũng ghi nhận vào thời ấy Hải Dương đã có sản xuất vải ở xã Yên Nhân.

Vậy thì ông Quỳnh Lưu Diêm Châu ơi, báo Hải Dương không sai đâu, vải thiêu phải đến thế kỷ XIX mới có.

Xin an ủi vải Hải Dương rằng sinh sau đẻ muộn không lên lão làng thật, nhưng có kẻ sinh sau mới có hậu sinh khả ủi, mới có này ra giống vải ngon vượt vải Hà Nội...

Còn vải tỉnh Hưng Yên ? Cái tên tỉnh này mãi sau mới có, được cắt chia cho huyện Mỹ Hào vốn là đất thuộc Hải Dương. Các cụ trong vùng truyền khẩu rằng gốc vải tiến mẹ đã có từ mấy trăm năm nay. Hiện cây vải cổ thụ ấy vẫn còn sống, khách quý ở nước ngoài được đưa tới tham quan như một sản vật hiếm lạ. Và các cây con chiết cành ra trồng đã nhân giống ra khắp tỉnh. Phải hiểu thế nào ?

Đại Nam nhất thống chí không nhắc nhở lấy một câu đến giống vải tiến này là một bằng cớ cho ta nghĩ rằng gốc vải không hột này mới nảy sinh, sớm lăm cũng phải vào cuối thế kỷ XIX, có lẽ từ giống vải thiêu Hải Dương. Vì, như vậy gốc mẹ không phải có từ mấy trăm năm mà chỉ khoảng trong vòng hơn một thế kỷ thôi. Thế cũng cổ thụ lăm rồi.

Chuyện đem tiến vua chắc là có thật. Lời truyền khẩu trong vùng tin được, nhưng chắc là do sáng kiến của quan đầu tỉnh, đem hiến dâng vua của ngon vật lạ vùng mình trấn nhiệm, và vì thế việc không được ghi vào diển lệ.

Nhân nói cây nảy sinh giống lạ, xin được bàn qua quả vải Trung Quốc. Vì nó thành vấn đề cho chuyện Mai Thúc Loan năm 722 gánh vải công nhà Đường.

Cây vải (*Litchi chinensis* Sonn.) gốc ở Giao Chỉ. Sứ còn ghi Hán Vũ đế sau khi chiếm được Nam Việt (năm 111 trước công nguyên) cho lập cung Phù Lệ trong vườn Thượng Lâm.

Phù Lệ chính là do “lệ chi” từ chữ Hán dùng để gọi quả vải của ta. Vũ đế có ý định di thực, cho đem từ Giao Chỉ về một trăm gốc vải trồng trong sân. Nhưng không một cây nào sống. Sau nhiều năm liên tiếp thất bại, Vũ đế than tiếc mãi. Và, cho đến đời An đế (107-125 sau C.N.) nhà Hậu Hán, có lệ quận thú Giao Chỉ phải đem vải tiến cống.

Đó là chuyện thời Hán, còn đời Đường năm sáu trăm năm sau thì sao ? Trong thời đại rực rỡ bậc nhất của Trung Quốc này, biên giới mở mang xa rộng hơn đời Hán, giao lưu tấp nập, cửa lục khắp nơi đổ về Trường An.

Từ phía Tây Vực trẩy về không chỉ giống ngựa ngày đi nghìn dặm, mồ hôi đỏ như máu, Đỗ Phủ có dịp ca tụng trong bài *Con ngựa thông của Cao đô-hộ* :

(....)

Vó cao, móng rắn, sắt nào tẩy !
Qua sông đá mạnh băng tan ngay !
Muôn dặm, bồ-hối coi máu rấp !
Năm mây, mìn mẩy rải hoa đầy !
Dân khoẻ đất Kinh không dám cưỡi !
(....) (Nhượng Tống dịch)

Mà còn các món ăn quý, từ quả nho gọi là bồ đào và rượu nho Vương Hán nhắc tới trong bài *Lương Châu từ* :

Bồ đào rượu ngát chén lưu ly (Trần Quang Trân dịch)
cho đến nước đá lấy ở băng hà trên đỉnh núi cao chở về Trường An chất dưới hầm dùng dần tới mùa nóng. Tảng băng trong sạch và quý hiếm ấy là hình ảnh Vương Xương Linh dùng trong bài *Phù Dung lâu tống Tân Tiệm* :

Lạc Dương nếu có người thân hỏi

Một mảnh lông băng ở ngọc hồ (Tương Như dịch)

Trong bối cảnh ấy, các nhà quyền quý tha hồ tranh đấu xa hoa phung phí mặc đẹp ăn ngon, Đô Phủ phải cất tiếng kêu Từ kinh dō về huyện Phụng Tiên làm bài thơ 500 chữ bày tỏ lòng :

(....)

*Canh lạc dà cứ dùng để thiết,
Nước chanh thơm, nước quất vàng tươi
Cửa son rượu thịt thôi ôi,
Mặc xương chét rét nấm phơi ngoài đường*

(....) (Phan Ngọc dịch)

Và, có lời tương truyền rằng Dương quý phi thích ăn vải, đến mùa phải có ngựa trạm truyền tay nhau chạy từ miền Nam đem vải tươi về hiến dâng người đẹp vua yêu...

Ở Nghệ An còn truyền lại một bài hát chầu văn :

*Nhớ khi nội thuộc Đường triều
Giang sơn cổ quốc nhiều điều ghê gai.
Sâu quả vải vì ai vạch lá,
Ngựa hồng trắn kể đã héo hon...*

Quyển *Lịch sử Việt Nam* (tập I, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971) dựa vào đó mà viết rằng “ Năm 722, Mai Thúc Loan hiệu triệu những người dân phu phải đi gánh quả vải nộp cống cho chính quyền nhà Đường nổi dậy khởi nghĩa...”

Thuận lý lắm. Tuy nhiên, nhìn theo tư liệu Trung Quốc thì có gì không ổn.

Phải nhớ là thời Đường ăn rất sang, nhưng cũng sành điệu lắm. Thi hào Bạch Cư Dị (772-846) trong lời tựa *Lệ chi đồ* viết rằng quả lê chi lìa cành, một ngày thì biến sắc, hai ngày thì đổi hương, ba ngày thì biến vị, ra ngoài bốn năm ngày sắc hương vị đều mất cả. Và ông chỉ nói tới quả vải đất Ba Thục thuộc Tứ Xuyên ngày nay, không bàn đến vải Giao Chỉ.

Phải chăng vì rằng, sớm, rất sớm quả vải được trồng ở đất Thục rồi ở đất Mân, vùng Phúc Kiến ngày nay. Và, theo *Bản thảo cương mục* của Lý Thì Trần (1518 - 1593) vải đất Mân đứng hàng thứ nhất, vải đất Thục hạng nhì còn các loại vải khác vùng Lĩnh Nam thuộc hàng kém nhất.

Trước đó gần năm thế kỷ, đời Bắc Tống, Trịnh Hùng đã ghi trong sách *Quảng trung lệ chi phả* viết khoảng năm 1070, Quảng Đông có đến 22 giống vải trong đó có các giống tên gọi Ngọc anh tử, Tiêu hạnh (hột nhỏ), Đinh hương hồng la, Tú cốt xà bì, Thanh lệ chi, Ngân lệ chi, Bất ý tử, Hoá sơn, Tat lê, Ngọc hà bào, Đại tướng quân, Tiểu tướng quân, Thuỷ mẫu tử, Trâm hương, Dã sơn đại tịch, Tiểu tịch, Tùng tử. Cùng thời đó, sách *Lệ chi phả* của Thái Tương viết khoảng năm 1060 cũng chép rằng riêng vùng Phúc Kiến đã có đến 32 giống vải.

Chỉ nghe tên gọi đủ mường tượng ra hình thái, màu sắc, hương vị riêng của các giống vải khác nhau.

Giống vải thì nhiều, nhưng Thái Tương khen vải Phúc châu thịt rất dày, ngọt, thơm, vải vùng khác không thể sánh được. Vì, thời Đường có lệ Phúc châu hàng năm tiến cống lệ chi phơi khô và lệ chi ngâm mật, được xem như loại quả quý bậc nhất.

Phúc châu gần Trường An hơn Giao châu nhiều, thế mà không phải tiến cống vải tươi. Triều đình Đường không đòi quả vải tươi trong cống phẩm vùng xa xôi, chuyên chở đường dài, đi lâu hương vị lệ chi biến mất.

Phải chăng đó là lý do sau đời An đế nhà Hậu Hán không thấy đâu chép Giao châu phải tiến cống vải về Trường An. Tuy rằng, tư liệu thường kể khá chi tiết cống phẩm thời Đường gồm có những gì. Đỗ Hựu ghi trong *Thông điển*, hàng năm An Nam đô hộ phủ phải nộp cống 10 tấm vải tơ chuỗi, 2000 quả cau, 20 cân da cá, 20 mực trăn, 200 hộp lông trá. Quận Nhật Nam nộp 2 ngà voi, 4 sừng tê, 20 cân trầm hương, 4 thạch vàng quỳ, vàng thiếp.

Còn bài hát chầu văn truyền tụng ở Nghệ An nói việc cống quả vải đời Đường, giá trị lịch sử của nó là thế nào ?

Điều mập mờ trong bài hát là thời điểm xuất hiện của nó. Đó là một tư liệu truyền miệng, chép tay, vì thế không thể biết chính xác nó có từ khi nào. Tuy nhiên căn cứ vào hình thức văn lục bát, bài hát như chúng ta biết ngày nay được hình thành khá muộn.

Dù sao nó không thể có giá trị lịch sử ngang với những thông tin được Đỗ Hựu là người sống vào đời Đường ghi chép. Mà trong cống phẩm An Nam đô hộ phủ phải tiến nạp về Trường An có trái cây, đó là 2000 quả cau. Khác với thời Hán, những thứ quả Giao Chỉ phải nộp cống ngoài cau còn có lệ chi, cùng long nhãn, cam lâm (quả trầm). Đỗ Hựu không ghi thì chắc là không có lệ chi trong cống phẩm đời Đường.

Dân phu An Nam đô hộ phủ phải chuyên chở cống phẩm nộp nhà Đường là chuyện thật. Nhưng có quả vải trong đó hay chăng ?

Không loại trừ các quan đô hộ thiền triều trấn nhiệm ở địa phương đòi vải cho chính bản thân họ.

Nhưng cũng không ít khả năng là các ông đồ Nghệ nhớ loáng thoáng những gì đã đọc trong *Hán thư* và dựa theo truyền thuyết chạy ngựa trạm đem lệ chi về dâng Dương quý phi - chuyện này có thể có thật nhưng chắc là lấy vải ngon ở những vùng tương đối gần như Phúc Kiến, chứ không đi tìm ở tận đất An Nam đô hộ phủ quá xa xôi - mà đặt ra bài hát chầu văn. Mà không có cơ sở cứ liệu lịch sử vững chắc.

Các ông đồ xứ Nghệ xưa nay, tôi bao giờ cũng bái phục. Chỉ xin được không tin như lời thánh dạy tất cả những gì các ông nói hay viết ra...

Bản Yên Nhán

(ngày Tết Kỷ Mão)

xem phim

ĐÊM TRÙ TỊCH

Phan Tam Khê

Thường người ta vẫn ăn cơm mới nói chuyện cũ, thế nhưng ở đây, thì người ta lại thích ăn cơm mới nói chuyện đâu đâu... cứ như quá khứ chỉ là mồ chôn vô tận. Còn gần một năm nữa thế mà ở châu Âu người ta đã nhốn nháo về những chuyện của năm 2000.

Truyền hình Pháp bắt đầu những chuyện bốn phương về năm 2000. Lẽ dĩ nhiên, điện ảnh đã chiếm một phần quan trọng trong chương trình này. Một trong những phim để lại trong tôi ấn tượng mạnh, đó là phim Braxin *Đêm trù tịch* [Minuit, tên nguyên tác Meira Noite] của đạo diễn Walter Salles Daniel Thom, xem trên đài truyền hình Pháp Đức Arte tối thứ sáu 11 tháng 12-1998.

Người ta vừa tống cổ vào khu nhà giam bẩn thỉu một lão già khốn khổ. Lão ta vùng vẫy la hét suốt đêm xin được tự do để đón đêm giao thừa của năm 2000. Lão tin lầm rằng ngày đầu tiên của năm 2000 mọi sự sẽ bắt đầu bằng con số không : không nghèo, không giàu, không tù tội, không đơn côi, không thù hận, không chiến tranh... Cuộc đời sẽ tốt đẹp cho mọi người, ai cũng như ai...

Cùng giam một phòng với lão già là João, một phạm nhân trẻ. Hai người không mấy thiện cảm với nhau, thế nhưng khi lão già kiệt sức, João hốt hoảng cầu cứu cai ngục. Ngoài kia tiếng pháo nổ vang ầm, và tiếng kêu cứu của João đã rơi vào vô vọng.

Cái chết của lão là nguyên nhân cuộc nổi loạn của các tù nhân. João được bọn cai ngục lén lút thả ra, nhưng khi được biết là tự do của mình phải đánh đổi một giá rất đắt : giết Chico, một thằng bạn nỗi khổ ngày xưa, thì João không thể lùi bước được nữa : hoặc giết Chico, hoặc anh phải chết vì bọn cai ngục.

Ở một khu nhà lá nghèo khổ, trong một ngõ hèm chen chúc dân cư, Chico hờ hở trở về thăm lén vợ con. Trong lúc vợ Chico đang tìm đứa con trai như để báo tin bố về, thì João xuất hiện. Qua cái nhìn bất ổn của João, Chico biết là mình đã tận số. Sau khi thanh toán xong Chico, João thấy tim mình nhói lên khi bắt gặp cái nhìn đầy thơ ngơ ngác của vợ con Chico. Khi đến cuối hèm João mới khám phá ra là anh bị bọn cai ngục theo đuổi để hạ sát. Cuộc lùng trốn bắt đầu.

Ở một khu sang trọng cũng trong thành phố này, Maria, một thiếu phụ đẹp đang chạy điên loạn để tìm người yêu : cô bé vừa bị bỏ rơi. Tuyệt vọng nàng leo lên một cao ốc để nhìn cuộc đời đang thăng hoa trong ngày lễ hội một lần cuối, ở đó nàng được João cứu sống.

Thoát nạn, cả hai dừng lại trên bãi biển giữa đám đông trẩy hội. Maria tung tăng bơi lội, còn João thì thả mình ở trên bờ cát để nhìn mây trắng bay. Cuộc đời êm ái không au lo.

Một tiếng nổ chát chúa vang lên, mắt Joao vẫn đăm đắm nhìn trời, bên thái dương một dòng máu nhỏ rỉ ra, âm thầm lạnh lùng, dữ dội. Maria lê nhung bước chân thẫn thờ tuyệt vọng đến một tương lai bất định.

Suốt cuốn phim như được kết bằng một sợi chỉ nghịch lý : Tiếng hát của lão già bị át hẳn bởi tiếng reo hò của đám đông chuẩn bị đón xuân ; nụ cười trên khuôn mặt hân hoan của Chico đột nhiên tắt hẳn khi hắn bắt gặp khuôn mặt căng thẳng đầy lo âu của Joao ; hình ảnh Maria trên cao ốc với chiếc áo trắng lộng gió tung bay, hai tay dang thẳng ở tư thế sẵn sàng lao vào vực thẳm gây ra một ấn tượng hốt hoảng khẩn cấp đến lạnh người, nhưng ngay trước mặt Maria, tít mãi ngoài khơi, tượng chúa Giê-su cũng áo trắng loà xoà, cũng hai tay mở rộng nhưng đầy ưu ái, tin tưởng, an bình. Màu trắng các y phục của đám đông, của Maria, của Joao hòa hợp với màu xanh lơ của nước biển, gợi trong ta một cảm giác êm ái, thanh bình, nhưng dòng máu nhỏ rỉ ra thâm lặng bên thái dương của Joao đã nói lên một cái gì bất ổn, nghịch lý đến đảo lộn lòng người, một cái gì mà tâm tư nhân loại khó chuyên chở nổi.

Đó đây, trên quả đất này, trong thành phố này, trong làng mạc này, những buồn vui, những thất bại, những thành công, những hy vọng, tuyệt vọng, tất cả đã dệt thành một tấm thảm rực rỡ nhiều màu sắc đó là cuộc đời. Cái duyên dáng của cuốn phim là ở chỗ đó, gì di nữa thì cuộc đời vẫn đầy ân sủng, đáng yêu và đáng được tiếp tục.

Cách quay phim đậm nét, mạnh mẽ đến độ bất thần của đạo diễn minh họa được tình trạng khẩn cấp của quê hương ông : cuộc sống ở đây, bao trùm toàn bạo lực, dữ dội, lo âu và bất trắc. Thế mới biết Bra-xin không chỉ là quê hương của biển xanh, mây trắng trời trong và bóng đá...

Lướt trên không gian xybe, mời bạn ghé thăm

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

và liên lạc với chúng tôi bằng thư điện tử về :

diendan@wanadoo.fr

HỢP LƯU

tạp san văn học nghệ thuật biên khảo

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842 USA

Tel (714) 265-1394 • Email : tchl@aol.com

- ♦ noi quy tụ những cây bút nổi tiếng
của trong nước và ngoài nước
- ♦ noi gấp gỡ những tấm lòng tha thiết
với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện
15 place Souham, F-75013 PARIS
Tel : 33 (0)1 45 83 19 12

Qui hoạch
và
kiến trúc đô thị

Những vướng mắc

Văn Ngọc



À. Flocon-Mentzel, Dreikantsystem, 1968

Một số vấn đề của qui hoạch, xây dựng và kiến trúc đô thị ở Việt Nam mà chúng tôi đã có dịp nêu lên trên *Điển Đàn* các số 38, 40, 43, 45, đặc biệt là các vấn đề : bảo tồn khu phố cổ Hà Nội, bảo vệ cảnh quan khu vực hồ Tây, khu vực đê sông Hồng, v.v... ít lâu nay không thấy báo chí nói đến nữa. Không biết tình hình giải tỏa các công trình xây trái phép ở những khu vực này đã tiến hành đến đâu, Sơ đồ qui hoạch chi tiết và các cơ quan có thẩm quyền đã giải quyết những vấn đề này như thế nào ?

Gần đây, một vài vụ việc đáng quan ngại khác lại xảy ra ở khu vực hồ Hoàn Kiếm, một danh thắng lịch sử ở ngay trung tâm thủ đô, trong đó tiêu biểu nhất là vụ khách sạn Hà Nội Vàng, vi phạm hoàn toàn Sơ đồ qui hoạch chi tiết của khu vực này.

Tình hình qui hoạch và xây dựng nhìn chung trong cả nước, và trên những nét lớn, đã được đánh giá qua bài trả lời phỏng vấn của bộ trưởng Bộ Xây dựng Ngô Xuân Lộc đầu năm 1997 trên tạp chí *Kiến Trúc* (hiện nay ông Ngô Xuân Lộc giữ chức Phó thủ tướng chính phủ) :

“...Tình trạng phát triển đô thị không theo qui hoạch và pháp luật còn khá phổ biến ; qui hoạch chi tiết đô thị còn thiếu, kiến trúc đô thị phát triển chưa có định hướng. Nhiều di sản kiến trúc, văn hóa có giá trị dân tộc đang bị vi phạm và biến dạng là mối quan tâm của toàn xã hội ; các chính sách, biện pháp, cơ chế tạo vốn và tạo điều kiện phát huy sức mạnh của cộng đồng vào mục đích xây dựng đô thị còn thiếu ; các

thủ tục hành chính trong giao đất, cấp phép xây dựng và thẩm định các dự án đầu tư còn phiền hà, năng lực của chính quyền đô thị còn hạn chế ; các tồn tại lịch sử trong quản lý nhà và đất đô thị chậm được giải quyết, đang là trở ngại lớn trong việc thiết lập lại trật tự kỷ cương và tạo nguồn lực phát triển đô thị...”

Về phía các nhà chuyên môn có trách nhiệm quản lý ngành nghề trong công tác qui hoạch và kiến trúc, kiến trúc sư Nguyễn Trực Luyện, hội trưởng Hội Kiến trúc sư Việt Nam, kiêm chủ tịch Hội đồng tư vấn kiến trúc của Thủ tướng Chính phủ, trong một bài trả lời phỏng vấn của tuần báo *Đại Đoàn Kết* ngày 12-12-1998, đã trình bày quan điểm của mình như sau :

“... Kiến trúc muốn phát triển được phải có môi trường pháp lý cho kiến trúc sư sáng tác, hoạt động nghề nghiệp. Công việc của kiến trúc sư là phải vừa đáp ứng yêu cầu của chủ đầu tư, chủ công trình, vừa thực hiện lợi ích xã hội tức đảm bảo cảnh quan, tạo ra một tác phẩm thoả mãn nhu cầu thẩm mỹ của công chúng. (...) Hiện nay, kiến trúc sư vẫn chưa có chỗ dựa pháp lý cho hoạt động của mình. Môi trường hoạt động không thuận lợi, tất ảnh hưởng đến chất lượng kiến trúc. Đó là bài toán thách thức hiện nay với sự tất yếu là bộ mặt kiến trúc của đô thị, của các khu dân cư lộn xộn, lai căng, không hài hòa giữa kiến trúc công trình với cảnh quan xung quanh.”

Trên thực tế, trong công cuộc chạy đua từ hơn mươi năm nay để đáp ứng nhu cầu phát triển cấp thiết của xã hội, còn nhiều vấn đề khác cần phải nêu lên trong lãnh vực qui hoạch, kiến trúc và xây dựng, để giải tỏa những vướng mắc còn tồn tại.

Những điều mà đến nay ai cũng biết, song đôi khi vẫn cần nhắc lại, là công tác *qui hoạch* (cũng như luật pháp về qui hoạch, xây dựng, và kiến trúc đô thị, nói chung) đã đi chậm hơn sự phát triển (tự phát) của đời sống xã hội, và đang phải đuổi theo *xây dựng*. Cũng như *kiến trúc* : trong bao nhiêu năm dưới thời bao cấp, ngành kiến trúc đã không đầu tư đủ vào nghiên cứu và thử nghiệm, kịp đến khi “bùng nổ xây dựng”, đương nhiên nó đã không thể nào có được những mô hình, hoặc những hướng chỉ đạo cần thiết.

Xét cho cùng, những ý tưởng to tát, cũng như những phương châm đã được nêu lên trong nhiều năm : *Khoa học*, *Dân tộc*, *Hiện đại*, nếu không được phân tích, nghiên cứu và thử nghiệm đến nơi đến chốn, để thấy cái gì đúng, cái gì sai, thì cũng chỉ là những khẩu hiệu suông, hoặc là những ảo tưởng mà thôi. Như vấn đề tìm *bản sắc kiến trúc Việt Nam*, chẳng hạn : đây là một vấn đề quả thật không đơn giản ! Thế nào là bản sắc kiến trúc Việt Nam ? Không phải chỉ cần dựa vào những *truyền thống* kiến trúc và xây dựng của ông cha ta xưa, mà chúng ta có thể có được một bản sắc riêng biệt. Đây không chỉ thuần tuý là một vấn đề văn hoá, mà còn tuỳ thuộc vào trình độ kinh tế, giáo dục, khoa học kỹ thuật của một nước, ở một thời điểm lịch sử nhất định. Một nền kiến trúc đích thực bao giờ cũng phản ánh được những tư tưởng văn hoá, kinh tế, chính trị, xã hội của thời đại mình. Do đó, nó tuỳ thuộc một cách quyết định vào các chiến lược phát triển kinh tế, văn hoá,

giáo dục, khoa học kỹ thuật, v.v... đi đôi với chiến lược phát triển đô thị ; cũng như nó tuỳ thuộc vào những chủ trương, biện pháp cụ thể về các mặt kinh tế, xã hội, như : tiết kiệm nhiên liệu, nguyên vật liệu xây dựng, tận dụng các chất phế thải, các nguồn năng lượng mới, bảo vệ môi trường, bảo vệ các nguồn tài nguyên quý hiếm, v.v... Những đặc thù của một nền kiến trúc phải là những gì thể hiện lên những điều kiện ấy và cái tinh thần ấy. Bản sắc kiến trúc Việt Nam, nếu có, thì trước hết chỉ có thể trên cơ sở một nền kiến trúc lành mạnh (*đẹp, bền, rẻ, tiện dụng*), biết tiếp thu những cái hay của người khác, nhưng cũng biết “tự lực cánh sinh”, dựa vào sức mình là chính.

(Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này, khi nào có dịp bàn tập trung hơn về kiến trúc. Đây chính là một vấn đề lý luận cần được đào sâu. Nó cũng cùng một vấn đề với câu phương châm *Khoa học, Dân tộc, Hiện đại đã nêu ở trên* : có thể nào vừa đặt tiêu chuẩn *khoa học* và *hiện đại*, lại vừa đặt tiêu chuẩn *dân tộc* cho kiến trúc, ở thời đại ngày nay ? Ở những nước công nghiệp phát triển, có kiến trúc hiện đại, người ta có còn đặt ra những loại tiêu chuẩn này nữa không ? Có một sự hiểu nhầm nào chăng trong cách chúng ta dùng từ ngữ, hay trong nhận thức của chúng ta về kiến trúc , v.v.?).

Nói tóm lại, không phải là chỉ cần nói lên cái ý chí làm đẹp, làm tốt, mà còn phải tạo ra những điều kiện để thực hiện những điều tốt đẹp đó. Cũng như, phải thấy rõ kẽt ở những khâu nào, trong lãnh vực nào, để còn có thể tháo gỡ.

Và cũng chẳng nên ngần ngại đặt lại vấn đề từ đầu. Thủ *châm mà có, còn hơn không*.

Tạm để sang một bên khâu **luật pháp**, mà ai cũng biết là khâu quyết định nhất, nhưng cũng là khâu phức tạp nhất, và hoàn toàn thuộc về trách nhiệm quản lý của các cơ quan nhà nước, cùng những hiện tượng xã hội liên quan nhiều hay ít đến luật pháp như : những khu nhà ổ chuột, những ngõ phố lem nhem, những chợ vỉa hè, v.v...

Trước hết, cần xác định rõ lại **chức năng** của ba khâu chính của công tác kiến thiết là : **qui hoạch, xây dựng và kiến trúc**. Kinh nghiệm “xương máu” của các nước tư bản phát triển cho biết rằng, không thể nào dung thứ bất cứ một sự mập mờ, hoặc chồng chéo nào giữa ba khâu này được : nếu không, đến một lúc nào đó sẽ không tránh khỏi những sự lộn xộn, đôi khi nguy hiểm, như khi người kỹ sư xây dựng lại đi làm kiến trúc, hay ngược lại, chẳng hạn.

Ngay trong từ ngữ thông dụng, cũng cần định nghĩa lại cho rõ ràng những cụm từ như : *qui hoạch xây dựng, qui hoạch kiến trúc, xây dựng kiến trúc*, v.v... Những cụm từ này do dùng quen rồi, nên người ta không còn để ý đến cái nghĩa chính xác của chúng nữa. Cụm từ “ qui hoạch xây dựng ” phải chăng, trên thực tế, chỉ là để chỉ định công tác qui hoạch ? Có khi người ta còn dùng cả cụm từ “ qui hoạch kiến trúc ”, không hiểu để chỉ định cái gì ? Trừ phi là để nói qui hoạch và kiến trúc ? Vẫn biết *qui hoạch, xây dựng và kiến trúc* là ba khâu gắn liền khăng khít và hỗ trợ lẫn nhau, song mỗi khâu có một chức năng riêng biệt.

Trong ngôn ngữ thông thường, từ “ xây dựng ” lại có một nghĩa chung, đôi khi rất mơ hồ : nói “ xây dựng ” là bao hàm cả kiến trúc, đôi khi cả qui hoạch nữa ! Chẳng hạn như khi nói :

“ *tình hình xây dựng ở nước ta* ” là nói với nội dung ấy. Hoặc khi người ta nói : “ *đô thị xây dựng tạp nhãm, lộn xộn* ”, thì ai cũng hiểu là *không có kiến trúc, và qui hoạch lộn xộn*, v.v...

Có lẽ không phải vì ngôn ngữ của chúng ta không chính xác, mà chính vì bản thân những khái niệm mà nó muốn chỉ định chưa được định nghĩa một cách chính xác. Khái niệm *qui hoạch* (đô thị hay nông thôn), đối với chúng ta còn quá mới mẻ, và chẳng nó cũng khá phức tạp do cái nội dung trừu tượng của nó. Còn công tác *xây dựng*, hay *kiến trúc*, thì xưa kia cũng ít phân biệt : cất một ngôi nhà, hay xây một cái đình, chỉ cần một hiếp thợ nắm vững *truyền thống* xây nhà hay xây đình là đủ rồi, nhiêu khi không cần cả bản vẽ, cũng khởi cần tính toán kết cấu cho mỗi trường hợp khác biệt. Đó gần như là những *mô hình* đã được thử nghiệm qua sử dụng và qua thời gian rồi.

Vai trò của người kỹ sư và người kiến trúc sư mãi đến sau này, trong nền kiến trúc của phương Tây, mới được tách rời ra riêng biệt, người nào có trách nhiệm của người này (trừ những trường hợp hiếm hoi, khi người kiến trúc sư cũng đồng thời là kỹ sư xây dựng, tự tính toán được kết cấu công trình do mình thiết kế, như Gaudi, nhà kiến trúc sư lỗi lạc người Catalan, chẳng hạn).

Khái niệm *qui hoạch đô thị* (hay *thiết kế đô thị /tiếng Pháp : urbanisme, urbaniser, urbanisation*) tuy mới mẻ, song có thể nói rằng hiện tượng qui hoạch đô thị đã có từ những thời đại xa xưa, khi con người bắt đầu ở tập trung thành cụm dân cư, có tổ chức không gian ăn ở, di lại, có phân công lao động, v.v... trong các nền văn minh cổ Ai Cập, Mésopotamie, Perse, Hy Lạp, La Mã, v.v... Qua các thời Trung cổ, Phục Hưng, Baroque, Cổ điển, những tri thức về qui hoạch càng ngày càng phát triển mạnh ở Âu châu (Ý, Pháp, Đức, Anh, Hoa Lan, Bỉ...) với nhiều nhà qui hoạch nổi tiếng, trong đó có cả những người kiêm cả về kiến trúc, hội họa, và điêu khắc, như Leonardo da Vinci, Albert Durer, v.v... Đến thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, nhiều lý thuyết mới về đô thị ra đời. Ở nhiều nơi trên thế giới, nhiều thành phố mới được thực hiện dựa trên những lý thuyết này (Singapour 1819, Adélaïde 1837, San Francisco 1849, Ottawa 1858, v.v...).

Tuy nhiên, phải chờ đến năm 1910, bộ môn qui hoạch đô thị mới được chính thức thừa nhận. Bắt đầu từ những năm 20, Gropius, Le Corbusier, v.v... đưa ra những giải pháp kiến trúc, nhằm giải tỏa tối đa mặt bằng đô thị. Năm 1933, Hiến chương Athènes ra đời, mở đầu cho một thời kỳ mới của công tác qui hoạch đô thị. Ở Âu châu, những nghiên cứu về qui hoạch bắt đầu phát triển mạnh từ những năm 40 trở đi, ngay trong lúc còn đương chiến tranh. Ở Pháp, Sơ đồ qui hoạch toàn lãnh thổ được hoàn thành vào năm 1950, 5 năm sau ngày hòa bình lập lại. Nhưng cũng phải chờ đến năm 1954 Bộ luật về qui hoạch đô thị, nông thôn mới được ban hành.

Cụm từ *qui hoạch đô thị* đã được các nhà chuyên môn gán cho nhiều định nghĩa, song cũng không mấy khi đầy đủ, ngay cả những định nghĩa trong các từ điển Robert và Larousse. Alfred Agache, ngay từ những năm 20 đã cho rằng qui hoạch đô thị là một ngành chuyên môn vừa có tính chất khoa học, nghệ thuật, lại vừa có tính chất triết lý : *khoa học*, vì nó nghiên cứu các hiện tượng và các vấn đề một cách có hệ thống ; *nghệ thuật* vì hoạt động của những nhà thiết kế đô thị đòi hỏi phải hình dung, thể hiện được các giải pháp bằng những mô hình, sơ đồ, với những

hình khôi, tỷ lệ hài hoà ; *triết lý*, vì nó có mục đích tạo nên môi trường sinh hoạt vật chất và tinh thần thích hợp nhất cho con người.

Còn **kiến trúc và xây dựng** là hai khái niệm, hai công tác, hai ngành chuyên môn khác nhau như thế nào ? Đây cũng là một vấn đề quan trọng cần được xác định cho rõ ràng, minh bạch, để khỏi có sự chồng chéo, lẩn lộn.

Kiến trúc, cũng như qui hoạch, là một ngành chuyên môn vừa có tính chất khoa học-kỹ thuật, vừa có tính chất nghệ thuật, lại vừa gắn bó với triết học, v.v... Mục đích của nó cũng là tạo môi trường sinh hoạt tối ưu cho con người, song, phạm vi hoạt động của nó hẹp hơn, đồng thời cũng cụ thể hơn.

Trong khi qui hoạch vạch ra những hướng lớn, đề nghị ra cái khung pháp định tối thiểu cho việc tổ chức xây dựng môi trường đô thị, nông thôn (Sơ đồ qui hoạch tổng thể / *Plan directeur* ; Sơ đồ qui hoạch chi tiết / *Plan d'Occupation du Sol*, gọi tắt là *P.O.S.*, v.v...), trong khuôn khổ của Bộ luật chung của nhà nước, thì kiến trúc đi vào cụ thể hơn, đề nghị ra những phương án, giải pháp kiến trúc dựa vào những hướng lớn đó, để cuối cùng đi đến thực hiện các công trình và các không gian kiến trúc, với tiêu chuẩn *dẹp, bền, rẻ, tiện dụng*, v.v... Muốn vậy, người kiến trúc sư phải có một số tri thức cần thiết về khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật, cũng như về xã hội học, dân tộc học, v.v...

Nói chung, trong quá trình đào tạo của mình, người kiến trúc sư có thể có đầy đủ vốn liếng hiểu biết để tham gia thiết kế một phương án về qui hoạch, song về mặt kỹ thuật xây dựng, do không được cung cấp đủ những tri thức về khoa học chính xác để có thể tự tính toán lấy những kết cấu công trình, và những thiết bị kỹ thuật, người kiến trúc sư phải trông cậy vào sự hợp tác của các kỹ sư xây dựng, và kỹ sư thiết bị. Do đó, trong một công trình kiến trúc, người trách nhiệm phối hợp chung về mặt thực hiện, thông thường là người kiến trúc sư, đôi khi được sự hỗ trợ của một cơ quan chuyên môn có chức năng phối hợp, do chủ công trình chỉ định. Cũng như, về mặt thẩm mỹ, người kiến trúc sư là người duy nhất chịu trách nhiệm, song, về mặt kỹ thuật, kết cấu công trình, thiết bị, v.v... người kiến trúc sư và người kỹ sư xây dựng cùng chia sẻ trách nhiệm trước pháp luật (Đây là luật lệ ở Pháp từ một số năm nay).

Người kỹ sư xây dựng, trong quá trình đào tạo, tuy cũng được cung cấp một số khái niệm về qui hoạch, kiến trúc và mỹ thuật, song không đủ để cho phép họ lấy trách nhiệm về các mặt này.

Vậy khi ta nói **xây dựng**, là nói đến các khía cạnh kỹ thuật của công tác xây dựng, là nói đến độ bền vững của công trình, và các mặt thiết bị kỹ thuật khác. Nói đến xây dựng, cũng là nói đến tất cả những khía cạnh kinh tế của công trình, những giải pháp tối ưu về kết cấu, thi công, về sự lựa chọn vật liệu xây dựng, v.v...

Ở Pháp, ít nhất là trong nửa đầu của thế kỷ 20, đã có một sự chồng chéo nghiêm trọng giữa hai ngành này : nhiều kỹ sư cầu đường (thuộc đám gà nòi của " Corps des Ponts ") đã kiêm nhiệm cả những chức vụ của kiến trúc sư trưởng, hoặc của các nhà qui hoạch ! (Tình trạng này đến nay vẫn còn tiếp tục, ít ra trong các cơ quan chức năng của nhà nước).

Ngoài ra, và cũng may thay, cả hai ngành kiến trúc và xây dựng đều cùng hoạt động trong khuôn khổ khung pháp định của Sơ đồ qui hoạch chi tiết và các qui phạm về qui hoạch đô thị, kiến

trúc và xây dựng.

Do đó, vấn đề thứ hai, mà tôi cho là quan trọng trong công tác kiến thiết đô thị, là phải định rõ **trách nhiệm** của mỗi **cơ quan chức năng** về phía nhà nước, cũng như về phía các ngành chuyên môn.

Chẳng hạn như, về mặt qui hoạch, ai là người thiết kế, điều chỉnh các Sơ đồ qui hoạch, ai là người quản lý, kiểm tra sự áp dụng của nó, v.v..?

Về mặt kiến trúc, ai là người duyệt các phương án thiết kế (của tư nhân, cũng như của nhà nước), ai cấp phép xây dựng, và kiểm tra công trình khi hoàn thành, v.v..?

Về mặt kỹ thuật xây dựng, ai là người kiểm tra, giám sát các phương án kỹ thuật, các tính toán kết cấu, thiết bị, độ bền của vật liệu, v.v..? Ở đây, tuỳ theo tầm quan trọng của công trình, và sự thoả thuận giữa chủ công trình và kiến trúc sư, mà cân, hay không cần chỉ định một cơ quan giám định hoặc của nhà nước, hoặc của tư nhân, để làm nhiệm vụ này. Ngoài ra, còn có vấn đề bảo hiểm cho chủ công trình, cho kiến trúc sư, cho kỹ sư, cho các cơ quan giám định, v.v...

Vấn đề thứ ba, là vấn đề **đầu tư nghiên cứu**. Ở các nước đô thị phát triển từ hàng mấy thế kỷ nay, người ta vẫn luôn luôn phải đầu tư vào việc nghiên cứu các mô hình tối ưu về qui hoạch đô thị, cũng như các giải pháp tối ưu về kiến trúc, xây dựng, nhất là ở vào các thời kỳ tái thiết sau chiến tranh, như đã trình bày ở trên.

Chúng ta không có kinh nghiệm về qui hoạch đô thị (cũng như về kiến trúc đô thị), nên lại càng cần học hỏi kinh nghiệm của những nước đi trước, có những điều kiện lịch sử, kinh tế, xã hội, văn hoá, tương đối gần với mình. Điều này, tôi đã có dịp đề cập đến trong bài *Làm gì cho ngày mai ?* (ĐĐ số 45, 10-1995). Từ một ít năm nay, nhiều nước láng giềng của chúng ta ở khu vực Đông Nam Á đã có những đầu tư đáng kể vào qui hoạch và kiến trúc đô thị, và họ đã đạt được nhiều kết quả đáng chú ý.

Qui hoạch và kiến trúc đô thị tuỳ thuộc vào những định hướng về kinh tế, chính trị, văn hoá, giáo dục, khoa học, kỹ thuật, v.v... Do đó, nó tuỳ thuộc vào tâm nhìn, vào những quyết định có tính chất chiến lược của nhà nước. Song, cái khung pháp định tối thiểu cho công cuộc kiến thiết và cải tạo đô thị, nông thôn (Qui hoạch tổng thể và qui hoạch chi tiết), không thể nào không có ngay từ bây giờ, dù chỉ trên những nét chính..

Trong điều kiện ở nước ta, luật pháp về qui hoạch, cũng như các sơ đồ qui hoạch, cho đến nay, đều bị chậm trễ, trình độ khoa học kỹ thuật (ít nhất trong ngành xây dựng) còn tương đối thấp, vì thiếu thực tiễn, khâu tạo vốn và đầu tư vào xây dựng còn chưa mở mang, sự phát triển của xã hội chưa có định hướng rõ rệt, tôi cho rằng những mô hình *qui hoạch mở* cho các đô thị, là những mô hình dễ điều chỉnh và dễ thích nghi nhất với những đổi thay trong tương lai.

Đây cũng chính là một trong những vấn đề cần đầu tư nghiên cứu gấp, song song với việc nghiên cứu các *giải pháp kiến trúc* cho đô thị ngày mai.

Văn Ngọc

Chuyện phiếm

Thằng Cuội, Thằng Bờm, Thằng Mõ

Nguyễn Dư

L.T.S. : Bạn Nguyễn Dư nhân dịp Tết Kỷ Mão bàn chuyện phiếm về ba nhân vật Cuội, Bờm, Mõ.

Trong không khí vui vẻ ngày Tết, ông bạn thừa hứng đề nghị một số giả thuyết khá “táo bạo” về nguồn gốc các từ này.

Điển Đàn mong được bạn đọc gần xa góp ý về những vấn đề ông bạn Nguyễn Dư nêu lên trong tinh thần chung vui nhộn ngày đầu xuân.

X uân về, Tết đến mà không có pháo kêu dào nở, lại thiếu cả bánh chưng, dưa hành thì thật là nhạt nhẽo, mất hết cả ý nghĩa trang nghiêm, ấm cúng.

Thôi đành nâng chén trà, hướng về quê hương. Hết tuần trà, mời các bạn cùng đi xông đất, chúc Tết ba “thằng” nổi tiếng của làng xóm Việt Nam, mà mọi người, sống ở đâu cũng đã có dịp làm quen qua sách vở, ca dao, câu vè, giọng hát. Đó là thằng Cuội, thằng Bờm và thằng Mõ. Nói đến tên ba nhân vật này thì ai cũng biết, nhưng hỏi đến gốc gác, quê quán của chúng thì chưa chắc tất cả mọi người đều hay.

Mời các bạn cùng đi tìm hiểu sự của thằng Cuội, thằng Bờm và thằng Mõ.

Thằng Cuội

Từ bé, chúng ta thường nghe ca hát :

Thằng Cuội ngồi gốc cây đa,
Để trâu ăn lúa, gọi cha ơi ơi.
Cha còn cắt cỏ trên trời,
Mẹ còn cưỡi ngựa đi mời quan viên.
Ông thời cầm bút cầm nghiên,
Ông thời cầm tiên đi chuộc lá đa.

Rằm tháng tám, năm nào cũng nghe giọng ca nhi đồng hồn nhiên, tươi thắm :

Bóng trăng trăng ngà
Có cây đa to
Có thằng Cuội già
Ôm một mồi mơ...

Dù Cuội có sống già vẫn còn bị gọi là thằng. Người ta khinh thường Cuội quá. Chắc tại Cuội có tật hay nói dối. Tuy vậy cũng có người nổi ghen thấy Cuội được sống gần Hằng Nga. Chả thế mà Tân Đà nổi cơn ngông “Muốn làm thằng Cuội” :

Đêm thu buồn lầm chị Hằng ơi
Trần thế em nay chán nửa rồi
Cung qué đã ai ngồi đó chửa
Cành đa xin chị nhắc lên chơi
Có bầu có bạn can chi tủi
Cùng gió cùng mây thế mới vui
Rồi cứ mỗi năm rằm tháng tám
Tụa nhau trông xuống thế gian cười

Cuội là ai ?

Các tự điển đều giải thích rằng Cuội là một nhân vật, có sách ghi là một đứa bé con của chuyện cổ tích, ngồi dưới gốc



Mõ làng (Mộc đặc xã trung)
(thuộc bộ sưu tập Ogier)

cây da trên mặt trăng.

Tại sao Cuội đang sống đằng sau luỹ tre làng lại tự dung bay bồng lên tận mặt trăng, sống với chị Hằng như vậy ?

Chuyện kể rằng :

Một hôm Cuội vào đồn cùi trong rừng gặp một ổ hổ con. Cuội lấy rìu đập chết. Chợt có tiếng hổ mẹ rống ở đằng xa, Cuội sợ quá leo tót lên một cây ngô nấp. Hổ mẹ lồng lộng quanh đám hổ con, rồi bỏ đi về phía bờ suối. Cuội tụt xuống theo rình. Hổ mẹ đến cạnh một cây con, đớp ít lá, mang về nhai nát, rít cho hổ con. Chỉ một lá hổ con tỉnh lại. Mẹ con hổ bỏ khu rừng đi chỗ khác.

Cuội ra bờ suối đào cây con mang về trồng trong vườn. Từ đó Cuội có món thuốc cải từ hoàn sinh, cứu mọi người. Cuội rất quý cây thuốc, ngày nào cũng dặn vợ phải chăm sóc nó. Cuội cấm vợ không được đái vào gốc cây vì cây sẽ đông lên trời. Nghe dặn nhiều lần, vợ Cuội phát cáu. Đã vậy thì cứ đái xem chuyện gì xảy ra ?

Vợ Cuội vừa đái vào gốc cây xong thì cây bỗng rung động, tróc gốc bay lên trời. Đúng lúc Cuội ở rừng về, chỉ kịp bám rễ cây níu lại. Nhưng cây cứ bay lên, kéo Cuội tới tận mặt trăng.

Từ đó đến giờ Cuội vẫn còn ngồi ở gốc cây, sống bên cạnh chị Hằng.

Ý nghĩa câu chuyện thật là hóm hỉnh. Cuội là đứa chuyên nói dối, lừa người khác. Lần nào cũng dùng mèo đắc thắng dám cường hào, phú hộ. Đến khi Cuội muốn hoàn lương, ra tay cứu đời, thì lại bị thất bại. Cuội thay đổi bản chất nhưng cuộc đời xung quanh thì không thay đổi. Cuội phải đi sang một thế giới khác tìm đất sống.

Mỗi đêm sáng trăng, từ trời cao Cuội ngao man ngó đám đàn em của mình đang khua môi múa mép, tung hoành nơi quê hương xa vời với. (Theo Nghiêm Toản, Việt Nam văn học sử trích yếu, Khai Trí, Sài Gòn, 1968).

Cuội có mặt ở Việt Nam từ lúc nào ? Chắc là có dã từ lâu. Đại Nam quắc âm tự vị của Huỳnh Tịnh Của (1895-1896) đã nói đến Cuội. Tên Cuội từ đâu ra ?

Lê Ngọc Trụ (Tâm nguyên tự điển Việt Nam, nxb TP Hồ Chí Minh, 1993) cho rằng chữ Cuội có gốc Hán Việt là chữ “ Quái ”. Chữ Quái (Thiều Chửu) hoặc quẩy (Đào Duy Anh) có nghĩa là lừa dối, dụ dỗ người khác mua hàng, bắt con nít đem bán (mẹ mìn).

Trong dân gian có chuyên thằng Quái và thần mặt trăng :

“ Mặt trăng tính nóng này, lại hay xà xuống gần dòm ngó hạ giới làm cho dân chúng khổn khổ vì nóng bức. Bấy giờ có thằng Quái định tâm cho thần một vố. Nó ném cát trèo lên cây cao ngõi đợi. Lúc mặt trăng xà xuống, nó ném cát túi bụi vào mặt thần. Mặt trăng từ đó bị cát làm mờ đi và cũng từ đó thần không dám xuống gần hạ giới, cho nên ở hạ giới đỡ nóng bức ” (Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên, Văn học dân gian tập 2, nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1973).

Thằng Quái chống lại thần mặt trăng, trong khi thằng Cuội thì lại bay bồng lên sống trên mặt trăng. Nội dung hai chuyện mâu thuẫn nhau. Hay là thằng Quái và thằng Cuội chỉ là hai anh em họ của dòng họ nói dối chứ không phải là cùng một

nhân vật ?

Để giải quyết mâu thuẫn, tôi cho rằng chữ Cuội còn có thể là do chữ Hán Việt “ Cuống ” mà ra. Cuống nghĩa là nói dối, lừa dối (Thiều Chửu, Đào Duy Anh).

Cũng nên nói thêm rằng thằng Cuội không dính dáng gì với hòn cuội (sỏi đá) của tiếng Việt.

Mãi đến năm 1937, *tự điển Việt - Hoa - Pháp* của Gustave Hue vẫn chưa có chữ cuội nghĩa là sỏi đá. Năm 1940 nhà xuất bản Tân Dân cho in “ *Vang bóng một thời* ” của Nguyễn Tuân, trong đó có truyện ngắn *Hương Cuội*, kể chuyện làm kẹo mạch nha bọc cuội. Chữ cuội (tiếng Pháp là galet, calcul chính thức có mặt trong *Dictionnaire vietnamien - chinois - français* của Eugène Gouin (IDEO, Sài Gòn, 1957). Kể từ năm 1957 Đào Đăng Vỹ (Việt Pháp từ điển, Nguyễn Trung, Sài Gòn, 1961) dịch chữ cuội là caillou, galet.

Phải chăng chữ cuội (sỏi đá) đã đến từ chữ calcul hoặc caillou của tiếng Pháp ? Và kẹo cuội của Nguyễn Tuân đã được gọi ý từ kẹo cuội (dragée của Pháp) ?

Ngày nay, sỏi và cuội được định nghĩa là “ đá nhỏ tròn và nhẵn, thường ở lòng sông, lòng suối ” và cuội là hòn sỏi lớn, sạn là hòn sỏi nhỏ (Từ điển tiếng Việt, Văn Tân chủ biên, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977).

Về kích thước hòn cuội, hòn sỏi Từ điển tiếng Việt (Hoàng Phê chủ biên, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1988) mô tả gần giống Larousse (cuội : 1 - 10 cm, sỏi : 2 - 10 mm).

Thằng Bờm

Thằng Bờm có cái quạt mo

Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.

Bờm rằng : Bờm chẳng lấy trâu,

Phú ông xin đổi ao sâu cá mè,

Bờm rằng : Bờm chẳng lấy mè,

Phú ông xin đổi ba bè gỗ lim.

Bờm rằng : Bờm chẳng lấy lim,

Phú ông xin đổi con chim đồi mồi.

Bờm rằng : Bờm chẳng lấy mồi,

Phú ông xin đổi nấm xôi, Bờm cười.

Nhiều người nghĩ rằng bờm là cái bờm tóc. Thằng Bờm là đứa bé con để bờm.

Chữ bờm được Văn Tân định nghĩa là :

- hàng lông dài mọc trên cổ một vài giống thú

- chỏm tóc để dài, che thóp trẻ con

- nói trẻ con cὸn bụ sữa.

Ngày xưa, trẻ con để chỏm tóc trên đỉnh đầu hoặc hai bên đầu đến khoảng 5, 6 tuổi thì bắt đầu để tóc dài. Bé hơn, chỉ độ 2, 3 tuổi thì để chỏm tóc che thóp ngừa va chạm và tránh gió. Như vậy thì thằng Bờm còn là một đứa bé con cὸn bụ sữa, còn để chỏm che thóp. Đứa bé độ 2, 3 tuổi. Lớn hơn nữa thì ta thường gọi là bụ bẫm thay cho bụ sữa.

Một đứa bé mới 2, 3 tuổi thì chắc là chưa hiểu biết gì về giá trị của ba bò chín trâu, của ao sâu cá mè, của bè gỗ lim, v.v... Chẳng lẽ lối đời như phú ông lại mất thì giờ làm chuyện vô

ích như vậy ?

Bài ca dao chỉ tượng trưng cho một cuộc phỉnh gạt, dụ dỗ trẻ con thôi à ? Hay là nó muốn nhấn mạnh, nhắc đi nhắc lại sự đối đầu giữa phú ông và thằng Bờm ?

Trong xã hội xưa, phú ông đại diện một giai cấp, giai cấp địa chủ giàu có của thôn quê. Đối đầu với giai cấp này, bài ca dao đưa ra thằng Bờm đại diện cho giai cấp nông dân nghèo khổ. Không phải ngẫu nhiên mà Vũ Ngọc Phan (**Tục ngữ, ca dao, dân ca Việt Nam**, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978) đã xếp bài Thằng Bờm vào đề tài “Những mâu thuẫn trong sinh hoạt giữa nông dân và địa chủ”. Thằng Bờm là một người nghèo, một nông dân phải đối đầu với một người giàu, một địa chủ. Thằng Bờm không phải là một đứa bé bụ sữa, còn để chòm che thóp.

Người nông dân nghèo thấu hiểu lòng dạ của phú ông. “Máy đùi bánh đúc có xương, máy đùi trọc phú có thương dân nghèo”. Họ không tin rằng phú ông rộng lượng đến độ mang cả của cải kinh xù, quý giá ra đánh đổi lấy một cái quạt mo tầm thường. Đằng sau những lời cám dỗ, thế nào chả có cạm bẫy. Vì thế mà Bờm khăng khăng không chịu.

Bờm có đầu óc thực tế, chất phác. Không để người lừa mình và mình cũng không có ý lừa người khác. Mà làm sao lừa được phú ông, làm sao “ăn” được phú ông. Tốt nhất là “thuận mua vừa bán”. Vả lại anh nông dân nghèo nào mà chả thích được ăn no bụng. Giá trị cái quạt mo cũng chỉ xấp xỉ, tương đương với nắm xôi thôi.

Thế là “thằng nghèo” bằng lòng đánh đổi cái quạt mo lấy nắm xôi của phú ông.

Thằng Bờm, xét về gia cảnh, có họ xa gần với Thằng Bần trong câu ca dao

Còn bạc là bác thằng bần

Cửa nhà bán hết đưa chân vào cùm.

Bờm là chữ nôm của chữ hán việt “Bần”, nghĩa là nghèo. Có nhiều thành ngữ nói đến phú và bần, giàu và nghèo :

- Phú bất nhân, bần bất nghĩa
- Phú quý sinh lê nghĩa, bần cùng sinh đạo tắc
- Phú quý da nhân hội, bần cùng thân thích ly

(Giàu sang nhiều kẻ tới nhà, khó khăn nên nỗi ruột già xa nhau).

Thằng Mõ

Thằng Mõ có mặt ở nông thôn Việt Nam không biết từ bao giờ. Nhưng chắc chắn là đã từ lâu. Vua Lê Thánh Tông đã làm thơ nôm vịnh thằng Mõ.

*Góm thay lón tiếng lại dài hơi
Làng nước ưng bầu chẳng phải chơi
Mộc đạc vang lừng trong bốn cõi
Kim thanh rền rĩ khắp đồi nơi
Đâu đâu đầy đầy đều nghe lệnh
Xã xã dân dân phải cứ lời
Trên dưới quyền hành tay cái đặt
Một mình một cõi thoả lòng xơi*

Lời lẽ có vẻ kính trọng, ngược hẳn với địa vị của Mõ trong xã hội xưa. Mõ là một nhân vật không thể thiếu trong tổ chức làng xã.

“Dưới bọn tuấn dinh, làng nào cũng có một người làm nô lệ chung cho cả hàng xã gọi là đạc phu.

Khi nào trong làng có việc gì thì tên đạc phu phải đi mời mọc cả làng ra đình họp. Hoặc có việc gì lí dịch báo cáo cho làng biết thì đạc phu gõ mõ đi rao suốt các ngõ. Nhà tư gia ai có việc hiếu hỉ hoặc có việc giỗ kị muốn mời làng thì cũng sai đạc phu đi mời.

(...) Đạc phu là một kẻ đê tiện hơn hết các loài người, chỉ những kẻ khốn khổ mới đi nơi xa khuất chịu làm nghề ấy mà thôi. Mà ai đã nhớ phải bước ấy thì con cháu về sau, muốn làm nghề gì mặc lòng, cũng không rửa được tiếng xấu.”

(Phan Kế Bính, **Việt Nam phong tục**, nxb Tổng hợp Đồng Tháp, 1990)

Mõ gần gũi mọi người, đáng lẽ phải được mọi người đối xử tử tế, thân mật, nhưng không hiểu tại sao mõ lại bị khinh bỉ, chà đạp. Mõ bị coi là nhân vật thấp nhât trong xã hội, chỉ có quyền cùi dâu để mọi người sai bảo.

Có lẽ chính sự bất công và thiêu đạo đức của xã hội đã khơi dậy sự phản kháng của giới văn nghệ sĩ. Nhiều tác giả bênh vực mõ, tạo ra những tình huống bất ngờ để cho mõ đóng vai trò gõ rối cho đám chức sắc trong làng.

Mọi người còn nhớ thằng Mõ của Ngô Tất Tố có tài băm thịt gà, xứng đáng với danh hiệu nghệ sĩ. Chỉ có thằng Mõ mới gánh nổi trách nhiệm chia phần công bằng cho cả làng. Một con gà “một người ăn cổ mới hết”, được Mõ chặt ra chia làm 23 cổ, 83 suất. Không có “thiên tài” băm gà của Mõ, làng nước sẽ khó tránh được những cuộc cãi nhau, tranh giành, thậm chí hại ngầm nhau.

Nhưng có lẽ giỏi nhất, thông minh nhất trong làng Mõ, thì phải gắn huy chương vàng cho thằng Mõ làng Cổ Nhuế của Hồ Hữu Tường (tôi được đọc cuốn Phi Lạc sang Tàu của Hồ Hữu Tường vào khoảng đầu thập niên 60, rất tiếc không nhớ tên nhà xuất bản). Thằng Mõ được ông tiên chỉ của làng mời làm cố vấn, giải quyết tất cả những chuyện rắc rối điên đầu. Mõ được sứ Tàu bái phục sát đất.

Nam Cao cũng đưa ra một thằng Mõ, vốn hiền lành lương thiện nhưng bị xã hội làm cho xấu đi.

Tên mõ từ đâu ra ?

Cho tới đầu thế kỷ 20, thằng Mõ còn mang tên là mộc đạc, rồi đạc phu.

Mộc đạc nguyên nghĩa là cái chuông bằng đồng, có quả lắc bằng gỗ. Ngày xưa dùng “mộc đạc” để đánh hiệu vào học. Do đó người ta gọi thầy học là mộc đạc (Đào Duy Anh), hoặc đạc tư (Thiệu Chửu), thầy giảng đạo gọi là đạc đức (Huỳnh Tịnh Của).

Ta có thể suy ra rằng ngày xưa mõ làng còn dùng chuông, trước khi dùng mõ.

Đầu thế kỷ 20, trong sách vở chư có tên thằng Mõ. Ngược lại chữ mõ (chuông mõ) đã có mặt và được định nghĩa là đồ dùng làm hiệu lệnh, bằng bộng cây hay bộng tre. Chuông mõ

là tiếng gọi chung đồ dùng của thầy chùa (Huỳnh Tịnh Của).

Cái mõ xuất hiện trước thằng Mõ. Nhưng có thể nào cho rằng gọi là thằng Mõ vì nó gõ mõ hay không ? Chắc chắn là không vì chẳng có ai dám gọi nhà sư là thằng mõ.

Muốn tìm nguồn gốc chữ Mõ chúng ta hãy tìm hiểu chính thằng Mõ.

Phần đông mõ làng là những người tha phương cầu thực, từ chỗ khác tới làng kiếm ăn. Bị mọi người khinh rẻ. Làng xã chẳng cần biết và cũng không cần tra hỏi lai lịch, tên tuổi. Chỉ cần nói thằng mõ, ai cũng biết nhân vật được nói tới.

Sách vở xưa dùng chữ “ mõ ” để gọi những người không biết tên. Chữ mõ là đại danh từ không chỉ rõ cái gì, người nào, được dùng khá phổ biến.

Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án (*Tang thương ngẫu lục*, bản dịch của Đạm Nguyên, Sài Gòn, 1962), đưa ra một loạt các ông bà Mõ : ông liệt sĩ Mõ (họ tên chưa thể tra xét được), bà mẹ phu nhân Mõ. Thầy địa lý Tả Ao là ông Mõ, người làng Tả Ao, huyện Nghi Xuân (Hà Tĩnh). Ông thượng thư Nguyễn Văn Giai thuở nhỏ học ông Thái học sinh Mõ, v.v..

Có thể cho rằng chữ Mõ, chỉ một người không tên tuổi, là từ chữ Mõ mà ra.

Xét về chức năng thì công việc của Mõ là mời làng đi họp và báo tin của làng đến mọi nhà.

Mời ai, tìm ai, tiếng hán việt là “ Mộ ”. Chữ mõ có thể được chuyển qua chữ nôm thành mõ.

Mõ là người đi mồi (mộ) làng nước. Về sau các đồ vật được mõ dùng, hoặc các đồ vật được dùng để làm hiệu lệnh, để rao gọi, đều được gọi là mõ. Ở điểm làng có cái mõ cá làm bằng đá tạc hình con cá. Tấm sắt cầm canh (chữ hán việt là thác) cũng được gọi là mõ canh. Nhà sư lúc tụng niệm chú tâm dùng mõ làm hiệu lệnh, giữ nhịp.

Bài thơ *Thác thi* (vịnh cái mõ) của Nguyễn Bỉnh Khiêm có câu :

Điêu đầu thiên cao dạ chuyển canh

được dịch là :

Trời cao, tiu keng, đêm dời canh

và chú thích rằng “ *Điêu là cái keng (xưa gọi là cái tiu), đầu là cái đầu dùng trong quân đội để đong gạo nhưng cũng dùng để gõ làm hiệu lệnh. Điêu và đầu đều dùng như keng và mõ trong quân đội* ” (Thơ văn Nguyễn Bỉnh Khiêm, nxb Văn học, Hà Nội, 1983).

Tóm lại, thằng Mõ, người đi mồi mọi người trong làng, là do chữ mõ (mồi) hoặc chữ mõ (không tên tuổi) mà ra. Và đồ nghề của mõ thì được gọi là cái mõ. Cái mõ có thể được làm bằng gỗ, bằng tre, bằng gạch đã hay bằng sắt.

Nguyễn Dư
Tết Kỷ Mão (2/99)

Bình thơ

Nhân kỷ niệm 220 năm ngày sinh Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858), báo **Kiến Thức Ngày Nay** (số 20-12-98) có đăng bài của nhà bình thơ Trần Mạnh Hảo, tựa đề :

Nguyễn Công Trứ - Ngất ngưởng hồn thông reo - Trương 12 có đoạn :

“ Ông (Nguyễn Công Trứ) muộn cây vông mà nói nỗi tím ruột bầm gan bằng hai câu thơ rất hay : “ Tuổi tác càng già càng (già) xốp xáp / Ruột gan không có có gai chông.” Có lẽ ông đã móc ruột gan mình tặng trăng gió, tặng tình nhân hết nên chỉ còn toàn xốp xáp ruột vông, toàn có gai cùng chông tua tua, nhức nhối cả hồn thơ, nhức nhối cả hậu thế đọc thơ ông nữa.” (sic).

Cái “ hồn thơ ” thì Trần quân đã tóm hết rồi. Kẻ này xin nói vài lời về cái “ xác thơ ” : Theo ngụ ý thì bài thơ *Vịnh Cây Vông* không nói gì về tác giả mà chỉ nhằm châm biếm vị đại thần : quyền cao chức trọng nhưng ác (hai câu thực) và bất tài (hai câu luận). Giai thoại này rất thú vị. Xin tóm tắt :

Một vị đại thần trong triều có con thi đỗ, mở tiệc ăn mừng. Các cụ lớn ăn uống no say rồi thách nhau làm thơ vịnh cây vông đang trổ hoa trước sân : ý muốn ví cây trổ hoa với cậu ấm tân khoa để nịnh chủ nhà. Các cụ chưa ai nghĩ được câu nào thì Nguyễn Công Trứ ứng khẩu đọc ngay một bài hay tuyệt :

Biển nam khởi tử chảng vun trông,
Cao lớn làm chi những thứ vông !
Tuổi tác càng già, già xốp xáp,
Ruột gan không có, có gai chông !
Ra tài lương đồng không nén mặt
Dựa chốn phiền ly chút đỡ lòng.
Đã biết nòi nào thì giống nấy
Khen cho rứa cũng trổ ra bông !

Chủ nhà cũng như các quan khách, không ai hoạ nỗi bài thơ. Hà Tôn Quyền, một vị quan trong nội cung có tiếng hay chữ, muốn phản công cho chủ nhà bèn nói : “ Thơ ngài hay lắm, chúng tôi không dám xướng hoạ với ngài. Tôi có câu đối ở chữ sách, đố ngài đối được. Nhưng câu trong sách lại có một chữ trùng với mỹ tự của ngài, tôi xin được phép kiêng tên. ”

Nguyễn Công Trứ : Xin quan lớn cho nghe.

Hà Tôn Quyền : Thưa câu thế này : *Quân tử ố kỳ văn chi... quý ngài.*

(Câu trong sách là : *Quân tử ố kỳ văn chi trứ*. Nghĩa là người quân tử ghét cái loè loẹt. Nhưng cũng có thể hiểu là người quân tử ghét văn Nguyễn Công Trứ.)

Nhờ thuộc sách và có tài ứng đối mau, Nguyễn Công Trứ đáp lại :

Thưa quan lớn, câu ra khó quá ! Mà quan lớn lại có mỹ ý không gọi tệ danh ra. Tôi cũng xin theo phép tắc ấy mà đối lại : *Thánh nhân bất đắc dĩ dụng... quan lớn.*

(Câu trong sách là : *Thánh nhân bất đắc dĩ dụng quyền*. Nghĩa là thánh nhân chỉ theo chính đạo, bất đắc dĩ lắm mới phải dùng quyền biến. Nhưng ở đây cũng có nghĩa là : Vua bất đắc dĩ mới phải dùng Hà Tôn Quyền làm thượng thư, chứ chả may có tài nồng giù đâu).

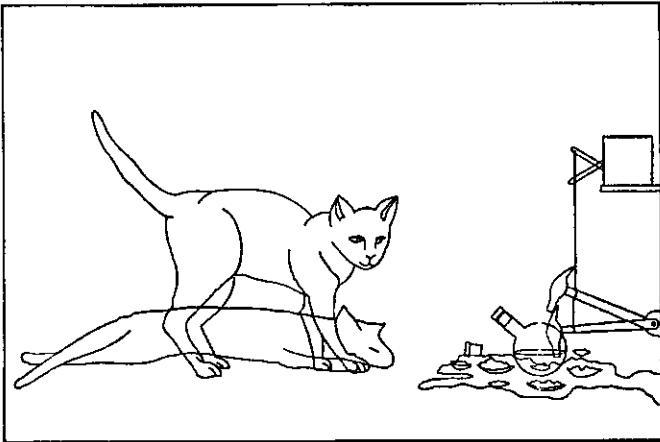
Có người nói đọc thơ để cảm chử không phải để hiểu. Có lẽ đúng ?

Paris, ngày 01-02- 1999

Nguyễn Hữu Thành

Con mèo của Schrödinger

Hàn thuỷ



Nhân năm nay là năm con mèo, không thể không hâm mộ chuyện độc giả về một con mèo kỳ quái. Cái giống mèo vốn dĩ là kỳ quái rồi, vì như mọi người đều biết, nó chính là giống... thối, thế mà con mèo của Schrödinger còn kỳ quái hơn nhiều. Nhưng trước tiên xin giải quyết một vấn đề thuật ngữ: vì trong cơ học lượng tử, một thực thể khi là hạt khi là sóng cho nên ở đây sẽ dùng chữ 'lượng tử' 'trống tron đê nói về 'nó', còn khi cần thì viết 'hạt lượng tử' hay 'sóng lượng tử' khi 'nó' được biểu diễn dưới dạng hạt hay sóng.

Trở lại con mèo, câu chuyện là thế này: bắt một con mèo, bỏ trong một cái hộp lớn, đóng kín lại. Trong hộp còn có một cái máy, hoạt động như sau :

1. Trong máy có một chất phóng xạ, chúng ta biết rằng chất phóng xạ phát ra những lượng tử một cách hoàn toàn ngẫu nhiên, người ta chỉ biết sau một thời gian t thì xác suất (lượng tử đã bắn ra hay không bắn ra) là bao nhiêu, chứ không có cách nào suy đoán đích xác lượng tử đã được bắn ra hay không ở trong hộp kín. Thí dụ nói sau T giây thì xác suất là một nửa có nghĩa qua N lần đợi thì vào khoảng $N/2$ lần hạt được bắn ra trước T giây.
2. Nếu phóng xạ được bắn ra, thì một bộ phận khuyếch đại sẽ kéo một cái bẫy, bẫy làm cho một cái búa ở trên cao rơi xuống (mọi chuyện đều xảy ra trong hộp kín). Nếu không có phóng xạ thì búa không rơi. Để đơn giản vấn đề ta có thể giả dụ rằng sau T giây thì hoặc cái bẫy không hoạt động nữa, hoặc không còn phóng xạ, hoặc phóng xạ không bắn vào bẫy nữa.
3. Khi búa rơi sẽ đập vỡ một lọ thuỷ tinh chứa khí độc. Mèo hít phải khí độc sẽ chết ngay.
4. Sau khi nhốt mèo trong hộp, nhà vật lý đợi sau T giây, rồi đặt câu hỏi: Bây giờ mèo trong hộp sống hay là chết?

Câu chuyện con mèo của Schrödinger chỉ có thể, thế mà đã làm tốn biết bao nhiêu giấy mực, thời gian suy nghĩ, tranh luận của những bộ óc xuất chúng nhất về vật lý học. Tới nỗi có những người như bác học Hawking, đã nổi sùng : "ai nói tôi con mèo của Schrödinger thì tôi rút súng ra liền!". Vì đây là một "thí nghiệm bằng tư duy", theo một truyền thống của các nhà vật lý học, nhằm tập trung trong một điển hình những câu hỏi gay gắt, cơ bản nhất. Và như chúng ta sẽ thấy, nó đưa tới những thái độ triết học khác nhau trên nhiều chủ đề cơ bản: bản thể luận, hiện tượng luận... Dĩ nhiên người viết không thể "đánh trống qua cửa nhà sẩm" mà giải quyết dứt điểm vấn đề, một khi mà các nhà bác học danh tiếng nhất vẫn chưa đồng ý trên những hậu quả của cơ học lượng tử trên tri thức luận. Bài viết nhỏ này chỉ có tham vọng trình bày vấn đề, và sau đó thông tin về những lập trường khác nhau.

Theo như suy nghĩ thông thường thì câu trả lời thật giản dị: mèo hoặc sống, hoặc chết, tuỳ theo đã có hay chưa có phóng xạ.

Thế mà, hình như, theo kinh điển của vật lý học lượng tử, phải nói: mèo nửa sống, nửa chết. Nghĩa là ở trong một trạng thái kinh dị, không sống, mà cũng không chết; nói cách khác, vừa sống, vừa chết. Sống hay chết, phải tới lúc mở hộp ra xem, mới xảy ra.

Chuyện không thể tin, và Schrödinger cũng không tin. Vấn đề ông đặt ra thời ấy là một sự khiêu khích trí tuệ tới nay chưa có giải quyết ổn thỏa, tuy rằng đã có nhiều tiến bộ chứ không phải dãm chân tại chỗ. Nhưng câu trả lời theo kinh điển lại thích hợp và đúng trong kích thước vi mô của vật lý lượng tử. Thay vì nói con mèo, nếu nói tới một hạt cơ bản, thí dụ như electron, điện tử, các nhà vật lý học sẵn sàng chấp nhận trạng thái nửa nọ nửa kia, hay là nửa doi nửa chuột đổ. Muốn biết tại sao, không thể không làm thí nghiệm.

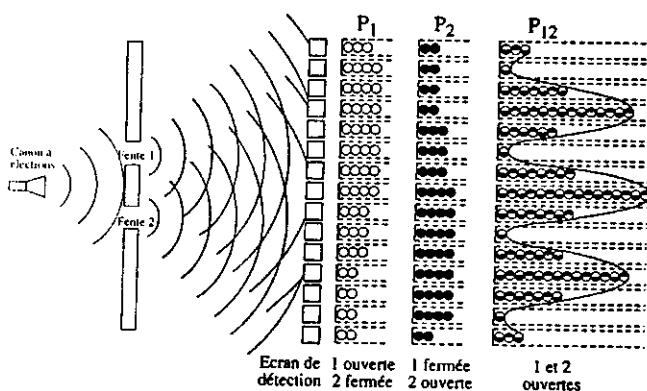
Thí nghiệm Young cải biên

Chúng ta đều nhớ thí nghiệm Young đã học thời trung học, một thí nghiệm ai cũng có thể thực hiện được sau vài phút chuẩn bị, và đã được coi là xác định không thể chối cãi bản chất sóng của ánh sáng. Ở giữa một nguồn ánh sáng và một màn ảnh người ta đặt một màn che kín, chỉ trừ hai khe mỏng gần nhau và song song. Trên màn ảnh tức thì hiện ra những lằn tối sáng đan nhau gọi là **lằn giao thoa**. Người ta lý luận rằng nếu ánh sáng là hạt thì không thể có hiện tượng giao thoa như vậy.

Xảy đến khi cơ học lượng tử ra đời. Người đầu tiên nói rằng các hạt điện tử cũng có thể giao thoa là Louis de Broglie, và sau đó thí nghiệm đã chứng minh là ông có lý. Tuy thực hiện phức tạp hơn nhưng về cơ bản ta coi như cũng có thể làm một thí nghiệm Young bằng cách bắn một chùm điện tử qua hai khe hở lên một màn ảnh tivi (trong mỗi máy thu Tivi đều dùng một 'súng phát điện tử' để bắn vào một màn kính có bôi chất phosphore, chất này khi bị điện tử kích thích sẽ phát sáng). Vậy điện tử cũng là sóng?

Cuộc đời ly kỳ hơn thế. Nay giờ ta có thể cải biến thí nghiệm Young một bước nữa bằng cách phát ra **từng hạt điện tử** một qua hai khe hở. Đúng là hạt, vì mỗi lần trên màn Tivi rõ ràng hiện ra một chấm rất nhỏ, và chỉ một chấm nhỏ mà thôi. Tuy rằng chấm sáng đó trên màn phosphore không sống lâu, nhưng để dễ nói chuyện ta có thể ví dụ là nó được giữ thường trực (nếu cần thì mỗi lần ta chép tọa độ của chấm sáng rồi vẽ lại

trên giấy). Ta tiếp tục bắn, vẫn từng hạt một, vài trăm lần. Thí nghiệm này và thí nghiệm kế tiếp được minh họa trong hình vẽ sau (*):



Thí nghiệm bắn điện tử qua hai khe : cột một (vòng tròn trắng) là phân bố xác xuất khi mở riêng khe trên. Cột hai tương ứng với khe dưới (vòng tròn đen). Cột ba là kết quả khi mở cả hai khe (vòng tròn nửa đen nửa trắng).

Theo bạn, chuyện gì sẽ xảy ra ?

Vâng, bạn đoán đúng đó, bây giờ trên màn ảnh đã hiện ra những lằn giao thoa. Những vùng thật sáng là những vùng có nhiều hạt điện tử bắn vào và những vùng thật tối thì không có điện tử bắn vào, và độ sáng biến đổi liên tục từ vùng nọ tới vùng kia. Nói một cách thông thái thì khi hạt điện tử được bắn qua hai khe tới màn ảnh, có xác xuất lớn là nó xuất hiện tại các vùng sáng, vì thế sau vài trăm hạt các vùng ấy thu được nhiều chấm sáng hơn. Thế thì điện tử cơ bản là hạt ? và sóng chỉ là sự phân bố các hạt theo một xác xuất nào đó trong không gian ?

Nói vậy gần đúng, *nhưng dzậy mà chưa phải dzậy !* Bây giờ mời bạn xả hơi thoải mái, uống một ngụm rượu, hút một hơi thuốc lá, vân vân, trước khi chúng ta bước vào thế giới quái đản của cơ học lượng tử, nơi mà lý trí nếu không cảnh giác có khả năng bị thiêu đốt như chổi.

1. Nếu bảo điện tử (hay nói chung các lượng tử) cơ bản là hạt, được phân bố trong không gian, thì có nghĩa mỗi lúc nó có một vị trí nhất định, tuy rằng ở phạm vi vi mô ta không thể biết đích xác các vị trí ấy, mà chỉ biết theo một xác xuất nào đó mà thôi. Vâng, nếu bảo thế thì phải nhận rằng mỗi hạt lượng tử khi bắn qua hai khe hở sẽ xuyên qua một trong hai khe, tuy rằng ta không cần biết là khe nào. Phải không ạ.

2. Nếu thế thì ta tiếp tục thử, bằng cách che bớt một khe, bắn vài trăm hạt. Ta sẽ thấy trên màn ảnh chỉ có một vùng rất sáng ở chỗ thẳng đường với súng phát điện tử, và chung quanh mờ dần. Bây giờ ta mở khe đã đóng và đóng khe đã mở, bắn thêm vài trăm hạt. Lý ra thì phải giống như thí nghiệm lúc đầu, vì tổng cộng lại đã có một nửa lượng tử chui qua một khe, và một nửa chui qua khe kia. Nhưng không ! Cộng hai vùng sáng lại chỉ là hai vùng sáng và chung quanh mờ dần, không có giao thoa.

3. So sánh hai thí nghiệm ta còn thấy một sự nhức đầu nữa : có những vùng trên màn ảnh khi mở từng khe một thì sáng, mà khi mở cả hai khe thì lại tối hoàn toàn, ở những vùng ấy, thêm đường đi mà lại thành ra cấm đến. (*Lời bàn của người đánh*

máy : nếu những nhà đọc tài học được cách làm này thì quả là một phương pháp kiểm duyệt tuyệt hảo !)

4. Từ đó phải nhận rằng từng lượng tử một đã là sóng, từng lượng tử một xuyên qua cả hai khe, và trong từng lượng tử một đã mang khả năng giao thoa. Thật đúng là ... tiếng vỗ tay của một bàn tay.

5. Thế nhưng trên màn ảnh thì sóng đã thành hạt ! Các nhà vật lý kết luận rằng lượng tử là cái gì không biết, nhưng có thể được biểu diễn dưới dạng sóng **khi người ta không tác động tới nó**, còn khi đã tác động tới nó bằng một dụng cụ đo lường nào đó (hiểu theo nghĩa rộng, màn ảnh trong thí nghiệm trên là một dụng cụ đo lường), thì nó lại biến thành hạt, tức là đã có một sự ‘giảm thiểu hình thức sóng’ (réduction du paquet d’onde) sau đây xin nói gọn là ‘giảm sóng’. Và sự giảm sóng này tuân theo những quy luật phân bố xác xuất nhất định.

Tại sao, khi nào thì xảy ra sự giảm sóng ? đây chính là cốt lõi vấn đề.

Phương trình sóng của Schrodinger

Theo sự biết rất giới hạn của người viết bài này (không dám nói là ‘sự hiểu biết’ như thông thường, vì chính một võ lâm minh chủ trong ngành vật lý học là Richard Feynman đã từng thốt ra : “*không ai có thể hiểu được cơ học lượng tử*”) thì có thể nói những điều sau, mà không quá sai lầm :

1. Cả vũ trụ chung quanh chúng ta gồm các lượng tử, tất cả mọi thứ, sinh vật hay những vật vô tri vô giác đều là một tập hợp các lượng tử.

2. Các lượng tử biến chuyển, sống và chết trong không thời gian (espace-temps) mô tả trong thuyết tương đối. Chúng được chia làm nhiều thứ, thí dụ như hạt sáng (proton), điện tử (electron), trung hoà tử (neutron) ... Khi biến đổi một lượng tử sẽ làm nảy sinh một hay nhiều lượng tử thuộc các loại khác.

3. Mỗi lượng tử (trong thời gian giữa sống và chết) được xác định bởi hai đại lượng. Một là năng lượng của nó, năng lượng này không biến thiên liên tục, mà nhảy vọt theo một năng lượng tối thiểu bằng $\hbar * v$, trong đó v là tần số của lượng tử và \hbar là một hằng số, gọi là hằng số Plank, đó là nguyên nghĩa của chữ ‘lượng tử’ (quantum d’energie). Và theo thuyết tương đối thì năng lượng cũng là vật chất, có nghĩa là mỗi loại lượng tử có một trọng lượng khác nhau, trọng lượng này có thể bằng không trong trường hợp hạt sáng. Đại lượng thứ hai được gọi là spin, có thể mường tượng spin là việc lượng tử quay quanh chính nó, mỗi loại lượng tử có một giá trị spin nhất định và theo quy ước nó chỉ có thể là 0, 1/2, 1, ... nghĩa là khác nhau từng nửa đơn vị một.

4. Phương trình sóng của Shrodinger gắn với một lượng tử là một phương trình vi phân theo thời gian, liên hệ các đại lượng sau : tọa độ trong không gian, năng lượng, spin, để thành ra kết quả là một số phức (nombre complexe). Sự biến thiên của số phức này theo không-thời-gian là hoàn toàn tất định. Người ta gọi tập hợp các tham số trong phương trình sóng này là trạng thái của lượng tử.

5. Ý nghĩa của số phức đó như sau : nếu biết trạng thái của lượng tử ở thời điểm T_0 ban đầu thì có thể giải phương trình vi phân để biết, không phải trạng thái tổng thể của lượng tử ở thời điểm T - vì trong cơ học lượng tử ta gặp phải nguyên lý bất xác định (principe d’incertitude) không thể vượt qua của Heisenberg - mà là một khía cạnh nhất định của trạng thái (thí

dụ như tọa độ của hạt lượng tử) ở thời điểm T. Mà thực ra điều phương trình cho biết cũng không phải khía cạnh trạng thái ấy mà là xác xuất do được nó, nếu ta đo. Thí dụ nếu ta dùng một bộ phận phát hiện để xem hạt lượng tử xuất hiện ở chỗ nào trong không gian thì phương trình sóng của Schrödinger sẽ cho biết sự phân bố xác xuất ấy trong không gian một cách hoàn toàn chính xác, và hoàn toàn tất định. Xác xuất ấy tại thời điểm T ở mỗi tọa độ là bình phương biên độ (amplitude) sóng của phương trình Schrödinger tương ứng với từng tọa độ.

Một trong những công thức biểu diễn nguyên lý bất xác định của Heisenberg là : sai số của tọa độ nhân với sai số của xung lượng phải lớn hơn hằng số Plank. Xung lượng là trọng lượng nhân với vận tốc. Hằng số Plank là một con số rất nhỏ so với những gì thấy được trong đời thường, ta biết rằng đơn vị năng lượng Joule là năng lượng của 1 Kg có sau khi rơi 10 cm, và hằng số Plank bằng $6,6 \times 10^{-34}$ Joule-giây, đại khái bằng tác động của năng lượng tương ứng với một phân triệu triệu Kg rơi một phân triệu triệu cm, trong một phân triệu triệu giây. Không có gì lạ là sự bất xác định đó, cũng như cơ học lượng tử nói chung, chỉ được khám phá trong thời hiện đại khi trình độ kỹ thuật cho phép. Điều này cũng cho thấy khoảng cách rất lớn giữa những hiện tượng của đời thường và những hiện tượng trong thế giới lượng tử.

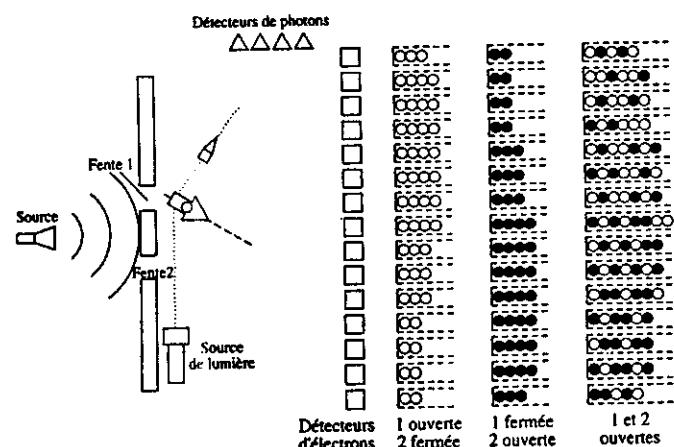
6. Hệ luận của nguyên lý Heisenberg là lượng tử không có một trạng thái duy nhất hoàn toàn rõ ràng, mà thường có nhiều trạng thái có thể, miễn là những trạng thái này thoả mãn một số ràng buộc, như những ràng buộc do sự tác động của các lượng tử khác chung quanh nó. Trong khung cảnh ấy, phương trình sóng của Schrödinger có một đặc điểm như sau : cộng những trạng thái có thể có thì ta vẫn được một trạng thái có thể có. Thí dụ một trạng thái có thể có là sóng chui qua khe A và một trạng thái khác có thể có là sóng chui qua khe B, thì trạng thái cộng là trạng thái sóng chui qua cả A và B cùng một lúc cũng phải được chấp nhận trong khi tính toán. Nếu không thì kết quả tính toán sai với kết quả thí nghiệm. Trở lại hai thí nghiệm nói trên ta thấy rõ ràng là có sự khác biệt, vì chỉ trong thí nghiệm đầu ta mới có trạng thái cộng, trong thí nghiệm thứ hai (hai đợt bắn, mỗi lần chui qua một khe) thì không có trạng thái cộng. Vì thế kết quả khác nhau. Và hai kết quả này đều hoàn toàn trùng hợp với những tính toán của cơ học lượng tử.

7. Vậy khi nào thì điện tử từ sóng biến thành hạt ? Để cho thật rõ điều này ta tiếp tục làm thí nghiệm, lần này người ta muốn biết lượng tử sau khi chui qua khe hở thì nó là cái gì, bằng cách chiếu sáng một trong hai khe (xin xem hình đi kèm, hình này không rõ lắm vì có thể hiểu nhầm là ánh sáng chiếu cả hai khe, xin hiểu là tia sáng thẳng góc với mặt phẳng của hình vẽ).

Nếu là hạt điện tử thì nó sẽ làm lệch tia sáng để bắn vào một bộ phận phát hiện ánh sáng, và như thế người ta đếm được con số những hạt chui qua khe đó. Nay giờ cả hai khe đều mở và ta bắn vài trăm hạt điện tử.

Đúng là có khoảng một nửa hạt điện tử chui qua khe được chiếu sáng. Điện tử thành hạt ngay khi gặp ánh sáng ! Nhưng bây giờ trên màn phosphore hiện tượng giao thoa đã biến mất. Kết quả đúng như hết thí nghiệm hai. Chỉ có thể áp dụng phương pháp cộng sóng khi trong thí nghiệm người ta hoàn toàn không có cách gì xác định sự chọn lựa một trong hai khe. Lượng tử vô cùng quái gở, hê đã muốn nó thành hạt thì nó thành hạt, còn nếu cho nó ‘tự do chọn lựa’ một cách tuyệt đối tức là không tìm cách ‘gian lận’ nào để ảnh hưởng tới nó - vì

bất cứ cách gì cũng thất bại - thì phải coi nó là sóng.



Thí nghiệm ba : soi sáng một khe

Một diễn tả nữa là : với những đo lường trong các thí nghiệm ở qui mô lượng tử thì không thể tách rời đổi tượng bị đo và thiết bị đo, vì khi đo đã là ảnh hưởng trên đổi tượng rồi. Điện tử bị chiếu sáng không còn là điện tử khi nó chưa gặp hạt sáng nữa, vì nó đã bị hấp thụ một năng lượng tối thiểu và chính điều này làm triệt tiêu các lần giao thoa. Ở qui mô lượng tử phải coi các thí nghiệm một và ba là hai thí nghiệm hoàn toàn khác nhau về bản chất.

8. Nếu ta coi một tập hợp các lượng tử thì các nhà vật lý cũng viết được một phương trình sóng tương ứng với tập hợp ấy. Và sự biến thiên của trạng thái của tập hợp tuy rằng có thể vô cùng phức tạp không bao giờ tính toán được, nhưng suy rộng ra từ những trường hợp đã kiểm tra cho một vài lượng tử thì không có gì nghi ngờ về phương pháp này.

Bây giờ ta đi thăm lại con mèo. Nó là một tập hợp các lượng tử vì thế cũng có một phương trình sóng. Con mèo cộng với tia phóng xạ, nếu được bắn ra, cũng có một phương trình sóng. Đây là hai trường hợp có thể có, vậy thì cộng hai phương trình sóng đó lại là sự biểu diễn đúng đắn nhất của cái hộp, trước khi ta mở nó ra. Trước khi đó mèo vừa sống vừa chết.

Bạn bảo tại sao tồn thì giờ tồn giấy tồn mục để nói chuyện nhảm nhí, vì rõ ràng là không thể có, thì người viết bài này cũng xin chịu đó là nhảm nhí. Nhưng bao nhiêu bộ óc xuất chúng nát đầu vì nó thì chắc cũng phải thể hiện một cái gì ? Nhưng đến đây chắc bạn đọc đã quá nhức đầu, xin để kỳ sau phân giải.

Hàn Thuỷ

(*) Những hình vẽ trong bài này được chụp từ cuốn : *Regards sur la matière* của Bernard d'Espagnat và Etienne Klein. NXB Fayard, 1993. Đây là một tác phẩm đại chúng về cơ học lượng tử rất hấp dẫn.

Thư Berlin

Thư này chưa đáng được gọi là thư Berlin, mà là thư *Berlinale*, Liên hoan điện ảnh quốc tế Berlin, mục đích chuyến đi của tôi. Như vậy cũng vẫn cồng điệu : tôi đăng ký quá muộn, sau mấy trăm nhà báo, nên Phòng báo chí của Berlinale 49 chỉ cấp cho tôi tấm thẻ thông hành có giá trị một ngày 15.2, vừa vặn để xem cuốn phim *Ba mùa / Three Seasons* của Tony Bùi buổi sáng và dự cuộc họp báo của đoàn làm phim buổi tối. Một phim trong số 25 phim chính thức dự giải và hơn 500 phim trình chiếu trong 12 ngày ! Cho dù loáng thoáng thấy mặt Meryl Streep, Bruce Willis, Nick Nolte... (lọt thỏm trong đóng vai u của các cận vệ) – Steven Spielberg đã đi rồi, Shirley MacLaine chưa tới – cũng phải muối mặt mới dám viết về Liên hoan phim.

Song tôi đã được sống một ngày ba mươi tết khá đầy đủ, vì xem phim xong, phỏng vấn được Tony Bùi, nói chuyện được khá lâu với hai diễn viên chính trong phim là Đơn Dương (trong nước) và Zoe Bùi (Ngọc Diệp, sống ở Mỹ), và, thú vị biết bao, cả đạo diễn Đặng Nhật Minh từ Hà nội sang, khách mời của Berlinale. Buổi tối, lại được kể đoàn làm phim đi dự bữa tiệc chiêu đãi của công ty phát hành phim Đức vừa ký hợp đồng mua *Ba mùa*. Thế là chúng tôi, mấy chục người Mỹ, Âu, Việt Nam (ở ba lục địa) đã đón giao thừa Kỷ Mão trong một quán ăn ở đông Berlin, quán ăn Pháp nhưng đặc biệt lại dọn thực đơn Việt Nam, khăn bàn được trang hoàng bằng những đoá bông sen trắng muốt, một nhã ý của ông chủ tiệc đối với đoàn làm phim (một trong những cảnh đẹp nhất trong phim là cảnh hổ sen trắng), lăng đãng những cánh hoa hồng đỏ, thay thế cho những cánh hoa phượng vĩ, gợi lên những hình ảnh cuối phim). Thêm một cái may cho nhà báo : được hỏi chuyện diễn viên người Mỹ duy nhất trong phim *Ba Mùa* : Harvey Keitel (nổi danh qua những cuốn phim hay : *Taxi Driver*, *The Last Temptation of Christ*, *Bugsy*, *Thelma and Louise*, *Bad Lieutenant*, *The Piano*, *Pulp Fiction*, *Smoke...*) và nhà sản xuất Jason Kliot.

Có lẽ nên bắt đầu bằng chuyện bếp núc, nghĩa là kinh tế của cuốn phim. Vì nếu *Ba Mùa* là đứa con đầu lòng mang nặng đẻ đau của Tony Bùi (tác giả kịch bản kiêm đạo diễn), thì phải nói nhữ mẫu của nó là vợ chồng J. Kliot và Joana Vicente, hai người đã ngược xuôi tìm ra 2 triệu đôla cho ngân sách thực hiện. Đối với ngân sách của cái nhà máy khổng lồ Hollywood (*Titanic*, *Jurassic Park..*) thì 2 triệu chưa đủ để làm quỹ quảng cáo, nhưng đối với một hãng phim *độc lập* (nghĩa là đứng một mình, đứng ngoài Hollywood), thì số tiền ấy không nhỏ. Phải nói là trầy trọt họ mới tìm ra, vì đây là cuốn phim Mỹ đầu tiên không nói tiếng Mỹ (trừ mấy lời thoại của H. Keitel) : điện ảnh Mỹ làm bá chủ thế giới, người Mỹ

không chịu xem phim phụ đề, ngoài mấy anh chị trí thức ở vài ba rạp New York, Boston và các cô cậu sinh viên ở campus đại học, phim ngoại quốc nào hay hay vui vui (*Trois hommes et un couffin* chẳng hạn), thì Hồ Ly Vọng bèn mua quyền xào đi nấu lại để làm remake với những siêu sao của mình. *Ba Mùa* cũng là cuốn phim Mỹ đầu tiên quay ở Việt Nam (trước 75, không có, sau 75, các thứ *Apocalypse Now*, *Trời và Đất...* đều quay ở các nước láng giềng, hoặc vì họ không muốn, hoặc Việt Nam không muốn họ quay trên đất Việt Nam).

Cái gì đã xui khiến hai nhà sản xuất, cộng thêm H. Keitel cũng góp vốn và nhận thủ một vai *không vo-dét*, cái gì đã xui khiến họ liêu linh, liều lĩnh hai lần như vậy (phim nói tiếng Việt, quay tại Việt Nam, dưới con mắt *bà cô* của công an “văn hoá”) ? Lý do chính, phải nói là : tài năng của Tony Bùi và kịch bản *Ba Mùa* của anh đã lọt vào mắt xanh của họ.

Họ đã biết chọn mặt gửi vàng : tháng giêng 99, ra mắt tại Sundance Festival (Liên hoan điện ảnh, do Robert Redford sáng lập, để ủng hộ các đạo diễn trẻ và nhà sản xuất độc lập), *Ba Mùa* đã giành Giải thưởng lớn của Ban giám khảo, Giải thưởng Phim hay nhất do công chúng bình bầu (ít khi công chúng và giám khảo lại nhất trí như thế) và giải về quay phim. Và *Ba Mùa* được tuyển chọn dự thi tại Liên hoan quốc tế Berlin lần thứ 49.

Một câu nói của H. Keitel có thể giải thích sự thành công của *Ba Mùa*. Keitel đã từng sang đánh Việt Nam (năm 1972) trong Marine Corps. Anh nói : “*Qua cuốn phim của Tony, tôi mới hiểu tâm hồn người Việt Nam, do đó tôi hiểu tại sao họ đã chiến đấu, và tôi mới thấy thông cảm với họ*”.

Cũng cần nói rõ : trong *Ba Mùa*, không có chiến tranh, không có chiến sĩ. Chỉ có nhung con người bình thường, lam lũ, khổ ải của ngày hôm nay : Hải, anh xích lô (Đơn Dương đóng), Lan (Zoe Bùi), cô “gái gọi” kiếm sống ở những khách sạn sang trọng, Woody (Nguyễn Hữu Được) em bé bán thuốc lá, Kiến An (Ngọc Hiệp) cô gái hái sen, thầy Đào (Trần Mạnh Cường) hiện thân của nhà thơ Hàn Mặc Tử, bị cùi, ẩn mình trong ngôi nhà giữa đầm sen trắng...

Đó là những con người mà Tony Bùi (tên Việt Nam đầy đủ là Bùi Tuyết Duy Vũ : hai chữ đầu của cha, một cựu sĩ quan không lực VNCH, hai chữ cuối của mẹ, một người yêu thơ, nhất là thơ Hàn Mặc Tử), chàng thanh niên sang Mỹ năm hai tuổi (1975), trở về lần đầu năm mươi chín (1992), đã gặp và làm quen trong những chuyến về nước tiếp đó, ba tháng, sáu tháng... tuỳ theo học bỗng của khoa điện ảnh trường đại học Loyola Marymount (California).

Việt Nam, đối với H. Keitel, là chiến tranh. Với Tony, cũng vậy, khi anh xem tất cả những phim Mỹ liên quan đến Việt Nam. *Vietnam is a War*. Cũng may, kho băng video của 5 tiệm cho thuê băng của cha không chỉ có phim về chiến tranh Việt Nam, mà có tới 50 000 phim truyện. Mỗi ngày, hai anh em ngồi xem hai, ba phim, năm này qua năm nọ. Rồi lên đại học, Tony làm quen với điện ảnh thế giới, V. de Sica, Rossellini, Truffaut, Godard, Trần Khải Ca, Trương Nghệ Mưu... và nhất là Tarkovsky. Rồi lớn lên với những đạo diễn thế hệ mới : James Ivory, Tarantino, anh em Coen, Ang Lee...

(xem tiếp trang 32)

MẮT MIỀN TÂY

Chị Hải tôi ngồi đằng trước, tóc xốn xác bay theo gió. Tôi ngồi giữa xe. Lỗn nhỗn bên cạnh là mấy trái ổi và cam tươi vừa hái ở vườn bắc Tư Cành. Bác Tư Cành và cậu Út ngồi sau. Người cha mắt sáng rực, mờ tóc búi gọn thành một quả cầu bạc bằng cỡ trái vú sữa sau ối. Mắt ông nhìn vào đâu cũng mang vẻ phiêu diêu, như đang dõi tìm một cái gì xa lánh tận chân trời. Ông là người có ngôi vị cao nhất xứ đạo này. Đạo thờ con mắt trái... Đêm nay rằm, ông phải đi hành lễ cách nhà chừng mười một dặm đường sông. Chúng tôi là khách quý, ông cho đi cùng.

Con sông trắng bạc trùm mình biếng nhác dưới trăng. Ghe chúng tôi đi đến đâu cũng khiến cho ánh trăng vỡ vụn ra tan chảy. Con nước lớn đang uể oải xuồng, để lộ những chùm rễ cây như bàn tay nồng phu chằng chịt gân đang nhúng xuống nước. Mắt chị tôi mở lớn, miệng nở một nụ cười khờ dại. Tôi thường nói: “*Chị có nụ cười quyền rũ kẻ cắp*”. Bởi vì trước khi sang Tây, mỗi lần ra phố chợ, chị tôi lại đánh mất một món gì đó. Có lần chị còn tháo cả nhẫn, đồng hồ và áo len đưa cho một mụ lừa đảo nào đó để đổi lấy chiếc túi đựng nửa cân len tái sinh được làm từ chăn chiên nát. Mất nhiều lần quá, chị chẳng còn gì quý giá trong tay. Những lần đầu nghe tin chị mất chúng tôi còn thương xót, sau dần thành nhảm, cuối cùng đổi sang nổi giận. “*Tại sao cứ để mất mãi, lấy gì ăn*”. Thế mà sang Tây, sự thật thà khờ dại của chị lại đặc địa. Người Tây rất ghét lối buôn bán ma lanh giảo quyết của đa phần người Việt. Thấy chị tôi bé nhỏ như một đứa trẻ lên mười, bị nuốt chửng bên mặt quây hàng trên chiếc xe đầy dưới mưa tuyết với đôi mắt đen thắm, dáng người không ra đòn bà không ra thiến nữ, nhiều khách hàng cảm cảnh chỉ chọn mua của chị tôi. Vì thế chị trở thành người bạn hàng nổi tiếng ở Ulan-bato và có được một vốn liếng kha khá để giúp đỡ đại gia đình

chúng tôi bên này với bồ đoàn hai mươi bảy nhân mạng già trẻ lớn bé ngặt ngẽo những cái đầu nhồi đầy chữ và lủng củng các bàng cấp, ngày ngày tháng tháng đi làm người nhà nước mà lương chỉ đủ tiêu trong một tuần. Đó là chưa kể chị còn nuôi trong nhà một thằng con nhỏ ngỗ ngược. Đó là Tuấn, gã đàn ông điển trai kém chị ba tuổi, tóc xoăn, mắt lúc nào cũng đỏ kè vì rượu, suốt ngày hết nằm ườn lại lê hết quán nợ hàng kia ăn nhậu rồi cầm nợ. Cuối tháng, các hàng quán đến réo gọi. Chị tôi lại run run vừa khóc vừa móc hầu bao trả hộ, trong lòng rủa thầm mình dại dột và tự hứa không bao giờ trả tiền cho cái thằng tệ bạc đó nữa. Nhưng tháng sau lại cứ thế. Đó cũng chưa kể là Tuấn còn “giật tạm” của chị khoảng vài chục ngàn đô la để tiêu vào việc gì đó không biết. Chị tôi nghĩ rằng hắn đi với một cô điểm nghiệp dư tên là Trâm. Cái cửa hàng bán đồ ăn nhanh mới dây của cô ta ở góc phố nghe nói là do Tuấn giúp. Ai cũng bảo rằng tiền của chị tôi có chán chạy sang đó. Có hôm người đứng bán hàng quay cô Trâm còn thấy hai chị em cô ta, mỗi cô ngồi một bên đùi Tuấn cùng chuốc rượu và ngả nghiêng cười. Thế mà ai cũng biết Tuấn ăn ở với chị tôi đã năm năm.

Tuấn là con của bác Tư Cành. Cũng như chị tôi, tốt nghiệp đại học, đi làm mấy năm rồi sang Ba Lan làm đội trưởng lao động, khi chính thể thay đổi thì tá túc lại. Tuấn quê miền Tây. Chị tôi quê Vĩnh Phú.

Nhà bác Tư Cành thật thà như đếm. Ở miệt vườn thấy khách đến mừng như bắt được vàng. Nhà có ông con sang Tây đã mười ba năm. Chị tôi mỗi năm một lần về phép thăm nhà. Còn Tuấn, mười ba năm không về nước. Người mẹ nhớ con quá đã khóc nhiều rồi mất mà chưa kịp gặp con. Còn bác Tư Cành và cậu út ở lại giữa ngôi nhà rộng trống toang đầy gió. Nhà riêng của năm người em Tuấn quây trong vườn. Trông xa xa có thể

nhầm đó là cái lều vách nẹp dưới tán cây dừa nước.

Tôi nghe nhôn nhộn sau lưng tiếng thì thầm của cậu út :

- Trúng phóc rồi ba !
- Trúng gì !
- Bồ của anh Hai con.
- Sao mây dám chắc ? Làm như mây là thằng Hai không bằng.
- Chắc chớ ! Không là bồ, ai vượt cả ngàn cây số đi thăm nhà mình. Mà con xem ảnh rồi.

Tôi quay lại, lén nhìn bác Tư. Gương mặt chất phác của bác hình như sáng lên một chút dưới ánh trăng. Tôi nhớ mấy cô em gái của Tuấn đã mừng đến phát khóc khi thấy chúng tôi đến. Chị tôi ăn mặc “không giống ai” trông biết ngay là một “Việt kiều” xa lạ. Xem ảnh, thấy anh Tuấn ôm chị tôi trong lòng, mắt vẫn đỏ kè, miệng nhếch cười, trông anh ta trẻ hơn chị cỡ dăm tuổi. Điều đó thường rất cộm trong con mắt xét nét của các bà cô. Song ở đây, dân miệt vườn miền tây không để ý. Họ nhìn chị tôi cũng tưởng như hít thở được hơi hướng của ông anh đã bỏ họ mà đi biến biệt mười ba năm, tang mẹ không về, tang ông tang bà cũng không về, một dòng một cắc không gởi giúp bố mẹ anh em. Từ ngày ông anh ra đi, trong vườn đã mọc thêm ba ngôi mộ xây trảng toát không nhận được nén nhang nào của cậu đích tôn.

Tôi đang suy nghĩ vẫn vơ thì ghe cập bến. Chúng tôi lồm cồm bò trên chiếc cầu bằng một cây tre nỗi từ chỗ buộc ghe lên bờ, trong tiếng cười thích thú của cậu Út. Rặng cây sảng ngồi trên khuôn mặt màu nâu. Theo cha, mới mươi tám tuổi, Út đã ăn chay được nửa năm. Tôi tự hỏi tại sao nhà bác Tư sống phúc đức thế mà sinh ra một ông con như Tuấn ? Tôi quặn ruột nhớ lại tháng này năm ngoái người bạn gái của chị tôi ở Ba Lan về đã ôm lấy tôi khóc và kể chuyện chị ở bên kia bị Tuấn đánh đập. Tôi không khóc, ngồi lặng, thầm mong cho cái tay kia bị tống cổ ra khỏi biên giới Ba Lan cho chị tôi thoát khỏi tay hắn. Hắn là dân ti nạn. Ba lần hắn suýt bị tống về song chị tôi lại đi lô lót chạy chọt cho hắn ở lại. Hoặc nếu không, cậu cho hắn say rượu chết quách đi cho ránh nợ. Vì tôi biết, chị tôi không đủ sức thoát khỏi hắn. Chị tôi yêu hắn, lo cho

hắn như mẹ dõi theo con và phục vụ hắn như một kẻ nô lệ, vừa làm vừa tự an ủi rằng hắn không đến nỗi nào.

Chúng tôi thả bước trên con đường rải sỏi. Tít trên cao kia, ở dốc ngôi nhà rêu phong có vòm cao, một con mắt trái cực lớn được tạc và toả sáng. Tất cả các tín đồ đến dự lễ đều mặc áo trắng. Đội đồng nhi gồm mười hai thiếu nữ chắp đôi bàn tay giữ mười hai cây nến và những nén hương đang cháy đỏ, tiến thoái nhịp nhàng trong điệu nhạc dâng hương. Một cô bé mặt tròn mắt cũng phiêu diêu như mắt bác Tư Cảnh đang cất giọng linh xướng. Các thiếu nữ hoà giọng theo những chuỗi âm thanh thánh thót ngân nga trong đêm nghe như xa xăm và không rõ lời. Hình như bài đồng ca đang nói về cái chết. Hình như đó là bá khấn nguyện vong hồn các tử sĩ. Tôi nhìn chị, hình như lâm thâm đâu đây có những linh hồn nhỏ xíu nương ánh trăng rằm đậu về trên đôi môi run run của chị tôi.

Đêm nay bác Tư Cảnh đóng vai phụ. Nhân vật chính là đội đồng nhi với mười hai thiếu nữ mặc đồ trắng nổi bật trên sân. Dân miệt vườn đi ghe đến dự lễ, cột ghe san sát ngoài bến. Họ ngồi trên những chiếc ghế dài dẽo sơ sài bằng gỗ. Bàn tay thô kệch đặt vụng về trên đầu gối và ánh mắt cũng phiêu diêu như bác Tư Cảnh. Nước da họ sẫm màu như những con kênh nước đục tứ thời. Năm ngoái họ thất thu mùa lúa. Lúa gặt rồi chất đống ngoài đồng không ai thèm mua, mọc mầm xanh ròn bờ ruộng. Rồi những con trâu của họ nhẫn nha dạo bước trên bờ, lười biếng thè chiếc lưỡi ráp, liếm thứ mạ chồng chất lên nhau mà mọc từ các đồng lúa mặn chát mồ hôi tắm suốt mấy tháng trời của nhà nông cùng những đồng tiền vay để lo phân gio cây cấy. Năm ngoái nông dân khóc bên những đồng mạ bắt đắc dĩ và những con trâu của họ. Còn năm nay, dầu vụ vú sữa đang hớn hở vì được giá thì đến giữa vụ bán chẳng ai mua, trái rụng thối gốc cây bởi vì người ta kìn kìn chuyển vú sữa từ Trung Quốc sang với giá hạ hắn và trái lại to hơn. Từ năm ngoái đến năm nay số tín đồ đến với bác Tư Cảnh đông gấp đôi. Mắt họ cũng phiêu diêu nhìn về phía chân trời.

Chị tôi đang nhìn ông bố của người yêu một cách thành kính. Ở bên kia khi

chị nói ý định về thăm bác Tư Cảnh với Tuấn, Tuấn gật đi “ *Ai biết bà là cái c. khô giò mà về* ”. Chị tôi bập môi cắn răng không nói, biết rằng anh ta sợ chị về mách với bác Tư chuyện anh ta lêu lổng ở bên này. Dù lêu lổng, anh ta vẫn muốn bám lấy hình ảnh “ anh Hai ” – người có ăn có học cõi nhất trong nhà. Đêm trước khi về phép, chị gọi điện cho tôi, chỉ nghe “ *Mình ơi ! ...* ” rồi lặng. Tôi gào “ *Em đây ! Chị làm sao thế* ”. Một tiếng nấc “ *Chị Hải đây mà. Nó... vừa đánh chị ngã từ cầu thang xuống. Em đừng nói với ai nhé. Nhưng... chị sẽ về thăm nhà nó...* ”. Chị nức nở rồi đặt máy. Tôi đấm tay xuống bàn đau cả xương. Ba ngày sau tôi đón chị với một bên mắt thâm tím mà chị cố che đi bằng lớp phấn màu nâu nhạt. Nhưng càng thế càng rõ mồn một. Ngay tại sân bay, tôi đã nghĩ rằng : “ *Chị đem gá lão vô lương ấy cho gái điếm đi cho rảnh nợ. Em không cho chị đi miền Tây đâu. Có mà điện – Cái nhà đã sinh ra nó chắc cũng đáo diên* ”. Chị tôi không nói gì. Nhưng về nhà được nửa tháng, đêm chị thường quay bên nọ trở bên kia, nhiều lúc đặt tay lên mắt mà dòng nước mắt cứ rò xuống thái dương. Ngày thứ mười sáu, trở dậy, vừa gấp chăn màn, chị nói : “ *Em lấy vé máy bay cho chị đi miền Tây* ”. Tôi la lên : “ *Trời đất ơi, phí tiền vô ích. Chị phải mua vé theo giá người nước ngoài đấy. Góp đó, du lịch sang Pháp còn hơn – Chị đừng dính dáng gì đến gá đó nữa mà thân bại danh liệt, về già không còn một xu* ”. “ *Không ! Chị phải đi. Chị thương cha mẹ của Tuấn. Ai mà chẳng muốn sinh con ngoan, mà trời cho thì được, chẳng cho thì thôi. Yêu đương duyên số cũng vậy – Chị sẽ đem camera vào quay cảnh nhà Tuấn, cha mẹ anh em rồi mang băng sang cho Tuấn xem. Nhìn thấy người thân, chắc Tuấn sẽ cảm động mà tu tính* ”. “ *Gá đó có mà tu hú* ” – “ *Nói vậy chứ, Tuấn cũng chưa phải là kẻ cướp giật. Chị ngu dai trót gắn với hắn rồi. Mà tại số chị nó vậy, không quên được Tuấn. Sau những lúc hắn đánh chị, hắn lại làm lành trong vụng như một con bò nhỏ. Em đi cùng chị nhé. Về đây, đi xa một mình chị sợ* ”. Và tôi chỉ còn giờ hai tay lên trời mà chạy đi mua vé. Tôi không dám thả cho chị đi một mình. Chị ưa ăn mặc diêm dúa, đeo nhiều đồ trang sức, cổ súc làm

ra vẻ trẻ trung, bọn cướp giật trông bất mắt, biết chuyện gì xảy ra.

Chị tôi lại dán ống kính của chiếc camera vào đội đồng nhi. Xa xa, trong ánh nến, bác Tư Cảnh đang cười cười trả tay về phía chị, bên cạnh là mấy người cõi tuổi bác. Bác có vẻ hanh diện về chị, một cô gái cõi bốn nhăm tuổi. Khi chị đi qua, nhiều người nhìn theo. “ *Con dâu ông Tư Cảnh đó* ”. Mặt chị rạng rỡ. Đôi chân chị bước nhẹ bỗng. Mỗi lần muốn xin tiền, Tuấn thường nói : “ *Anh sắp cưới em làm vợ* ”. Lúc chính quyền Ba Lan kiểm tra hộ chiếu để tính chuyện đầy những người không có hộ chiếu về nước, Tuấn cũng ôm lấy chị và nói : “ *Mai chúng mình làm thủ tục đăng ký đi* ”. Chị không muốn ràng buộc quá chặt chẽ với Tuấn vì biết như thế rất nguy hiểm, song trong lòng được an ủi nhiều lắm khi nghe hắn nói vậy, dù biết rằng hắn nói dối. Lúc cần Tuấn bao giờ cũng biết nói dối một cách trơ trơ nhất. Hắn thường hẹn ngày mai và mùa sau nhưng cái mùa đó chẳng bao giờ đến. Và rốt cục là chị lại chạy vạy mất hồn chục ngàn đô-la để mua cho Tuấn một cái hộ chiếu.

Trăng lên cao. Bác Tư Cảnh đứng trước đám tín đồ, rành rọt nói về các điều răn và nhắc lại những ngày ăn chay trong tháng. Tôi nghe loáng thoáng trong những điều răn có cấm uống rượu, cấm nói dối, cấm đánh đập kẻ khác. Bác Tư Cảnh không có dáng vẻ của một giáo chủ. Đạo của bác chỉ là những lời thô mộc. Các tín đồ đến với bác như bầy bạn.

Chúng tôi trở về, bác Tư Cảnh bảo Út tắt máy, nhẹ nhẹ gẩy chèo cho thuyền chậm chậm trôi. Trăng khuất vào đám mây tối sầm, mặt sông chỉ được nhận thứ ánh sáng mờ nhạt. Vài bóng đèn lận lội bên mé sông mờ lôm cá trong đặng. Nước xuống nhiều lòng sông như hép lại. Những trái xoài xanh đang đưa trên đầu. Bác Tư chợt hỏi :

– Hai nè ! Thằng Tuấn ở bến té lầm phải không ?

Chị tôi ậm ừ :

– Dạ... không.

Bác Tư khuỷu mạnh mái chèo :

– Hôm bạn nó về thăm, có kể qua. May nó không còn, không phải nghe chuyện buồn...

– Dạ. Cũng không đến nỗi tệ quá như mọi người nghĩ đâu bác. Bác đừng quá lo.

– Vậy chuyện con với nó ra sao ? Con thương nó chớ ?

– Dạ ! Con thương.

– Con thương thì con khổ. Thằng Hai hồi nhỏ học giỏi nhất xóm nhưng mà nó chỉ biết mình nó. Hồi chưa đi Tây, suốt ngày nó chỉ chiết ba má không giàu sang như người ta, không tạo được chỗ đứng cho con. Bác nghĩ tủi thân, bán một nửa vườn trái, chạy cho nó đi Tây...

– Dạ, Tuấn có kể với con.

– Vậy bây giờ con tính sao ?

Chị tôi so vai ngồi im, mắt ặng ặng, mi mắt dày dặn. Bác Tư Cảnh thả xuôi mái chèo. Đằng trước, chỉ còn cậu Út đang lầm lũi một mình khua nước. Tôi ngồi thiu thiu trong ghe, nhớ lại buổi lễ của bác Tư Cảnh, cũng nhớ lại chuyện chị bạn kể trong một đêm hắn say khướt, chị tôi không mở cửa, Tuấn phá cửa xông vào. Tuấn đã dập phá bàn thờ mẹ tôi, hương hoa và “cành vàng lá ngọc” tung toé trên mặt đất. Chị tôi đã bị gã đẩy ra đứng ngoài cửa lạnh công suốt đêm, suýt lao đầu từ tầng thứ chín xuống đất. Sáng hôm sau tỉnh rượu, gã dựng lại bàn thờ rồi khật khưỡng mở cửa bước ra ngoài, thấy chị tôi ngồi bên cánh cửa, mới vội vàng bế xốc vào cấp cứu. Bình thường, chị tôi ăn món gì ngon cũng đặt lên bàn thờ thấp hương khấn mẹ trước. Mọi người chắc mẩm phen này chị sẽ bỏ được hắn. Ai ngờ đeo đẳng cho đến tận bây giờ.

Đêm ấy tôi không ngủ. Gió ào ạt thổi từ mặt sông. Tiếng dây xích chiếc vông

tre của bác Tư cũng cứ “khắc... khè, khắc... khè” nghiến vào gỗ suốt đêm. Chị tôi không ngủ nhưng trống lại rạng rỡ, khen “*Cha của Tuấn hiền qua, cả nhà tình cảm quá*”. Tôi biết, chị đã yêu cái gia đình này từ lâu, từ lúc chưa gặp. Yêu vu vơ vậy. Và bây giờ, khi trống thấy họ, chị sẽ suốt đời gắn bó. Từ nay, mỗi lần Tuấn tệ bạc với chị, chị sẽ có thêm một lí do để biện bạch : “*Rồi Tuấn sẽ khác – vì gia đình Tuấn chân thật đến thế kia mà*”.

Sáng hôm sau, trước khi ra đi, chị tôi vào vườn, thu vào camera những ngôi mộ ông bà tổ tiên cũ và mới vừa quét vôi trắng toát. Khi quay đến những chiếc “lều vịt” – nơi tá túc của năm gia đình năm em trai Tuấn, nước mắt chị nhuè nhuột.

Rồi bác Tư Cảnh và sáu đứa con, mười bảy đứa cháu ra tiễn chị. Bác Tư Cảnh vẫn mặc đồ trắng, tóc búi, đứng im lìm như pho tượng, mắt nhìn về đường chân trời đang lẩn khuất sau những rặng cây xa mờ. Không biết lúc nãy bác dặn chị tôi điều gì mà chị tôi gật đầu vừa cười vừa khóc.

Bây giờ thì tôi biết. Người làng bác Tư Cảnh lành lắn. Họ không đòi gì ở mảnh đất này. Đã quen thất vọng, họ dành đợi sự đền đáp ở chân trời. Và chị tôi cũng vậy, mắt chị tôi cũng phiêu diêu như mắt miền Tây.

Võ Thị Hảo

1997

(trích từ tập truyện ngắn

NGÂM CUỐI của tác giả,

Nhà xuất bản Phụ Nữ, Hà Nội,

1998)

Thư Berlin (tiếp theo trang 29)

Lần đầu về Việt Nam, “bị” mẹ gửi về thăm ngoại, Tony ngán vô cùng : Việt Nam không phải là tên một cuộc chiến tranh, nhưng ôi sao mà bẩn, bụi, sao mà nóng, ẩm, ôn đến thế. Hai tuần sau, quay về Mỹ ngay. Từ sân bay San Francisco chưa về tới San Jose, mà sao, lạ thay, lại nhớ, lại bị ám ảnh bởi cái xứ mà mình vừa thở phào đi khỏi ! Đó là khởi điểm của một hành trình dài đưa Tony thám dẩn, đền khoan khoái tận hưởng cái nóng, cái ẩm (từ đó mà nảy ra một trường đoạn “cạo gió” trong *Ba mùa*, tuyệt !), tận hưởng hương ngát của đầm sen về đêm..., thán thiết với những con người “không bao giờ nói đến chiến tranh”, lam lũ, khổ ải, mà sao có một sinh lực, một ý lực kỳ lạ...

Yếu tố tạo nên thành công của *Ba mùa* chính là ở chỗ này : một tâm hồn mẫn cảm, một tài năng không mặc cảm, tìm hiểu những con người thực, không định kiến, để cho ống kính bươn chải cùng với họ trong dòng đời... Tony không chuyển tải một “thông điệp” nào, không muốn “chứng minh” điều gì, không muốn làm ngập mắt khán giả bằng những hình ảnh “duy mỹ”. Kết quả là một cuốn phim truyền cảm, nhân hậu, đầy thương đau, thảm cảnh mà vẫn căng đầy sức sống. Chính những con người đó đã đi vào lòng người.

Khán giả ở Mỹ sẽ được xem *Ba Mùa* từ cuối tháng 4 này. Khán giả ở Los Angeles có thể xem trước tại Liên hoan điện ảnh Newport ngay từ cuối tháng 3 (xem chi tiết trên mạng internet, ở địa chỉ <http://www.nbiiff.org>).

Cuối thư, xin cảm ơn tất cả những bạn đọc của Diễn Đàm, những bạn quen xưa và những anh chị mới được gặp lần đầu, đã bỏ thời giờ cho tôi “phi ngựa xem hoa” thủ đô nước Đức, la cà khu chợ Vietnam Center ở Đông Berlin, nghe karaoke đủ loại nhạc vàng nhạc đỏ (Hà Nội niềm tin và hy vọng!). Tháng 5 này, Nhà văn hoá thế giới của Berlin sẽ tổ chức Mùa xuân Việt Nam (hội hoạ, văn học, nghệ thuật...).

Xin hẹn mùa xuân, lúc đó mới dám viết Thư Berlin...

Kiến Văn

Diễn Đàm forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/ 91 * Commission Paritaire : AS 7 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ :

BP 50, 92340 Bourg-La-Reine (Pháp)

Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

E-Mail: diendan@wanadoo.fr

<http://perso.wanadoo.fr/diendan>

Dai diện ở các nước :

Đức : Tran, Am Stadtpark 6, 92237 Sulzbach-Rosenberg

Ba Lan : điện thoại di động 0-602 394063, E-Mail: ldloc@friko6.onet.pl

Thể lệ mua báo : xin coi trang 3

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hoặc trên đĩa Mac (font PDT) hay PC (font ABC/TCVN, VNI, VPS, PDT...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet tức VIQR).